INDO-CHINOIS
8° 585

古文摘譯

CỔ-VĂN TRÍCH-DỊCH

DÉPÔT LÉGAL
INDOCHINE
N° 8910

Dịch những văn chữ nho của các bậc danh-nhân Tầu cùng các cụ tiền-hiền nước nhà, mà dịch theo lối văn xuôi.

PHÓ-ĐỨC-ĐÔN
dịch thuật

Dịch-giả giữ bản-quyền

1927
IMPRIMERIE NGUYÊN-TUYÊN
NAM-DINH

•Quán Ven Đường, Góp Nhặt Sách Xưa (người đi lượm sách Huỳnh Chiếu Đẳng)•

古文摘譯

CỔ-VĂN TRÍCH-DỊCH

Dịch những văn chữ nho của các bậc danh-nhân Tầu cùng các cụ tiền-hiền nước nhà, mà dịch theo lối văn xuôi.

PHÓ-ĐỨC-ĐÔN
dịch thuật

Dịch-giả giữ bản-quyền

8° Ind-Ch. 585

1927
IMPRIMERIE NGUYÊN-TUYÊN
NAM-DINH

TỰA

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F.

Việt-Nam ta lập quốc, nào chính-trị, nào văn-chương, nào luân-lý, cổ lai đều theo văn-hóa Tầu, nên những bậc văn-nhân tài-tử đều học chữ Tầu, văn-chương Tầu, không nghiên cứu đến lối văn-chương nước nhà; triều Trần, triều Lê cũng có thi văn-chương bản-xứ, ít lâu lại thôi, nên văn-chương nước nhà không thành lề-lối gì... Nước ta không phải là không có văn-chương đâu, xem như truyện Kiều, Nhị-độ-Mai, Tần-cung-Oán, Chinh-phụ-Ngâm, nhiều lối văn êm-ái rễ nghe, nhưng đều là lối văn-vần, để ngâm-nga mà thôi, vì rằng những người không học chữ Tầu, không biết ngâm-vịnh văn-chương Tầu, nên các bậc tiền-hiền kiệt tinh-thần tâm-não đặt những lối văn ấy, để giúp những người không biết chữ Tầu, còn như biên-ký, nghị-luận cùng các việc quan-hệ, thời thuần dùng văn Tầu, nên lối văn-xuôi nước ta không có một quyển nào đủ làm phép cho chúng ta ngày nay.

Nay đương hội Pháp-Việt giao thông, những bậc thông-minh đều học chữ Pháp, dùng văn Pháp, nhưng trong nước người không biết chữ Pháp lại là phần nhiều, nên sự biên-ký, giao-thiệp trong xã-hội, không khi nào bỏ được văn-chương nước nhà. Cổ-giả dùng lối văn chữ nôm, mượn chữ Tầu mà phát-âm, cũng không tiện cho người không biết chữ

•Quán Ven Đường, Góp Nhặt Sách Xưa (người đi lượm sách Huỳnh Chiếu Đẳng)•

Tầu, nên văn-chương nước nhà cũng vì đó mà ngăn-trở đường tiến-bộ. Chữ quốc-ngữ nước ta ngày nay, là một thứ chữ phổ-thông, dẫu từ đàn-bà, con-trẻ công-dụng không bao lâu, có thể biên-chép củng thư-từ, tuy rằng biên được, viết được, nhưng không thành lối văn, đặt không nên truyện, nói không nên nhời, có khi người xem không hiểu, thế thời lối văn-xuôi nước nhà ngày nay thực là quan-hệ lắm thay!

Có kẻ nói rằng: « bây giờ đã học chữ Pháp, đem văn-chương Pháp mà suy-diễn ra quốc-ngữ để làm riêng lối văn, cũng không khó gì », nói vậy thực là không nghĩ xâu-xa, thành được một lối văn có phải thảo-lược ít lâu mà thành nề-nếp đâu! Vả nước ta là nước thâu-thái văn-minh Tầu, đã mấy nghìn năm dẫu từ tính-tình, nghĩ-ngợi, nói-năng sự thường, cũng là thoát thai văn học Tầu mà ra, nhất đán bỏ hết nề-nếp cũ, mà theo lối mới, chỉ hãi rằng mực hay chưa tới, mà sự vẫn-vơ đã theo sau; gì bằng hãy đem văn-chương nước nhà thường dùng mấy nghìn năm mà diễn-dịch, thời sự nói-năng cũng quen, không đến nỗi bỡ-ngỡ lạ-lùng. Không phải là văn Pháp dịch không thành văn đâu, nếu nước ta cũng dùng chữ Pháp lâu năm như chữ Tầu, tính-tình tiêm-nhiễm, người nói quen giọng, người nghe quen tai, thời lâu-lâu mới thành được lối văn có nề-nếp.

Văn-chương là gì? là để tả tính-tình, mà cũng để bảo-tồn tinh-thần một nước nào luân-lý, nào

chính-trị, nào ngôn-luận, tư tưởng, ông cha ta mấy mươi đời lưu truyền mới có ngày nay, mà thành được một nước văn-hiến ở miền Á-Đông, bao phen đối-đãi cùng Tầu, chả cũng nhờ lối học hành ấy ư? Nay lối văn-minh mới chưa thành thực, mà nề nếp cũ không nhắc lại, sửa lại, khác gì lúa mùa chưa chín mà đã vội bỏ gạo chiêm không dùng, như thế chả dại thời cũng cuồng. Vì thế tôi tìm-tỏi những văn-chương chữ Tầu đã xếp kín trong khoảng hơn hai-mươi năm nay, nào văn-chương của các bậc danh-nhân Tầu, nào của các cụ tiền hiền nước nhà, là những văn các bậc văn-nhân tài tử nước ta thường dùng làm phép ngày xưa; tôi chỉ chọn những bài hợp với tư-tưởng văn-minh trình-độ thời nay mà diễn-dịch, chia làm 4 mục: 1° Tả-cảnh.— 2° Tả-Tình.— 3° Luận.-thuyết — 4° Kinh-Tế, mỗi mục mấy bài, để hiến những bậc thiếu- niên đồng-bào cùng xem, biết rằng lối văn chữ Hán là thế, mà ông cha ta mấy nghìn năm trước vẫn dùng lối văn này.

Những văn tôi đã diễn-dịch ra đây, không những là kê-cứu các lối văn, mà nền giáo-dục mấy nghìn năm nước nhà cũng đều thêu-diệt ở trong các bài văn ấy, đồng bào ta ngẫm-nghĩ nhần nhị bổ ích biết là nhường nào, cũng có thể tỏi lại những tinh-thần của ông cha ta, nhời nói cổ-nhân, tư-tưởng cổ-nhân, đời tuy xa, việc tuy khác, cũng đã phí bao nhiêu tâm huyết trí-não, mà thêu dệt ra nền văn-chương này, chúng ta cũng nên lấy làm gương mà ngắm soi.

Phó-đức-Đôn

I. – TẢ-CẢNH

I.— Bài ký lầu Nhạc-Dương

Tháng xuân năm Khánh-lịch thứ tư, ông Đằng-tử làm quan Thú Ba-lăng, hơn một năm, nhân-dân yên vui, các việc sửa sang, nhân chữa lầu Nhạc-Dương thêm rộng hơn xưa, uỷ tôi làm ký, để làm lịch sử lầu này:

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 8350

Phong-cảnh Ba-lăng, đẹp nhất là hồ Động-đình, núi xa thấp thoáng, sông giài lượn theo, thăm-thẳm mênh-mông, biết đâu là bờ, nắng hôm mây sớm, cảnh tượng đổi thay biết mấy muôn lần, đấy là cảnh nhớn lầu Nhạc-dương, thơ phú cổ nhân đã từng ngâm vịnh. — Hồ Động-đình bắc liền Vu-giáp, nam tới Tiêu-tương, người ly-biệt, kẻ văn-nhân, kẻ đi người lại, nào thiếu chi người, cảnh cũng cảnh này, tùy người vui tẻ, mà con mắt du quan cũng khác nhường:

Này khi mưa dầm sùi-sụt, suốt tháng không ngơi, gió ù ù, sóng ầm ầm, đêm ngày mù-mịt, thành-quách tờ-mờ, thuyền bè neo-nọc, sếp buồm gác chèo, ngày chưa tới hôm hổ gầm vượn hót, lên lầu trông quanh, cảnh nào cũng buồn, chả cũng động lòng bi-cảm (1), nhớ nước nhớ quê và lo sợ sự gièm-pha lắm du! — Đến như cảnh xuân đầm-ấm, lặng gió yên mây, chân giời mặt nước, thẳm

(1) bi-cảm: bi là thương, cảm là cảm tình

biếc một mầu, vây bạc cá lội, cánh biếc le bay, cây trên bờ, hoa dưới nước, đo-đỏ xanh-xanh; giời đêm mây lặng, vằng-vặc bóng Nga, sóng bạc nhấp nhô, thuyền xuôi lái ngược, chèo hát véo von, ngồi mát rót rượu, vui thú nhường nào, chả cũng tâm thần xảng-khoái (1), vinh nhục đều quên du!

Thăm viếng lầu này, cổ nhân nhường bao, đo lòng tưởng nghĩ, chắc cũng khác vời, không vì cảnh đẹp mà quên lo, không vì uất-ức mà buồn-rầu, khi quý-hiển (2) không quên nước. khi ẩn-dật (3) không quên vua, thế thời lúc nào cũng lo, biết bao giờ là vui; hay là: lo toan ta sớm hơn người, khi vui nhường để trước người rồi ta. . . nghĩ đến cổ-nhân mà ta những tần-ngần ở trên lầu này.

Phạm-trọng-Yêm

II. — Bài yết đền bà Phiếu-Mẫu

Ta tự kinh-đô về qua Hoài-âm, ghé thuyền lên bờ, nhân tìm cổ-tích(4) yết đền bà Phiếu-Mẫu ở trong thành. Tưởng khi ông Hàn-Tín hàn vi, trong làng dơ ghét, châu huyện không dung, kể rằng mưu lược (5) nhất đời, tài đành vương-tá (6) đến nỗi kiếm

---

(1) sảng-khoái : sáng xủa tỉnh tao.
(2) quý-hien : quan sang chức trọng.
(3) ẩn-dật : kẻ chán việc đời, ở một nơi xa vắng.
(4) cổ-tích : giấu cũ.
(5) mưu lược : mưu kế tài cán.
(6) Vương-tá : giúp vua nên thịnh-trị.

Kho sách xưa Quán Ven Đường

không nồi ăn, nhà không lửa khói, ra sông buông câu, cá không bắt mồi, cỏ xanh ăn nào đặng, nước lã uống nào no, giá bà không nuôi nấng mươi hôm, thì cũng là thây chết lả ở bờ sông mà thôi, nên khi vị đến hầu vương, tìm khắp mọi nơi, tạ ơn nghìn vàng.

Vả chăng người đời chỉ luồn cúi ở nơi quyền-môn, nghìn vàng không tiếc, dẫu ngọc Dạ-quang, ngọc Chiêu-hoa, cũng thiên-phương bách-kế đem dâng, được nhận là vinh; đến như những kẻ hàn-vi phong-trần, hồng chưa gặp gió, rồng chưa gặp mây, chỉ cần đấu thóc bữa cơm, nào ai muốn phí mẩy-may mà cứu tính mệnh sớm hôm, mới biết ân-nghĩa như bà là hiếm thay, nghìn vàng tạ ơn, cũng chưa là hậu.

Có kẻ nghị-luận rằng: tuy vậy đền-miếu phụng thờ chả cũng quá du! Nào biết đâu những người hầu được vinh-hiển, thường gặp bước gian-truân cùng-cực, làm chẳng ra, cất chẳng nên, cũng là cơ giời luyện đảm luyện tài, để thành một bậc anh hùng, giời thời thử kẻ anh-hùng, bà thời thương kẻ anh-hùng, nếu ông Hàn-Tín mà chết lả ở bờ sông Hoài, thời họ Hạng tàn-bạo không mất, những loài sinh-linh (1) bị tàn-đạp (2) biết bao giờ được thôi, thế là công-

(1) Sinh-linh: là có sinh-mạnh, có tính thiêng-liêng.
(2) tàn-đạp là giầy vò.

nghiệp ông Hàn-Tín đều là bà gây-dựng nên đời, tuy ông Hàn-Tín làm đền này để tỏ bụng báo ân, nhưng không có bà thời đền này cũng là vô danh. Đương thời bà, những kẻ vàng kho, bạc đống, nay cũng như run-rế vật-hóa (3) đời nào, duy có tiếng bà rực-rỡ như mặt giời, mặt giăng, kết quả báo-ân, nghìn thu hương-hỏa, cũng là vừa cân.

Phong cảnh Hoài-âm, nào sông, nào núi, nào nơi ông Hàn-Tín buông câu, vẫn còn như xưa, những kẻ cùng-khổ ở nơi bờ-sông bụi rậm, chả có ai anh-hùng như ông Hàn-Tín hay sao, nhưng chả thấy ai đem cơm nuôi nấng như bà, thực là hiếm thay! Tôi bầy các đồ hình-hương quỳ-khấn, và khắc bài ký này.

Hoàng-tỉnh-Tăng

3. — Bài ký Túy-ông-Đình

Vây bọc Châu-Chừ, hồ-hết là núi, phía tây-nam thế-thế (1) càng sinh, sầm-uất um-sùm, dấy là núi Lang-Gia.

---

(3) vật-hóa là có hình thời phải tiêu-hóa.

(1) thể-thế là hình-thể.

Lượn quanh chân núi, sáu bảy dặm xa, tả hữu đều núi, nước khe dì-dì, đấy là suối Nhưỡng-Toàn.Núi quanh đường riễu, dưới suối trên nhà, rực-rỡ nguy-nga, đấy là Đình-Túy-Ông. — Ai xây ai dựng nên đình, là vì sự Trì-Tiên núi này,. — Túy-Ông ai đặt nên tên, là quan Thái-Thú tự-tỉ mấy mình đó thôi. Quan Thái-Thú yến-ẩm ở đây, uống ít say nhiều, kể tuổi lại già, tự xưng là Túy-Ông ; Túy-Ông không say về rượu, say về non nước cảnh này, tính vui non-nước mượn rượu làm vui đấy thôi..

Kià như, nắng sớm, cây núi tưng-bừng, mây hôm, hang động lờ-mờ; đấy là cảnh tượng sớm hôm khác-thường. — Hoa xuân ngào-ngạt, cây hạ xanh om, sương thu trong sạch, đồng cạn đá trơ, đấy là cảnh tượng bốn mùa đổi thay. Nào buổi sớm, nào ban hôm, nào phong-vị (2) bốn mùa, mỗi thời một khác, mỗi cảnh một vui.

Lại như: người hát lưng đèo, kẻ nghỉ gốc cây, kẻ gọi trước, người thưa sau, kẻ mang người đội, lũ lượt về đi, ấy người ngoạn cảnh cũng tình ngẩn-ngơ.

Tới khe câu cá, khe câu cá ngon, kín nước cất rượu, nước thơm rượu nồng, sơn-hào hải-vị, la-liệt bôi-bàn, ấy quan Thái-Thú bầy tiệc vui chơi. — Tiệc vui không đàn không sáo, kẻ bắn

---

(2) phong-vị: phong cảnh có thú vị.

bia, người đánh cờ, chén thù chén tạc, kẻ nói người cười, ấy là tân-khách tỏ tình say vui. — Gia mồi tóc bạc, ngất-ngưởng ngồi trong, ấy quan Thái-Thú đương say la-đà.

Rồi mà, mặt giời gác núi, bóng người nhấp-nhô, ấy quan Thái-Thú về mà tân-bằng cùng theo, Cây cối um-sùm, trên hót dưới kêu, ấy là người vắng mà chim kêu thú vờn .

Vui này ai cũng biết vui, nào hay quan Thái-Thú vui là đáng vui; khi say bầu-bạn cùng vui, ấy ai khi tỉnh tỉnh ngồi chép văn, là qnan Thái-Thú chứ ai? quan Thái-Thú là ai? là ông Âu-Dương-Tu, người Lư-Lăng đó mà.

Âu-Dương-Tu

---

4. — Bài Ký Tiểu-Kỳ

Phía tây-bắc núi Tây-Sơn có đầm Cổ-Mỗ, tây thời nước quần mà sâu, là vụng Ngư-Lương, mé trên có gò, cây xanh om, đá lởm-chởm, hình trạng kỳ quái nét vẽ nào tầy, nơi thì từng-từng sô-giốc, khác gì đàn ngựa xuống khe, nơi thì hàng hàng nhấp-nhô khác gì đàn hổ lên non; gò không to, rộng non mẫu, ở vừa sinh, hỏi ra là đất họ Đường, bán không đắt, rẩy bỏ

hoang, ta vừa định giá, họ Đường liền trao.

Chủ-chương gò này, xưa họ Đường, nay là ta, chặt cành đốt cỏ, cây đẹp trúc sinh, mà đá lại kỳ, tưng-bừng rõ ràng, núi chót-vót, mây phất-phơ, khe quanh co, nào chim bay, nào thú chạy, nào cá bơi, biết bao cảnh kỳ-sảo, (1) phong-quang, khi tĩnh-mịch, lúc nằm ngồi, thích mắt là khí thanh-lương, thích tai là tiếng văng-vẳng, yên-thần là trạng sầm-tịch (2).

Gò này sinh đẹp biết bao, ví bằng ở nơi kinh-kỳ, (3) kẻ phú-quý, người phong-lưu, ai chả ước ao, dẫu vàng nghìn lạng, rễ hồ được nao; không may ở nơi sa vắng, thưởng-thức (4) là ai, nào tiều-phu kiếm củi, nào điếu-khách buông câu, bán giao không đắt, mới đến tay ta; non nước này, cảnh-trí (5) này, duyên-hội này, chả cũng đáng mừng cho gò này hôm nay ư! biên mấy nhời, khắc vào đá, để kỷ-niệm lâu giài.

Liễu-Tôn-Nguyên

---

(1) kỳ-sảo : kỳ mà khéo.
(2) sầm-tịch : là tĩnh-mịch,
(3) kinh-kỳ là kinh-đô.
(4) thưởng-thức : vui-thích tri-kỷ.
(5) cảnh-trí : phong-cảnh có giá-trị.

5. — Bài Ký Lăng-Hư-Đài

(Lăng-Hư nghĩa là cao ngất vào trong không-khi)

Đài ở dưới núi Nam-Sơn, khi ngồi đứng, khi vào ra, hình như cùng núi bạn bầu. Kể cao chẳng đâu bằng núi Trung-Nam, danh-sơn gần nơi đô-ấp (3) chẳng đâu bằng đất Phù-Phong, vì rất gần rất cao, mà thể thế rất là hữu-tình.

Quan Thái-Thú sơ tâm không chủ kinh-doanh núi này, nhưng vật-lý (4) thịnh suy, tẻ rồi cũng vui; mà việc đời nhiệt-náo, sốt sắng cũng nên có nơi để giải-phiền, nên đài Lăng-hư này mới sừng-sững ra đây.

Quan Thái-Thú Trần-Công từng giạo chân đèo, trong nơi rừng rậm thấy núi lô sô, hình như người đi lũ-lượt nhấp-nhô ngoài tường, biết rằng tất có cảnh kỳ. Rồi mà đào trước làm hồ, đổ đất xây nền, nền cao vờ-vờ, những người vãng cảnh đài này, thấy cao rằng cao, tưởng rằng nhân núi nên cao, biết đâu đài cao thế này, nên đặt tên là đài Lăng-Hư.

---

(3) đô-ấp : thành-thị.

(4) Vật-lý là lẽ tự nhiên mọi vật trong giời đất.

Tôi cùng ông Trần-Công cảm động mà nghị-luận rằng: vật lý đầy vơi, cũng có định số, trước là cỏ hoang bụi-rậm, mưa xương nhấp-nhơ, cầy-cáo ra vào, ai đã biết rằng có đài Lăng-Hư ở đây; thịnh-suy thành-bại (1) biết đâu cho cùng, đài này chả có lúc lại thành ra gò hoang bãi cỏ hay sao, nhưng khí-số (2) ấy ai là tiên-tri? — Tôi thường cùng ông Trần-Công lên đài xa trông, đông thời đài Tân-Niên, Cảo-Toàn vua Tần, nam thời các Trường-Dương, Ngũ-Tạc Hán-vũ, bắc thời cung Nhân-thọ nhà Tùy và cung Cửu-Thanh nhà Đường, rất là sầm-uất rực rỡ một thời, cao ngất sa-hoa, kiên-cố muôn phần dẫu trăm đài này hồ rễ thấm đâu, mới vài đời nay, tưởng nhận dấu-xưa, chỉ những ngói vỡ, tường nghiêng, vận-sự (3) bấy giờ nào còn thấy đâu, nơi thời cấy lúa, nơi thời trông-gai, nơi thời bờ hoang bụi-rậm, huống chi đài này!

Thôi! đài này để làm nơi du-quan tạm thời, không đủ trông cậy lâu-giài, huống sự đời dâu-bể(4) chợt có, chợt không, muốn đem đài này mà khoe đẹp với đời, chả cũng vẩn-vơ lắm thay! sự đời tin cậy cũng chả ở đài này đâu, mấy nhời lý-tưởng khắc làm mệnh-vận cho đời này về sau.

Tô-Thức.

---

(1) thành-bại thành là nên, bại là hỏng,
(2) khí-số là vật-số.
(3) Vận-sự: là vui vẻ.
(4) Dâu-bể: là bãi bể mà thành nương dâu.

6. — Bài ký chơi chùa Hương Tích

Ngày mười hai tháng mười năm Giáp-Tý niên-hiệu Tự Đức, ta cùng ông Vân-Đàm và quan-huyện Mỹ-Lương là ông Nguyễn-kế-Chi, đến nhà ông Phạm-Tử ở cạnh một nơi núi nhỏ; ngày mười ba ta cùng ông Vân-Đàm, Kế-Chi xuống thuyền, thuyền chầy gió đưa, nước trong như lọc, giăng sáng như in, chiếc-bách (1) lênh-đênh, hương trè ngào-ngạt, cũng thích thay. — Hôm mười bốn thuyền ghé bến Trinh-Tiết, tìm con hát cùng đi vào núi, non-non, nước-nước, câu hát tiếng tơ, tưởng là một khúc nghê-thường (2). Bây giờ dâu làng Trinh-Tiết mở hội, mời ta dự tiệc, ta đến đình, xem cuộc cờ, vừa trưa yến-ẩm ở đình, hôm tối về thuyền, xa trông ngàn núi Quang-Thừa Nam-Công thấp-thoáng dưới giăng, hình như đón khách cùng đi; canh hai tới bến Thanh-Hà, Thanh-Hà tức là Đục-Khê, đóng thuyền ở bến Phù-Lưu, lên nhà Cai-tổng Nguyễn-Cầu nghỉ đêm.

Nguyễn-Cầu sắp thuyền cáng dân phu đợi ở thôn Yến-vỹ, Nguyễn-Cầu tức là người hướng-đạo trong khi du-quan. — Sớm mười dăm cùng kéo bộ qua lắng Yến-vỹ, đường Yến-vỹ hết thẩy lát đá, trắng trắng xanh-xanh, sạch sẽ như lau, ra khỏi rặng tre, rặng núi xanh om; một quãng tới khe Yến-vỹ, rồi dung thuyền, thuyền con-con, một người chèo,

---

(1) Chiếc-bách: là thuyền gỗ bách (gỗ thông).
(2) Nghê-thương: khúc hát nhà tiên ở trong cung giăng

qua khe lên bộ, khe tà-tà về tây, đỉnh Yến-vỹ ở gò bên khe, núi quanh khe bọc, chiếc bách năm ba, nhởn nhơ nhẹ chèo, tiếng đàn tiếng hát, văng-vẳng núi hang, chén chè bầu rươu, tròng khắp non khe, thú vui khác gì dưới sông Xích-bích chèo thuyền ông Tô.

Lối thuyền đi qua, cạnh núi có hang, nước chẩy dì-dì, thuyền nhỏ có thể đi về, tục gọi là Hang Châu, khi nước xuống, mục-đồng thường giắt trâu qua đấy mà chăn ; cửa hang khắc 4 chữ « Sơn thủy hữu tình », nét cổ mờ-mờ, không biết tự đời nào. Quanh Tây-bắc, chèo về Nam, có núi cao, có bến đá, đấy là lối đi vào trong động, cắm thuyền đỗ bộ, lên kiệu đăng-sơn (1), đường lối gập-ghềnh, đá chởm mây chăng, rất là hiểm-trở, mà phu kiệu leo chèo như không.

Vừa trưa tới chùa Thiên-trù, chùa ở giữa đám núi, quy-mô (2) rất cổ, xem bia làm tự năm Hồng-Đức đời Lê, đến năm Chính-Hòa lại sửa sang thêm, tương truyền sưa nay những người du-quan đến đấy vừa thời ngọ-phạn (3), nên gọi là Thiên-trù, trước sau những núi cùng non, đều gọi là núi Phù-mã ; nơi làm chùa, có đất bằng, có luỹ tre, có vườn giồng rau, hình như một sóm con, đấy có hoa sáng pha chè rất ngon, đương khi giời nực, uống rất khoan khoái.

---

(1) Đăng-sơn : lên núi.

(2) Quy-mô : kiểu cách, mẫu mực.

(3) Ngọ-phạn : cơm trưa.

• Kho sách Quán Ven Đường, Chủ quán Huỳnh Chiếu Đẳng•

Hơn một dặm, có rừng mai nhỏ, và trăm gốc mai, chen thêm ngành mậm. — Lại một quãng đến suối Giải-oan, chiều đông khô cạn, chỉ thấy ngấn nước in đá mà thôi, núi riễu đường quanh, bỗng thấy chùa Giải-oan ở lưng chừng núi cao, chùa là một nơi hang to, tương truyền 10 năm trước đấy có một vị lão-tăng (1) chụ-trì (2), nay chùa không tăng, không tiểu, không ni, duy có năm sáu vị cổ Phật (3) ngồi trơ, các sư vào tiến hương rồi lại ra.

Qua núi Sạ-tượng, Tùng-lam đến rừng mai nhớn, rừng rộng vài mươi mẫu, mấy nghìn gốc lão mai xương nặng lá rơi, gốc cổ thụ lẫn trong xương, nụ trắng mỉn cười, tưởng chừng như có vị mỹ-nhân ở trong. Một lát đến chùa Hạ-trấn-xong, lối cũng hiểm-ác, không ngồi được kiệu, xuống đi chân, đến chân núi, có động nhỏ, trong có ban thờ, có hương thắp, có vàng xếp, ngoài cửa động, có cổ thụ giễ tua tủa hình như mành-mành.

Rồi đến đền Thượng-trấn-xong, đá chơm chởm, bước chói chân, vin cây chống gậy, và bước lại rừng, chân chồn, lưng đau, hồ không biết thú sơn thủy là vui, ta phải lên kiệu đi trước. ông Vân-Đàm vẫn trống gậy đi sau, chỉ chỏ nghênh coi, tự hồ vui thú yên hà (4) mà quên sự chèo leo khó nhọc.

---

(1) Lão tăng : sư già.
(2) Trụ-trì : tức là ở, nhà chùa gọi là trụ-tri,
(3) Cổ Phật : ông phật đã lâu năm.
(4) Yên-hà : xương khói ở nơi sơn thủy.

Khi gần cửa động, đã trông thấy sáu chữ « Nam-Vô A-Gi đà-phật » khắc ở lưng-chừng vách đá bên đường, lúc ấy bóng dương tà tà, xuống kiệu vin đá mà lên, thư thả ngắm coi, muôn tượng lạ giường, hơn trăm bước, đến cửa động, cửa động rộng mươi trượng, nơi cùng tận, cao hơn trượng, rộng và mẫu. đôi bên cửa động đá song song đối nhau trông như cửa ; phía tây bắc trong cửa động là cầu Bạch-Liên, trống gỗ làm chân, mặt trên lát đá, dưới cầu đá lăn lóc ngổn-ngang, không phải hình hoa-xen, không biết vì nghĩa gì đặt tên là Bạch-Liên, cầu ấy lại có tên gọi là Trường-Bạch, nam có hành-lang, tây có phòng-viện, rồi giải chiếu ở ván trước viện, lấy nước giếng Long-tỉnh pha trè, nước ngon trè thơm ; phía tây bắc trong động có bậc chèo lên, bên hữu có chuông lớn, khắc chín chữ « Tây-Bảo-Đài Hương-tích-sơn động hồng-trung » nghĩa là chuông lớn đài Tây-Bảo động Hương-Tích, tiếng trong mà dền-dĩ, đấy có bia đời Lê, trên vách đá lại có khắc năm chữ : « Nam-thiên đệ-nhất động » nghĩa là động thứ nhất Giời-nam, dữa động đột cao vờ vờ gọi là lẫm thóc, tròn-trĩnh chon-von, sinh sắn như tạc, lưng trừng khắc năm chữ : « Đạo-Hồn-Tiên-Trân-nhân » là tên ông đạo-sỹ tu-hành ; núi phía tây gọi là kho-tiền, núi phía tây bắc gọi là kho gạo, gầm núi tiền có mạch nước chẩy ra giếng Long-Tỉnh, giếng không xâu, nước trong ngọt, bốn mùa săm-sắp không cạn, nước ấy các sư chỉ để cúng Phật. cạnh giếng nhiều vũng, như mâm, như chén,

như thế bàn cờ, vì nhũ-đá giỏ xuống mà thành hình, các sư lấy kiệu hấng nhũ-đá để khắp trong động, cũng chứa vào bể xây, có kẻ nói những kiệu ấy là của Trịnh-Phủ ngày sưa. — Phía tây giá chuông đi xuống, có tượng ông Liêu-Quận-Công là Vũ-đình-Trác (người làng Tiên-Cầu) cùng bia ở đấy. tòa phật đều xây đá, có và chục vị tượng. trước có trống đồng, mặt khóat một thước, chân có ba trạc, chân liền mấy thân, có khắc bài minh, tại năm Quý-Hợi, không giõ đời nào, xem trong bài minh có xưng rằng Thái-Hậu. hình như vật của Trịng-phủ thời Lê, hình-thức (1) rất cổ, kêu như tiếng khánh, sách Hán-thư chép: « ông Mã-Viện được cái trống đồng Lạc-Việt, đem về làm mẫu » hay trống này cũng là kiểu ấy chăng? — Đằng bắc phía sau vách đá, gọi là chuồng lợn, đá lò nhò khắp đất, nào đứng nào nằm, hình như lợn con; — Phía tây gọi là buồng tầm, cực kín, cực tối, cạnh có chỗ hổng, tương truyền qua đấy có thể lên đầu non, vì đường khuất-khúc tối-tăm, vào phải dùng đuốc, dắn-dết lại nhiều, nên không ai vào. Nơi cạnh tượng ông Liêu-Quận-Công có chỗ hổng cũng vậy. — Nẻo đông bắc núi gạo, có nơi gọi la giá aó, vách núi có hình như aó treo, đều là tuyết đá kết thành. — Phía đông nhũ đá dủ xuống như cây, gõ ra tiếng trống, tiếng chuông, cũng như tiếng khánh, tiếng mõ. — Phía đông có thoi đá cao hơn hai trượng, trên để tháp đồng,

(1) Hình thức: kiểu mẫu.

không biết vật đời nào, người đấy gọi là tháp kính-thiên, bệ trạm chín rồng ,đều quay đầu lên; ở bên có đá nhấp-nhỏ, như hình người ngồi nói truyện. như hình vị sư ,như hình hoa sen, như hình cây thông, như hoa, như cỏ, cũng như hình chim, cá, quy, sà, hoặc biếc như gấm, hoặc sáng như vàng, hoặc như mây phất-phơ, hoặc như lụa trắng toát, kỳ-kỳ quái-quái, không thể hình dung. Nơi cao nhất trên cửa động, có vừng tròn sáng như gương, chung quanh miếu trắng tia sáng chói mắt, tựa như mặt giời.—Phía đông ngoài động, các núi khum-khum, hình như cửa mở trùng trùng, hang động ánh chiếu như cửa sổ. Nơi thờ phật, mở hướng đông, mặt giời chính chiếu, tuy nơi hang thẳm, nhũ đá thánh thát, cũng không ẩm thấp; các sư kể truyện, mỗi năm có một tuần nước giàng, khi nước cạn trong động ngoài động sạch sẽ như lau, những người du-quan lễ-bái vụ xuân, đi lại trong động vấn rác bỏ rơi, không giọn cũng sạch, hình như có thần lực ảo-hóa (1), ta cũng nghĩ rằng nơi núi cao hang thiêng, là chỗ thần-tiên, cũng không nên bảo rằng không. — Gần hôm bầy rượu trước viện con hát ngâm khúc ở bệ đá trên cầu, tiếng đàn, tiếng hát vang lừng núi hang, cất chén làm vui, nào biết rằng say, hưởng vui tưởng

---

(1) Ảo-hóa: có mà biến hóa ra không.

những ngang giời. Gần tối sương lồng bóng cây, mờ-mờ thẫm-thẫm, chim kêu vượn hót, chen lẫn câu ca, thú vui lại có bội mười. — Bóng dương vừa lặn, khúc hát vừa xong, hơi men vừa tỉnh, thắp nến pha trè, ông Vân-Đàm lim gim mỏi mệt, ta cùng ông Kế-chi hứng vui chưa cạn, cùng lên đầu núi xem nguyệt non-đông, ngồi trên đá, mắt ngắm trông, rừng rậm non cao, xanh thẫm một mầu, muôn tượng xâm-tịch, nghe tiếng các-kè, như dục cơn buồn, chạnh lòng là mối chán đời.—Khi về động, lại đàn lại hát, ở nơi phật tiền, ông Vân-Đàm cũng giậy cùng vui, đèn sáng rực-rỡ, vách đá lập-lòe, như gấm thêu hoa, lại càng kỳ-ảo (1) biến-động (2) lắm thay. — Canh ba về viện, giấn giọc không ngơi, tiếng gõ cong- cóc văng-vẳng bên tai, hỏi ra là giống chim niệm phật, tiếng kêu cũng giống như mõ nhà sư. — Giạng đông thức giậy, nửa tỉnh nửa mê, nào biết rằng mình ở trong ngàn núi xanh; trợt nghe cót-két trên cây, ta cùng ông Vân-Đàm ra xem, thấy và con vượn đen nhẩy nhót ở cửa động mé trên, dâu dia hình trạng như ông lão, ta đùa mà nói rằng: «hay đấy là nhân vật nhà tiên» khi vào động ông Kế-chi mới giậy, thư thả lại bầy tiệc vui, rượu xay hứng chí, đề ngay trên vách rằng: «lòng ta khao-khát nơi

(1) Kỳ-ảo: là la-lùng không mà thành có.
(2) Biến-động:là biến-hóa động-đậy.

động-phủ thần-tiên, nay cùng bầu bạn tới đây, nống nước Long tỉnh, gõ đá nhạc-âm, thần thiếp (1) giạ xay, hơn hớn tưởng chừng lên tiên, chỉ vì nhân-gian tục-khí, không giám đem văn-thơ làm nhơ phiến đá ở nơi thanh cao, ghi mấy nhời để kỷ-niệm tiệc du-quan này thôi, người sau xin đừng bàn bạc mỏng giầy», Đề xong đánh hồi chuông, lấy chai nước Long tỉnh mà ra.

Khi ra, bước đi một bước, ngoảnh lại lại dừng, đều có ý quyến-luyến không quên, đến cầu Bạch-Liên, chợt thấy con giấn, đầu mao đỏ, thân vằn gấm, quẩn-quài không đi, ta lại đùa rằng: «hay có ý tống khách chăng» rồi vái cửa động mà cùng biệt. — Đi qua cửa đá, thổ-nhân chỉ hang cạnh đường nói rằng: «tương truyền hang này có lối xuống âm-ty» trông vào chỉ thấy đá lởm chởm, không biết xâu nông thế nào, tưởng cũng kẻ hiếu-kỳ (2) đặt truyện ra thôi. Ta hỏi tìm giống Hải-đường vàng, thời đầu xuân mới nẩy mầm, xưa kia cạnh đường thường có, vì những khách du-quan lấy đi, nay phải tìm ở trong rừng.—Đến cửa núi quét đá ngồi nghỉ, thổ nhân chỉ ngọn núi cao nhất bảo rằng: «nẻo tây cửa núi có đường thẳng lên đỉnh cao, đấy có bàn cờ tiên, nhưng lối hiểm trở và lắm giấn dết, xưa kia có một vị lão-tăng đến được thôi, về mấy hôm, ngồi hóa hình, có nhẽ vị sư ấy gặp tiên» nghe nói

(1) Thần thiếp: tinh thần thỏa tích.

(2) Hiếu-kỳ: là thích sự kỳ.

ai cũng muốn lên, nhưng vì trèo leo mấy hôm mỏi mệt, rồi thôi; ngoảnh trông nơi động phủ, tựa như ngoài giời, khác gì Lưu, Nguyễn từ giả Thiên-Thai, nửa về nửa ở rất là khôn đang; ta lại lên kiệu tìm nơi đường cũ, ông Vân-Đàm chỉ lại đường sau nói rằng: «mai sau, có khi nào qua lại đường này nữa chăng» cùng trông nhau cùng thẫn thơ. — Ra qua rừng mai, ông kế-chi lấy khúc lão-mai, đến chùa Thiên-chu giời nồng-nực, tước lão-mai nấu chè, hương vị rất lạ.

Vừa trưa xuống thuyền về đình Yến-Vỹ, ngắm trông rẫy núi, thuyền bơi dưới đầm, kẻ lội nước cùng gọi người được cá mà reo, rõ ràng như một, sơn, thủy, nhân, vật, đẹp tầy trong tranh.—Một lúc về đến làng Hội-xá, lấy nước Long-tỉnh pha chè, hương vị vẫn nguyên, chỉ không bằng khi uống ở núi thôi.

Chợt có giấy Bộ giục ta tới nơi trị-sự, (1) tấm lòng cảm động, một bóng một đèn, mấy hôm du-quan ở nơi Hương-Sơn, tưởng như cách đời, giá trước ta lần-lữa mấy hôm, chỉ những vội-vàng việc quan ở nơi Vy-thành, thời hẹn ước non xanh biết bao giờ được vui, tục ngữ có câu rằng: «hẹn hò mấy khi tới được Hương-sơn,» hay là thựcchăng? hay câu truyện đùa chăng? thôi! gịp may hiếm thường, cuộc vui khó lại, chép mấy nhời làm ghi.

Nguyễn-tư-Đản

(1) Trị-sự: làm việc.

II. — TẢ-TÌNH

7. — Thư ông Lý-Lăng giả nhời ông Tô-Vũ (Tử-Khanh)

Ông Tử-Khanh, ông đức tốt rực-rỡ, nổi danh thời bình, sa nghe tin hay, mừng rỡ nhường nào. Như tôi, lưu lạc nước người, là cảnh tủi cực xưa nay mỏi mắt phương giời, tấm lòng đăm-đăm, lại còn thương nhớ, thăm hỏi ân-cần, những nhời dậy bảo, ruột thịt nào bằng, tôi tuy hôn-ngu (1) cũng phải cảm động.

Từ tôi đầu hàng Hung-Nô đến nay, bực-dọc muôn phần, chiếc thân dùi mài, một ngồi, một đứng, quanh mình những giống tanh hôi, y phục lạ mắt, ăn uống khác thường, muốn cười muốn nói, biết ngỏ cùng ai; khắp đất váng đông, gió vàng hiu-hắt, tháng chín giời thu, cây đã sơ-sác, đêm nằm dằn-dọc, văng-vẳng bên tai, còi hồ thánh-thót, lừa, ngựa thét vang, tiếng buồn như trêu, suốt sáng tựa ngồi, giọt lệ chứa chan. — Ông Tử-Khanh ơi! nhường bằng lúc ấy, gan nào ruột nào, có buồn cùng chăng?

Sau khi ông về cố-quốc, tôi lại thêm phiền, phần nghĩ nhà huyên (2) thân già hình-nhục, (3) phần

---

(1) Hôn-ngu: ngu tối
(2) Nhà huyên: chỗ mẹ ở nên gọi mẹ là nhà-huyên.
(3) Hình-nhục: giết chết

buồn vợ con, thơ ngây oan thác (1), ơn nước nhường vậy, ai cũng buồn thay, ông về được vinh, tôi ở thêm nhục, thôi cũng vận mệnh đó thôi! Mình là giống lễ nghĩa, ở nơi phong-tục lạ nhường, nghĩ lại thêm thương, lấy công cân tội, nặng nhẹ phân-minh, cao-minh không xét, thực phụ tấm-son (2) chút niềm nhỏ mọn, nào còn biết sống là vui, chỉ muốn bầy gan tư bạch, nào có khó đâu, nhưng còn tình nghĩa gì? Chết vô ích, càng thêm nhục, nên tôi chắp tay nén dạ, lần lữa qua thì, những kẻ chung quanh, tưởng rằng sự vui nước người không đủ làm khuây, lại càng khuyên giải, chỉ thêm thổn-thức gan vàng mà thôi. Ông Tử-Khanh ơi! bạn tri-kỷ lượng tấm lòng, thư trước vội vàng, nói chưa hết nhời nên tôi xin tục thư này:

Xưa tôi, đem năm nghìn quân, đánh giẹp phương xa, năm đạo lạc đường, chống chọi một thân, vượt ra cõi Hán, xông vào đất Hồ, lương thiếu quân ít, đương mấy mươi vạn hổ lang (3), cũng còn đánh chém sông pha, quân giặc tuyệt tích, trên dưới một dạ, coi chết như thường, tôi tuy hèn mạt, gánh sự khó khăn, lúc ấy công lao nhường nào! Sau cả nước Hồ lại đến giao phong, nào quân nào tướng, tinh-nhuệ gấp trăm, chúa Thuyền-Vu (4) cầm quân, kẻ chủ (5) người khách (6), kẻ kỵ người bộ,

---

(1) Oan thác: chết oan
(2) Tấm son: lòng trung nghĩa
(3) Hổ lang: hùm beo, nói quân giặc dữ tợn
(4) Thuyền-Vu: vua nước Hồ gọi là Thuyền-vu
(5 & 6) chủ, khách: binh pháp gọi là chủ khách cũng như chủ nhà và khách, chủ vẫn vững vàng mà khách vẫn long-đong.

tình thế khác vời, toán quân mỏi mệt, cũng phải sung-đột lần thứ hai, buộc thương gia sức, liều mình chanh tiên, thây chết đầy đồng, sống chẳng đầy trăm, người đều bị thương, vác không nỗi giáo, tôi còn giơ tay hô-hào, kẻ đau đều giậy, vác giáo sông pha, ngựa Hồ chốn chạy. bấy giớ giời đất tưởng cũng vì tôi mà tức giận, chiến sĩ cũng vì tôi mà nghiến răng; người Hồ sợ hãi; toan đã hồi quân, ai ngờ lại phải giao chiến lần sau, nên tôi không thoát được.

Nhớ xưa vua Cao-Tổ (1) quân ba mươi muôn, bị vây ở Bình-Thành, mưu thần chiến tướng, thiếu chi nhân-tài mà phải chịu đói bẩy ngày,như tình thế tôi, rễ nói mạnh du; thế mà chiều-thần nghị luận sôn-sao, tôi tuy không chết, là kẻ có tội, nhưng ông Tử-Khanh thử xem tôi có phải là kẻ tham sống sợ chết đâu; ai lại lấy sự phụ quân-quốc (2) bỏ vợ con làm thích đâu, là muốn để thân-tính nước sau, như thư mới rồi, cũng muốn tìm đường báo nước mà thôi.

Tôi nghĩ rằng chết hoài không bằng lập chí, nhơ danh sao bằng báo ân, nên ông Phạm-Lãi không liều thân khi bị nhục ở Cối-Kê, mới báo được thù cho ông Câu-Tiễn. – Ông Tào-Mạt không chết ngay

(1) Cao-tổ: là ông Tổ khai quốc nhà Hán.
(2) Quân-quốc: là vua và nước.

đương khi bại-binh lần thứ ba, sau mới rửa được nhục cho nước Lỗ, tấm lòng nhỏ mọn, hâm-mộ vô cùng, ai ngờ việc chưa xong mà oán đã thành, kế chưa nên mà cốt-nhục (1) đã tàn, tôi chỉ kêu giời ôm bụng mà khóc thôi!

Ông nói Hán đãi công-thần không bạc, ông là tôi hán, thế phải nói vậy; kìa như ông Tiêu-Hà, Phàn-Khoái, Hàn-Tín, Bành-Việt, Chu-Bột, Quán-Anh, đều là công-thần khai quốc, kẻ bị tù-ngục, kẻ bị muối thịt, kẻ bị chém giết, — Ông Giả-Nghị, ông Á-Phu đều bực kinh-luân tài-cán, bị nhời dèm-pha, đến nỗi họa-nhục. — Ai không đau xót thay! — Xưa đức Tướng-Công tôi, công-nghiệp dũng-lược, ví bằng giời bể, chỉ vì không chiều kẻ quý-thần đến nỗi gửi xương ở nơi phương xa, kẻ công-thần nghĩa-sĩ ai cũng trống gươm mà thở than, thế thời Hán đãi công-thần hậu chăng? bạc chăng? Vả như ông lấy một thân nhỏ-mọn, sang xứ nước Hồ như hùm, như beo, khi bị câu-lưu (2) toan những liều mình với lưỡi gươm, tân-khổ (3) lưu-ly, gần chết ở nơi Mạc-Bắc (4) khi đi tóc xanh, lúc về đầu bạc, mây mờ Núi-Dĩ (5) nghĩa bạc nhà Kinh (6) can-trường nhường vậy, cảnh ngộ nhường vậy, cỗ lai

---

(1) Cốt-nhục: người cùng ruột thịt.

(2) Câu-lưu: là bị giữ lại,

(3) Tân-khổ: là cay đắng,

(4) Mạc-Bắc: là đất Hồ về đời cực bắc.

(5) Núi-Dĩ: mẹ ví như Núi-Dĩ,

(6) Nhà Kinh: là vợ.

có một, tuy người Man-Di cũng còn khen ngợi, tôi tưởng ông đáng thưởng phong gấp nghìn, mới cân tấm lòng son-sắt, mà khi ông về, thưởng chẳng qua hai trăm vạn, vị chẳng qua chức Điền-thuộc-Quốc; mà những phường gian-ác tham-nịnh, kẻ thời phong hầu, kẻ làm tể phu, (1) ông chả được hậu, tôi lại mong gì; gương Hán đối-đãi hạ-thần không đủ cảm-động lòng người, trông vời cố-quốc tưởng cũng ngán thay, tôi tuy phụ bạc, Hán cũng vô-ơn, giá tìm được kế cao-xa chắc Hán còn quyến luyến chi tôi, phương chi nam-nhi sống không thành danh, thà thác ở phương xa, ai còn đem đầu về nơi bắc khuyết (2) để những kẻ ngục-lại (3) múa bút ư! Xin ông đừng mong mỏi chi tôi.

Thôi! ông Tử-Khanh ơi, đôi ta xa cách mỗi người một phương, mấy mươi vạn dặm, sống thác khác nơi, xin khuyên cố nhân, phụng thờ Thanh-Quán; còn như lệnh-chụ (4) khón nhớn, xin đừng lo xa, diêng giữ thân già, đương khi mưa tuyết, viết nhời nôm na, kính đáp những nhời vàng ngọc.

Lý-Lăng

---

(1) Tể-phụ: là Tể-tướng
(2) Bắc-khuyết: là cửa nẻo bắc nhà Vua.
(3) Ngục-lại: là quan coi việc hình.
(4) Lệnh-chụ: là con trưởng.

8. — Văn viếng cháu là Thập-Nhị-Lang

Thập-Nhị-Lang ơi! ta là thúc-phụ (1) Rũ, nghe ngươi mất đã bẩy hôm, vội vàng ngậm-ngùi, sai đem đồ hinh-hương khấn trước linh-sàng (2) ngươi.

Ngươi Thập-Nhị-Lang ơi! ta bé thời bồ-côi, nhớn không trông cậy, nương nhờ anh cùng chị ta, nửa chừng anh ta qua đời, ngươi cùng ta đều cùng bé giại, theo chị ta hộ-táng (3) ở Hà-Dương, rồi sang miền Giang-Nam, lênh-đênh cay-đắng, phút chốc chưa từng lìa nhau, nối dõi tông-đường, hàng chấu một ngươi, hàng con một ta, chị ta thường ẵm ngươi, vỗ ngươi, chỉ ta mà nói rằng: « giòng giõi họ Hàn hai mống này thôi » ngươi bé không hay, ta tuy còn nhớ, bấy giờ cũng chưa biết câu ấy là thẩm-thương!

Khi ta mười chín, đến nơi kinh-thành, bốn năm mới về thăm ngươi, lại sau bốn năm, khi ta giúp việc quan Thừa-tướng ở Biên-châu, ngươi đến cùng ta, vừa một xuân thu (4), rồi lại chia tay, năm sau ta bỏ Biên-châu, rồi không gặp ngươi. — Sau ta tùng quân ở châu Chừ, nhắn-nhủ tìm ngươi,

---

(1) Thúc-phụ: là chú.
(2) Linh-sàng: bàn thờ người mới chết.
(3) Hộ-tống: giúp việc tống táng.
(4) Xuân-thu: một năm.

rồi ta lại bỏ Châu-Chừ, nên cuộc đôi ta xum họp Châu-Chừ cũng thôi ; ta nghĩ rằng ngươi theo ta nẻo đông, nẻo đông cũng long-đong đất khách, gì bằng về phía tây, khi nên cơ-đồ sẽ vui cùng ngươi. Thập-Nhị-Lang ơi ! Sao ngươi vội bỏ ta mà đi đâu ; ngươi cùng ta là phường niên-thiếu, tưởng rằng đông tây tạm cách, sau sẽ sum vầy, ta tạm đến nơi kinh-sư cầu chút lương-đấu-vực (1), biết đến nông-nỗi này, rẫu rằng Khanh tướng ta cũng chả phút-chốc xa ngươi!

Năm trước đưa thư phàn nàn cùng ngươi rằng: ta tuổi chưa đến tứ tuần, mắt đã lờ-mờ, tóc đã lâm-dâm, răng đã lung-lay, xưa kia tiền-nhân cùng các anh ta đương độ cường-tráng mà đã thăng tiên, ta hay yếu đuối biết rằng có bền ở cõi đời, chăng; ta không được đến với ngươi, ngươi không chịu lại cùng ta, sợ khi hôm tối bất thường, ngươi lại thêm thương-sót vô cùng, ai ngờ trẻ thời yểu già thời còn, kẻ khỏe-mạnh thời khnất bóng, kẻ đau-ốm thời vất-vưởng ở đời!

Than ôi! thực thế chăng? hay là sự đồn sai chăng? chả nhẽ anh ta chung-hậu nhường vậy, ngươi lại chịu kết quả non-yểu thế ư ? Ngươi thông-minh hiếu-đễ nhường vậy, mà không được hưởng phúc ư? Có nhẽ rằng kẻ trẻ-mạnh thời non-yểu, kẻ già-ốm vẫn giài đời ư? thời tin giữ

---

(1) Lương-đấu vực: cổ-giả phát lương các quan bằng thóc, nên gọi là lương-đấu-vực.

người cũng chưa đủ tin. — Nếu là chiêm-bao, là đồn sai, sao giấy cáo-phó (1) ngươi Đông-Giã, ngươi Cảnh-lan lại ở bên ta, thôi thực rồi! thôi anh ta trung hậu làm vậy, mà người thừa-tự cũng yểu-triết (2) rồi! thôi người thông-minh hiếu-để làm vậy, cũng không được hưởng phúc rồi! giời đất quỷ-thần đâu là đạo công-minh, người trung-lương (3) không chắc được hay, mà sự thọ-yểu cũng không lấy gì làm bằng!

Từ nay tóc ta lâm-dâm rồi cũng bạc, răng ta lung-lay rồi cũng rụng, chí khí kém, khí-huyết suy, rồi cũng lìa đời mà theo ngươi, ngươi ở cửu-toàn (4) mà có hay, lo gì biệt-ly; nếu ngươi u-u, minh-minh không biết, thời sự buồn rầu cũng phút chốc mà thoảng đi thôi!

Con ngươi lên mười, con ta lên năm, đương còn măng-sữa, kẻ cường-tráng còn chả chắc đâu, phương chi trẻ nít, chắc gì nên người, thương-hại thay! Năm trước thư ngươi rằng: ngươi bị chứng thấp, mỗi ngày một đau, ta có yên-uý rằng: chứng ấy ngươi Giang-Nam là thường, ta cũng không lo, Thập-Nhị-Lang ơi! đau bỡn mà chết thật du! — Mười bảy tháng sáu thư ngươi đến, mà giấy cáo-phó ngươi Đông-Giã lại là mồng hai, thư ngươi Cảnh-Lan ngày tháng ngươi mất không minh, hỏi người đưa thư nói cũng mập-mờ, biết đâu là bằng!

---

(1) Cáo-Phó: giấy đưa tin người chết,
(2) Yểu-Triết: chết non,
(3) Trung-lương: trung-hậu tử-tế,
(4) Cửu-toàn là: nơi âm-ty.

Thập-nhị-Lang ơi ! ngươi ốm ta không biết, ngươi mất ta không hay, kẻ chân giời người góc bề, bóng ngươi hình ta, không được ăn ở cùng nhau cho chọn nghĩa. — Khi ngươi chết ta không được nâng giấc ; liệm, ta không được nâng quan ; chôn, ta không được đến huyệt ; hồn ngươi mộng ta không được than-thở cùng nhau cho chọn tình, thôi ta bất-hiếu, bất-từ, để đến nguồn cơn này !

Thôi, từ nay trở đi, ta cũng không thiết chi đời, mong được ít ruộng ở nơi Y-Đĩnh cho qua tháng ngày, nuôi giậy con ngươi cùng con ta, giai trưởng-thành, gái gia-thất, chu toàn sau khi ngươi đã vắng đời, là đủ ! là hơn !

Thập-nhị-Lang ơi ! nói không hết, tình không cùng, ngươi ở nơi Cửu-Toàn có biết, chăng hay chẳng biết thực là đau-đớn thay !

Hàn-Dũ

9. — Văn tế ông Mai-Quân

Tiên-sinh qua đời, đã vài tháng nay, nay mới thăm-viếng, chả cũng nhạt-nhẽo lắm du ! Nào phải thế đâu, bụng thương giạ sót, thực là đau-đớn trăm chiều.

Đương khi tiên-sinh đau, tôi vẫn áy-náy, thường làm thơ yên-úy, — Tiên-sinh đau lá lách, sâm-truật không hiệu, lại làm thơ mà phàn-nàn. — Rồi nghe tiên-sinh đau kịch, mới đến cùng tiên-sinh thở-than, khi ấy tiên-sinh còn ngồi được, đứng được, nghênh-tiếp được, nói năng sang-sảng, đem thơ họa cùng xem, nhưng hình dung gầy-mòn, ăn uống kém ít, không còn hình -trạng sinh-nhân ; tiên-sinh dầu-dầu không vui, tôi lấy câu số-mệnh khuyên-giải, cồ-nhân có-câu rằng : « nghìn sưa ai chả vậy, rầu thánh-hiền cũng biết sao ! » Tiên-sinh gạt nước mắt lặng-yên, rồi tôi cáo biệt, các lệnh-lang (1) theo ra, tôi nước mắt ràn-rụa bảo rằng : « tiên-sinh thôi cũng thôi rồi, liệu sớm lo toan, tôi không lại nữa đâu » chao ôi : câu ấy là câu gì, thực đau sót thay !

Tôi cùng Tiên-sinh chả nội cũng ngoại, mà chị tôi cũng đã xa đời, lại nặng vì nghĩa đoạn-kim, (2) đôi ta quyến luyến, không quản khi mưa gió, khi sớm hôm, không quản họ nội họ ngoại, họ gần họ xa ; Không quản khi yên-vui lúc hoạn-nạn ; Khi cùng ngồi nơi thư-hiên, (3) đèn sáng lập lòe, sương sa, thánh thót, chải mấy mươi thu ; Khi đi du lịch, nào núi cao, nào bể nhớn, vui cùng nhau mà nguy hiểm cũng có nhau. — Tôi mình gầy sức yếu, mấy lần toan tưởng bỏ đời, Tiên-sinh thường đưa tôi thang-thuốc ở Giang-Châu, lại gặp cơn phong-hỏa (4)

---

(1) Lệnh-lang : con người ta, mà là tiếng nói tôn-trọng.

(2) Đoạn-kim : tình nghĩa anh em bạn.

(3) Thư-hiên : phòng sách.

(4) Phong-hỏa : là khói lửa, nghĩa là khi có giặc cướp, thường hay phóng hỏa, nên khi loạn-lạc gọi là phong-hỏa.

tôi cùng tiên-sinh tưởng làm ma ở nơi Nam-Hồ, rồi tiên-sinh lại đưa tôi đến Tề-an, ân-cần bồi-bổ thuốc-thang. — Tôi hiếm anh em, tính lại sơ-lược, buộc lấy lễ-phép, khúm-núm khó-chịu, nên cùng đời khẳng-tảng không hợp, duy tiên-sinh biết tôi phóng-túng, tiên-sinh không nề-hà, tôi áy náy khi tạm cách biệt, đêm ngày nhớ mong, gặp khi cuộc đời biến cải, tiên-sinh ẩn tiếng ở nơi hành-môn, (1) không cầu cùng đời, không trạnh cùng người đôi ta cùng tính tình, cùng ý khí, nên quên cả hình-hài (2) mà nay tiên-sinh đi đâu!

Tiên-sinh vắng-vẻ, đã mấy tháng nay, trong mấy tháng nay, tôi không ốm đau, mong tiên-sinh không thấy; tôi không đi xa, tìm tiên-sinh không lại; mong tiên-sinh không thấy, tựa gối khóc than; tìm tiên-sinh không lại, một bước một rơi châu. Sao khi liệm tiên-sinh, không đến mà nâng quan, là không nỡ đến thôi, không nỡ thấy áo-mũ tiên-sinh chỉnh đốn làm vậy, mà gói vào trong bông; không nỡ thấy thi-thể (3) tiên-sinh đương-đương làm vậy mà để vào trong quan. Tiên-sinh mất mà tôi ngẩn-ngơ, còn dùng văn-chương làm chi, đủ tả tấm tình mà thôi, giá khi liệm tiên-sinh mà tôi lại, chả những ruột quặn mà tim đau, muốn tả tấm tình, còn bụng gia nào, bây giờ dần dần nhớ lại, viết mấy nhời khấn tiên-sinh duy tiên-sinh biết lỗi tôi, duy Tiên-sinh biết bụng tôi thương đau.

Quách-Tồn-Hội

---

(1) Hành-môn: là nhà tre,
(2) Hình-hài: là hình-tích vật,
(3) Thi-thể: xác người chết.

10. — Văn viếng ông Chừ-công-Lương

Thương thay ! ông đi đâu ! mười bốn tháng sáu tôi thăm ông, thầy thuốc nói rằng : « bệnh ông mười phần đã đỡ bẩy » tôi đã mừng thầm ; chưa được bao lâu, lại nghe tin buồn, tôi không tin, vội vàng ra đi, đi một quãng, thấy nơi thị-tứ (1) than rằng : « Thôi ông Chừ-công mất rồi » tôi càng nghi càng bước mau ; lại thấy kẻ bàn rằng · như ông Chừ-Công mất, thời giời có hỏi được chăng, tôi bước giảo không nhìn. — Gần đến cửa, kẻ đi người lại phàn nàn rằng ông Chừ-công mất chóng sao, thôi thầy thuốc làm hại thôi ! đến đấy tôi mấy tin rằng ông đã quyên-trần (2).

Tôi vào cửa, kẻ khóc ở trên thềm, kẻ khóc ngoài phòng, kẻ khóc ở chỗ nằm, cũng có kẻ đứng khóc ở cạnh dường ông ; kẻ ngồi người đứng cũng đều khóc than, nước mắt tôi tự nhiên cũng ràn-rụa kẻ khóc ở trên thềm rằng : sự no-ấm cũng nhờ ông, bây giờ biết sao ! kẻ đứng người ngồi thời khóc rằng : giời không để ông, tuy trăm thân cũng không đổi được, thời biết sao ! kẻ ở cạnh dường cùng chỗ nằm ông, thời vật vã không biết nói gì. Vì thế tự than rằng : thiên-hạ thiếu chi người chết, nào ai đâu đâu cũng cảm-động như ông mà trong gia-đình thương khóc thống-thiết nhường vậy. Thương thay! thực thương thay !

---

(1) Thị-tứ : là phố-chợ.

(2) Quyên-trần : là bỏ cõi hồng-trần, tức là chết.

Tính ông khiêm-nhường (1) cẩn thận, độ-lượng, phong-nhã, khác gì làn sóng bao-lao dịu-dàng; dung-nghi (2) ông cung-kính không kiêu, khẳng-khái mà không khuê dốc, (3) nhũn-nhặn như vàng dũa, như ngọc mài; nói năng thời hợp lý, một nhời hứa-nhận dẫu vàng không sai; cứu kẻ hoạn-nạn, giúp kẻ nghèo-khó, thương kẻ bồ-côi, lấy nghi-tiết tiếp người trên, lấy lễ-độ tiếp họ-đương, lấy ân-nghĩa đãi tôi-tớ, như ông không phải là bậc quân-tử hào-kiệt (4) ru? Bây giờ ông đi đâu! Những kẻ ngạo-ngược kiêu-ngôn, kẻ phàm-phu ác-nghiệp, kẻ su-nịnh thế-lợi, nên chết, mà vẫn trơ-trơ ở đời; khiêm-nhường, lễ-độ như ông, thành-tín trọng-hậu như ông, trung-trực tiết-nghĩa như ông, nên hưởng phúc, mà ông lại mất rồi; hay là người quân-tử không sống lâu, đứa tiểu-nhân thời dài đời chăng? hay là đời này giời cũng không tự-chủ được chăng? có nhẽ rằng những kẻ tội-ác rễ mà thác được ru! giời còn để báo ứng rõ ràng, làm bia cho đời, sao bằng thiện-nhân quân-tử toàn-danh (5) một đời là hơn, thế thời giời biết đâu mà đo-lường. Nay tôi giót chén rượu, đọc nhời này, xin ông biết cho.

---

(1) Khiêm-nhường: là kính-nhường.

(2) Dung-nghi: dáng-dấp.

(3) Khuê-dốc: góc, cạnh, không khuê-giốc, như các vật tròn, không lộ góc cạnh, nghĩa là ăn ở tròn.

(4) Hào-kiệt: là kẻ hào-kiệt giỏi-giang.

(5) Toàn-danh; toàn được tính tốt.

11. — Bài biểu trần tình

Kẻ hạ thần, mạnh-vận truân-kiển, sớm gặp biến-ưu, (1) sinh sáu tháng cha quyên trần, lên bốn tuổi mẹ cải-giá (2), tổ-mẫu (3), tôi thương tôi bồ-côi, tự mình nuôi nấng, khi bé nhiều bệnh tật, lên chín chưa biết đi, lênh-đênh cay-đắng tới khi trưởng-thành, không chú bác, ít anh em, phúc bạc nhà suy, muộn đường con cái, ngoài không họ đương trong không tớ thầy, chòng-chọc cùi-cụi một bóng một thân; mà tổ-mẫu tôi ốm-đau luôn luôn, trằn-trọc trên dường, hạ-thần hầu-hạ thnốc-thang, chưa từng xa cách.

Quan thái-thú Quỳ xét tôi là bậc hiếu-liêm, quan Thứ-Sử Vinh cử tôi là bậc Tú-tài, chỉ vì sân-đồng (4) ai kẻ nâng niu, nên không rứt tình mà theo chiếu vàng,. Lại có chiếu thư thăng tôi chức thị-lang, liền lại thăng chức tẩy-mã, lấy kẻ vi-tiện gièn cập Đông-Cung, (5) chút thân bèo bọt, gì biết báo ân, dâng biểu trần-tình, cố xin từ chối, lại thừa chiếu thư quở trách ngạo-mạn, các quan châu quận dục dã khẩn-thiết, hạ-thần cũng muốn vâng-mạnh ra đi, không may tổ-mẫu một ngày một đau, dã toan ép theo ý riêng, đối cùng tổ-mẫu nài kêu, nhưng khăng-khăng một mực, ở cũng giở, đi không đang.

---

(1) Biến-ưu: tai biến, lo lắng,

(2) Cải-giá là: lấy chồng khác.

(3) Tổ-mẫu: bà;

(4) Sân-đồng: là chấu.

(5) Đông-cung: là Hoàng-tử.

Hạ-thần thiết tưởng: hiện nay Thánh-chiều lấy luân-lý giậy thiên-hạ, những bậc cố-lão (1) đều được ơn riêng, huống tôi cô-khổ, tình có gấp mười Vả tôi khi trẻ phụng thờ ngụy-chiều (2) làm chức lang-thự, chỉ cầu giầu sang, không giữ danh-tiết, nay là đứa tù vong-quốc, rất là hèn mọn, đội ơn phi-thường nào giám lần-lữa, còn mong mỏi gì; chỉ vì tổ-mẫu như mặt giời non-tây, khí-tức muộn-mằn, tính-mạnh nguy-cấp, sớm lại lo hôm, nếu tôi không tổ-mẫu sao có ngày nay, tổ-mẫu không tôi, thời nhờ ai ở ngày cuối cùng, bà cháu hai người cùng nhờ lẫn nhau, nên ngay-ngáy mà không giám đi xa. Tôi nay bốn mươi tư, tổ-mẫu tôi chín mươi dư, ngày tôi báo đền Bệ-Hạ còn giài, ngày tôi báo hiếu tổ-mẫu thời ngắn, xin cho chọn nghĩa chim ô, (3) báo đền tỉnh chút.

Kẻ hạ-thần tình cảnh đắng cay, không những nhân-dân và quan-trưởng hai châu tỏ biết, giời cao đất dầy thực cũng sáng soi, xin Bệ-Hạ thương kẻ ngu-thành, mặc theo ý mọn, thời tổ-mẫu tôi cũng được nhờ ơn Bệ-Hạ trong khi nguy-biến, tôi xin kết cỏ ngậm-vành về sau. Vừa run vừa sợ, cúi dâng biểu này.

Lý-Mật

---

(1) Cố-lão: các quan già hưu ở nhà.

(2) Ngụy-chiều: kẻ làm giặc lập lên chiều-đình gọi là Ngụy-chiều.

(3) Chim ô: con quạ, có điển rằng quạ mớm mẹ.

12. — Văn-tế Bia-cổ

Thợ đào đất được bia cổ, ngang-giọc hơn thước, rửa xem là bài-minh (1) mộ-chí đời Đường, chữ cũng chưa mòn, sắc cổ mờ-mờ, chôn tại ngày Quý-Hợi tháng mười niên-hiệu Đại-Trung; tổ-tiên đều quý-hiền, cha con anh em ba đời trâm-hốt, người chủ-sự, người làm minh, tên họ điều mờ, quán tại làng Yên-Phượng, tên đặt là: « Thông minh nhân hiếu » văn-chương chất phác, không như lối văn hoa-mỹ cận thời.

Chao ôi! táng là cất thịt xương, chôn ở dưới đất, lâu thời hao mòn; bia để làm ghi, minh chép sự trạng và họ tên, cũng mong rằng thành-quách biến-thiên (2) mà danh vẫn còn. Niên hiệu Đại-Trung đời Đường, cách nay nghìn sáu trăm năm, lầu son gác tía, hốt ngọc đai-vàng, vật giời sao đổi, giờ cũng thành không, mà bia này lại về tay ta, chả cũng là khối-lụy (3) ư! cổ-nhân có thơ rằng: « nghìn vàng bia ngất cao trăm thước, rồi cũng sau này tảng đá vôi! » Không may phát lộ ra đây, lại may mà về tay ta, lại không may họ tên

---

(1) Bài-minh: là bài tán tụng công đức một người, làm lối văn-vần hay lối năm chữ hay bốn chữ khắc vào bia, để ở đình, chùa hay ở mộ.

(2) Biến-thiên: là thay đổi.

(3) Khối-lụy: là sự phiền não khó tiêu.

không tường, thế thì người đời chỉ khu-khu trong quãng trăm năm, lại ngay ngáy về sự sau trăm năm, kiệt tinh-thần, nhọc tâm-não, cầu tiếng bất-hủ (1) nào có ích gì !!

Tuy vậy tai ta đã nghe đây, mắt ta đã thấy đây, hẳn thần-khí ngươi cũng phảng-phất ở trên bia này! nên ta đem quả-phẩm (2) cùng làm văn khấn ngươi, nghìn trăm năm xưa, ngươi quý-hiền chăng? bần-tiện chăng? hiền-năng chăng? ngu-si chăng? ta nào biết đâu. — Nghìn trăm năm về sau còn mãi chăng? tiêu-duyệt chăng? u-hiển chăng? ngươi chắc cũng chẳng tiên-tri lại sau nghìn trăm năm bia này có còn chăng? nhời ta nói có còn chăng? ta cùng ngươi biết đâu mà tiên liệu? Người xưa đối với ngươi buồn bã thảm thiết mà lập bia này, ta nay đối với ngươi ngậm-ngùi thở-than mà khấn nhời này, thôi thật con tạo bỡn ta cùng ngươi, mà ngươi cùng ta cũng biết sao, có buồn cùng chăng!

Châu-Địch-Quang

---

(1) Bất-hủ : không nát.

(2) Quả-phẩm : là đồ hoa quả.

13. — Cụ Nguyễn-tư-Đản viếng anh là quan Đốc-Học Nam-Định

Thương ơi! học hành như anh mà không được dùng với đời ư? hai lần làm chức lãnh-quan mà thôi ư? lênh-đênh lữ-thứ (1) đau bỡn mà chết thật ư?

Tháng xuân năm Ất-Sửu, anh đương chức học-chính Sơn-Tây, thăng làm thị-độc viện Tập-Hiền (2) em cũng được tuyển vào tòa hàn-lâm, hơn một năm em đổi sang Hộ-Bộ, sớm hôm ở nơi Kinh-kỳ, một anh cùng em, anh thường ốm đau, toan nguy mấy phen, khi trè chén lúc mưa rầm, anh thường âm cháu, bàn về cố-hương, rằng ý-nguyện anh cũng đủ rồi.

Rồi em xa anh đi chủ-thí (3) trường Thanh, lại đi điểm-duyệt trường-vũ Hà-Thành, nhân lệnh yèm-lưu (4) một tuần, anh được chỉ ra Đốc-học Nam-Định, anh em gặp nhau ở nơi cố-cư (5) Thăng-Long, tuyết xa mưa lạnh, vào tuần cuối đông đương khi nhọc-mệt, nghe thấy tin anh cố giậy đón rước, tình ly-biệt, nghĩa hàn-huyên (6) biết

---

(1) Lữ-thứ: là nơi ở không phải quê-hương minh.
(2) Thị-độc-viện tập-hiền: là chức ở tòa Hàn-Lâm.
(3) Chủ-thí: chủ-hkảo.
(4) Yèm-lưu: phải ở lại lâu.
(5) cố-cư: nơi ở cũ.
(6) Hàn-huyên là lạnh-ấm, nghĩa là gặp nhau nói truyện cũ

là nhường nào; em vừa đỡ bệnh, anh lại đi Nam, trong tiệc tiễn hành em kiêng hơi men, anh tự vui say, nào cười nào nói, tửu lượng hơn xưa, em chỉ mừng thầm, sao anh đã già, trước yếu mà nay mạnh như vậy, hay là trước hiếm mà nay ngành-đồng (1) đã sinh? hay là anh muốn về gần cố-hương, mà nay đã thỏa lòng. Ai ngờ chưa được mấy hôm, em nhân việc-công sang Bắc, anh cũng ngày hai mươi trúng-phong, giờ Tuất ngày hai mươi mốt mà anh quyên-trần, em về không kịp thấy anh, thương thay! lúc anh về thời em ốm, khi em khỏi thời anh mất, họp mặt hơn một tháng, ngày vui chỉ và hôm, sao con tạo chêu ngươi đến thế du! đau đớn thay!

Vả anh em ta sân-quế (2) năm ngành, em gái đôi kiều, anh em ta sum họp trong khoảng mười năm, nhờ anh nuôi-nấng bảo-ban, dựng vợ gả chồng đều được thành lập, từ đấy đến nay gần ba mươi năm, mừng nay phúc nhà đầm-ấm, con cháu thành hàng, mà anh đã hóa ra người đời xưa!

Anh lúc thiếu-niên chăm việc học hành, ít nói quả-dục, mà hưởng thọ chỉ có sáu-mươi-nhăm, cổ-nhân nói rằng: « tĩnh thời thọ » có nhẽ nói giối người ta chăng?

---

(1) Ngành-đồng: ngành cây đông vi như con giai.

(2) Sân-quế: cổ nhân sinh 5 con, giồng năm cây quế cho nên gọi là sân-hòe.

Tiên công là trưởng một ngành, anh là trưởng một nhà, sau khi anh vắng đời, chị tôi ẵm cháu mồ-côi măng-sữa, ngẫm sự gánh vạc trăm năm đau đớn nhường nào!

Từ năm Ất-mùi đến nay, các chị dâu cùng anh thứ tôi, em út tôi, cùng nối nhau qua đời, thấm thoát trong mười năm, nào chú nào thím lại là năm tang; trời ôi! họ đương mấy người, sao anh chẳng nín náu mà ở cùng em, anh ơi! anh mà có biết có buồn bã thảm thương chăng?

Thương ôi! đề đau lòng, nói giơi châu, em sao tìm được anh ở nơi cửu-toàn, (1) cầm tay khóc rằng: « Kẻ thác người sống, anh em nhớ thương ».

---

14. — Bài chướng của cụ Vũ-phạm-Khải làm cho ông Ngọc-Âu viếng quan Hoàng-giáp Tam-Đăng.

Ông học sĩ Liên-Động chủ-nhân Phạm-nghĩa-Chai tạ-thế (2), chúng tôi sốt-sắng cảm động vô-cùng, gạt nước mắt mà nói rằng: « giời ôi! như tiên-sinh sao không để cho giải đời! » Những học trò đông đủ như hoa quế đầy non, mà Tiên-sinh lại đi đâu, vườn tùng đông lạnh, Liên-động vắng tanh. Giời sinh ra Tiên-sinh nào phải vô-tình, việc Đồ-sơn tưởng là

---

(1) Tạ-Thế: là bỏ đời.

(2) Cửu-toàn: là chín suối, tức là nơi âm-ty.

ngày Tiên-sinh vĩnh-quyết (1) mà lại không can, chận Đằng-Giang Tiên-sinh thề không cùng giặc cùng sống, chận bộ-giang Tiên-sinh thân gieo bể rộng rằng chết cũng song, mà lại còn, lúc tưởng rằng chết mà giời lại để Tiên-sinh gánh vác việc đời; khi lão-cảnh thanh-nhàn, đáng ở đời rèn cặp những lũ thiếu-niên, mà giời lại đem tiên-sinh giu-tiên (2), giời ôi! có giận cùng chăng! Những bậc hào-kiệt ở đời, sống quan-hệ, chết có kỳ, không vì phong-trần mà mai-một (3), thung-dung như núi Thái-sơn, chải bao suất tử (4) nhập sinh (5) nên danh bất hủ,cơ giời mầu-nhiệm biết đâu suy lường.

Ở đời, thọ nên quý có ba bậc, là thần-tiên thọ, công-tướng thọ, nho-sư thọ, (6) làm thầy làm tướng, làm chủ động Liên-Hoa, Tiên-sinh sống thời vinh, chết thời thương, giời u đất ám, núi lở sao rời, kẻ cắp sách mà khóc, làng sóm buồn-hát mà đi đưa, những bậc quan sang quyền quý xe ngựa viếng thăm, tiếng động miếu-đường (7) mặt rồng cũng vì buồn bã, thác là thể-phách (8) sống là anh-danh (9) nào phải như bậc tầm-thường

---

(1) Vĩnh-quyết: lúc bước chân đi rồi sau chết mà không về.

(2) Giu-tiên: là lên tiên tức là chết.

(3) Phong-trần mai-một: ở nơi sa-mạc, gió bốc cất mà vùi người đi.

(4) Xuất tử: ra khỏi nơi chết.

(5) Nhập sinh: vào nơi được sống.

(6) Nho-sư: ông thày giỏi-giang, đạo đức, học-trò và quốc-nhân đều tín phục.

(7) Miếu-đường chỗ vua ở.

(8) Thể-phách: là thân-thể hồn-phách.

(9) Anh-danh: là tiếng lẫm-liệt.

sinh-tử mang-mang đâu; thời còn oán chi giời! mà trong lòng không thể không áy-náy là sao? Tiên-sinh với Tiên-công tôi là bạn đồng-thân, nghĩa là thanh-khí, tình bằng anh em, đồng tâm đồng đức, nghĩa luân giao còn ở tai mắt làng văn; Tiên công tôi không may trước đã qua đời, Tiên-sinh tự coi liệm, đưa đến huyệt, việc nhà Tiên-sinh cũng tự trông nom, giai giề Tiên-sinh cũng đều giậy bảo, cháu giai Tiên-sinh lại cho cháu gái sánh cùng, rằng để cho đời đời tương thân, điều hơn nhẽ thiệt, Tiên-sinh bảo ban, lộc-thực muôn-hộc (1) Tiên-sinh tác thành, khi nắng rét lúc mây mưa cũng trông cậy Tiên-sinh, chúng tôi đội giời đạp đất cũng hết lòng kính hiếu coi tựa Tiên-công tôi, giời sao lại đem Tiên-sinh đi đâu, từ nay về sau ai bảo ban, ai che chở, vui nói cùng ai, hoạn nạn hỏi cùng ai!

Tiên-sinh nếu gặp Tiên-công tôi ở cửu-nguyên khóc chăng? cười chăng? vui chăng? buồn chăng? chúng tôi biết đâu, nhân nhớ chuyện cũ, cảm động thêm buồn, dâng chén rượu, ngậm khúc sầu, giọt lệ, giọt huyết, giời ôi!

---

(1) Lộc-thực muôn-hộc: là quan to ăn lương đến muôn hộc thóc.

15. — Bài chướng quan Hoàng-Giáp Lê-hữu-Thanh, (Tuần-phủ Hanoi) viếng quan Phủ Phú-Bình Roãn-Chi tử-tiết.

Giời ôi! quan phủ Roãn mất thực chăng? hay là mộng chăng? thôi ông mất rồi! chúng tôi khen-ngợi mà lại buồn rầu. Ông một thân gìn giữ cô-thành (1) hơn hai mươi trận trống-chọi quân thù, ông còn thời thành còn, ông thác mà thành cũng tan-tành, nếu không chí-khí hào-hiệp khác hẳn người thường, làm sao được thủ đoạn lẫm liệt thế ru!

Tôi nghe khi thành bị hãm, ông tìm một cách phương-tiện không chịu kiều-hãnh (2) sống nhơ, reo mình ở nơi trường-giang. Sinh tử nào phải sự thường, nào vì gia-kế lưỡng lự không song, nào thời triết-tỏa, mấy kẻ cường-hung, mà lại tìm được cách thác trong, thực là muôn nghìn khó thay!

Ông là giòng nhà tướng-súy, ông thời chết mấy thành Phú-Bình, em ông lại chết mấy thành Sơn-Tây, người thời tôi trung, người thời con hiếu, chung hiếu một nhà, chúng tôi chắp tay kính phục nhường nào, việc gì phải khóc lóc như thói nữ-nhi làm chi!

---

(1) Cô-thành : khi chiến-chanh thế đã nguy, quân giặc vây bọc, giữ chỉ có thành một mình.

(2) Kiều-hãnh là cách cầu may.

Khi biên-thành (1) nhiễu động, kẻ thời bỏ thành trốn chạy, kẻ thời đóng cửa cắp thay, trí khí nhu-nhược, nào còn trọng mong, ai ngờ ông đem một toán quân đơn-nhược (2) trống trọi với quân thù, trong lực cùng, ngoài không viện, quyết đem thân mà giả nợ với nơn sông, giá sử ai cũng như ông, thời lo gì quân giặc. Giời ơi! việc nước nhiễu-nhương, nhân tài hiếm có, rót rượu khấn ông, xin ông biết cho!

---

16. — Bài chướng của cụ Vũ-Phạm-Khải làm cho học trò mừng quan Đốc học Nam-Định hạ thọ.

Năm Giáp-Tý đầu hội Thượng-Nguyên, là năm thứ nhì cụ Hoàng-Giáp Tam-Đăng từ quan, tuổi vừa sáu mươi, yến-hưởng cố nhân tại đình, đãi tiệc môn sinh tại trường, môn-sinh Ninh-Bình xin làm lễ thọ, tiên-sinh không cho, rằng nay ngã-hoàng (3) sớm khuya lo-lắng ở trên, tướng-súy sông pha bỏ sương ở ngoài, ta lạm hàng khoa bảng, ốm đau vô dụng, lấy gì báo ân, vả liền năm hung-hoang (4)-lấy gì sửa soạn bôi bàn, vui thú gì mà làm lễ thọ.

---

(1) Biên-thành : thành quách ngoài biên, giáp giới nước khác.

(2) Đơn nhược đơn sơ yếu đuối.

(3) Ngã hoàng : là vua ta.

(4) Hung hoàng : là đói kém.

Ta sinh trưởng ở Ninh-Bình, Ninh-Bình, Nam-Định cũng liền một phương, chưa lấy gì bổ-ích cho những bậc thanh niên cố hương, nghĩ bụng chưa cam, huống chi làm thọ.

Các môn-sinh cùng tôi thuật truyện, tôi tưởng rằng không tự sưng thọ là nghĩa, chúc thọ là lễ, tiên-sinh giữ nghĩa, môn sinh giữ lễ, thời có hại gì? Tiên-sinh nghĩ ba đều không nên sưng thọ, tôi nghĩ có ba đều nên chúc thọ: triều-đình trọng khoa-giáp (1) tiên-sinh cao vượt Vũ-Môn, (2) là bậc danh thần ở nơi chiều-ban, (3) mà tiên-sinh điềm đạm tự nhiên, không cầu tiến-đạt, về nơi vườn cúc (4) chăm việc văn-thơ, những kẻ văn-nhân tài-tử cắp sách đầy sân, kìa ông Mạnh-Tử nói rằng: « giậy giỗ nhân tài là cảnh rất vui » là một đều nên chúc thọ. — Những kẻ học-giả đời này, nệ về khoa cử, trong sân thi-lễ (5) nào từng việc binh, tiên-sinh là học-quan, gặp khi Đồ-sơn nhiễu loạn, sếp bút nghiên theo việc cung đao, khi ra khỏi cửa sinh-tử nào có quản chi, nhời ong ve không thể ngã lòng, tiên-sinh khăng-khái nhường nào, sấm xét ở nơi chiến-trường, mà tiên-sinh cầm kế vạn-toàn, là hai đều nên chúc thọ. — Sách Chu-lễ nói rằng:

(1) Khoa giáp: là Đỗ tiến Sĩ.

(2) Những cá đi thi, con nào vượt qua nơi Vũ-môn, thời mới hóa long.

(3) Chiều ban: là các bạn trong chiều.

(4) Vườn cúc: nơi các quan về hưu hay giồng cúc. đề giưỡng nhàn

(5) Sân thi-lễ: là nơi học kinh-Thi, kinh-Lễ.

«sư nho lấy đạo-giáo giậy dân» công nghiệp sư-nho có phải chỉ rèn-cập nhân tài thôi đâu, ngày nay chính đạo dị-đoan, (1) chanh tối chanh sáng, nếu đâu đâu cũng được vì đại-hiền như tiên-sinh để uốn-nắn lòng người, thời lo gì chính-lý mờ tối; tiên-sinh danh vọng rực-dỡ, giời phù-hộ kẻ cát nhân (2) như ngành tùng đứng ở nơi gió lạnh xương-xa, mà vẫn xanh-tốt như thường, đấy là ba đều nên chúc thọ.

Chúc thọ là sao? cổ-nhân lo sâu nghĩ xa, tới khi lo da mồi tóc-bạc, đem dâng rượu bồ để bồ-dưỡng thân già, kìa Kinh-Thi nói rằng: «ta giót chén vàng, xin đừng lo xa», Tiên-sinh lấy sự lo thay sự mừng, ta thời lấy mừng thay lo, đem ba điều nên chúc thọ này để thay vào ba đều không nên chúc thọ của Tiên-sinh, việc gì không nên? Các môn-sinh trình bầy cùng Tiên-sinh, tiên-sinh ngập-ngừng giờ lâu nói rằng: «ba điều nên chúc thọ của ông Đông-Dương-Tử lại thêm ngùi-ngùi lòng ta, ông Đông-dương-Tử cũng là bạn đồng-thân ta» Tiên-sinh sai chép lấy nhời.

---

(1) Dị-đoan: mối lạ tức là đạo giối.

(2) Cát-nhân: là người tốt.

LUẬN-THUYẾT

17. — Bài tựa Tam-quốc-Chí

Tôi xem các sách tài-tử, nào Trang-Tử, nào Ly-Tao, nào sử Tư-Mã, nào Thủy-Hử, nào Tây-Xương, cùng bộ thơ Đỗ-Phủ, chua phê càn-rỡ, các bậc quân-tử cũng cho là nói-năng phải nhời; nay xem sách Tam-Quốc biên chép sự thực, không phải nói ngoa, thời sách Tam-Quốc này lại là kỳ hơn.

Có kẻ nói rằng: «Từ Chu, Tần về trước, từ Hán, Đường rở lại, theo sự thực mà suy-chép bộ nào chả giống Tam-Quốc, lấy gì làm lạ». Nào biết đâu cuộc Tam-Quốc là cuộc cạnh-tranh rứt nhớn, rứt lạ, mà sách Tam-Quốc là tiểu-thuyết, bút pháp rất kỳ, giá cuộc cạnh-tranh khác công việc tầm thường, kẻ biên chép lấy đầu bới móc ra cho kỹ, thời sao sánh với bộ Tam-Quốc mà khoe khéo được.

Xem cuộc Tam-Quốc tranh thiên-hạ, ngẫm nghĩ con tạo vần xoay biết đâu đo lường, dương khi vua Hiến-Đế suy-nhược, Đồng-Trác chuyên quyền, kẻ khởi nghĩa người cần vương, thiên-hạ sôi-nổi. giá ông Lưu-Bị sớm đã cá nước duyên ưa, không phải cầu hôn Giang-Tả, được ngay đất Kinh, Tương, kéo thẳng đến Hà-Bắc, Giang-Nam, Giang-Đông, Tần và Ung cũng lần lượt định song, thời lại là cuộc trung hưng thứ hai, biết đâu con tạo soay-vần là khéo. — Duy mưu Đồng-Trác thoán-thí

không thành, Tào-Tháo mượn uy thiên-tử sai-khiến chư-hầu, danh-vị thiên-tử, chỉ có tiếng không, duy chính-sóc (1) Hán chưa thay đổi mà thôi, vì thế Lưu-Bị chỉ lần-lữa tị-nạn (2) không đường ra tay mà tỏ công-lý với thiên-hạ. Đôi bên bờ sông nhớn sớm bị phân tranh, chỉ còn một góc tây nam để làm nơi cho họ Lưu chứa chân, nếu không có ông Gia-cát-Lượng đông giúp một trận sông Xích-Bích, tây đánh một trận Hán-Trung, thời châu Lương, châu Ích cũng đến tay Tào, mà Ngô cũng không thể đứng được một mình, lại thành ra cuộc Vương-mãng thoán (3) Hán thứ hai, thời vẫn chưa biết con-tạo khéo xoay vần. — Sau khi Tào-Tháo chốn chạy ở Hoa-Dung, quyền ngang sức địch, mà thế chia ba mới thành ; tội ác Tào-Tháo đầy đủ, kẻ riếc người mắng, kẻ đâm người đánh thuốc, kẻ thời đốt, kẻ thời cướp, nào cắt dâu, nào gẫy răng, nào ngã ngựa, nào rơi tường, suýt chết mấy lần, kẻ thù-nghịch cũng lắm, người phù-tá cũng nhiều, là giời cố-ý gây cuộc tam phân, để một kẻ gian-hùng mà làm mọt Hán. Vả lại sinh ra Chu-Du để đối với Gia-cát-Lượng, sinh ra Tư-mã-Ý để tiếp sau Tào-Tháo, tự hồ có

---

(1) Chính-Sóc : chiều nào cũng có niên hiệu và tên chiều đình thời ấy, thế gọi là chính-sóc.

(2) Tị-nan : là chánh tai nạn.

(3) Thoán : là bầy tôi ăn cướp nước, cướp ngôi của vau

lòng sợ cuộc đỉnh-túc (1) nửa chừng lại quay chăng, cứ sinh ra nhân-tài để duy-trì (2) cuộc ấy. — Các cuộc phân-tranh tiền cổ, kẻ tranh nơi nọ, người giữ chỗ kia, có khi chia nhau mà làm vua, có khi chia nhau làm mười hai nước, làm bẩy nước, làm mười sáu nước, làm Nam-Bắc-Triều, làm Đông-Tây-Ngụy, làm Tiền-Hậu-Hán, chợt còn, chợt mất, chợt được, chợt thua, hoặc không đầy kỷ, hoặc không đầy năm, có khi sáu mươi năm thịnh thời cùng thịnh, suy thời cùng suy, đến như cuộc Tam-Quốc này tranh thiên-hạ lại là kỳ thay. Sự kỳ trong sách Tam-quốc, các bậc Văn-nhân lấy làm thích, kẻ ít học xem cũng thích, bậc anh hùng lấy làm thích kẻ ngu phu tục tử xem cũng thích.

Lý-tưởng tam phân, Khoái-Thông đã bàn với Hàn-Tín từ lúc Hán, Sở triến tranh, bấy giờ Hàn-Tín đã làm tôi Hán không nhẽ bội bạc, Hạng-Vũ là người thô-bạo không mưu, có Phạm-Tăng mà không dùng, thế nhất thống nên phải về Hán, xem thế thì chưng-triệu (3) tam phân đã nẩy mầm từ khi Hán mới thành-lập (4) mà kết quả ở khi Hán

---

(1) Đỉnh-túc : là chân vạc, vạc có ba chân, tức là cuộc chia ba.

(2) Duy-trì : là giữ giềng.

(3) Chưng-triệu : điềm.

(4) Thành-lập : lập nên.

gần suy. Vả ông Cao-Tổ ở Hán-trung thời khởi nghiệp Hán, mà Tiên-Chủ ở Hán-Trung mà Hán suy, hay là ý tạo-hóa để nơi ấy làm nơi tạo nhân cho Hán, mà cũng để nơi ấy làm nơi kết cục cho Hán chăng? tự hồ đã bày đặt sẵn ở trong mịt-mù, khiến cho thế-sự và nhân-tài đời ấy mỗi lúc một khác, mỗi người một vẻ, khác hẳn nghìn xưa, như thế chả phải tạo-hóa kỳ-quặc lắm ư!

Kẻ chép sách tiểu-thuyết này, đem bút pháp kỳ mà chép sự kỳ, không bầy-đặt xuyên-tạc, chỉ xếp sự thực, lần chép trước sau, không chỗ nào không kỳ, thế là tạo hóa xếp đặt kỳ, mà nhân công cũng kỳ, sự kỳ, văn kỳ, nếu không kẻ cẩm-tâm tú-khẩu (1) phê thích, không suy xét tâm-não cổ-nhân, thời sách này cũng như sách thường mà thôi, ai biết đâu là sách kỳ mà tin rằng kỳ.

Tôi cũng muốn tìm tòi sự kỳ để truyền bá (2) với đời, nhân bệnh mà ý-nghĩ không rồi, may, lại được cảo-bản (3) ông Mao-Tử phê bình bộ Tam-Quốc này, bút pháp khoái hoạt, tâm-tư linh-động (4) ám hợp ý mọn, xem đi xem lại mà tâm thần say-mê, mới biết các sách tài-tử bộ Tam-Quốc này là hơn, nên tự mấy nhời.

Thánh-Thán

---

(1) Cẩm tâm tú khẩu: bụng như gấm, miệng như vóc, là kẻ khéo chép văn.

(2) Truyền-bá: phô trương.

(3) Cảo-bản: bản giáp

(4) Linh-động: nhanh-thiêng

18. — Bài tựa Tây-sương-Ký.

Có người hỏi rằng: sách Tây-sương-Ký phê rồi lại khắc là sao? tôi dật mình đứng dậy mà nói rằng: «Tôi cũng không biết tại sao mà bụng tôi cũng không thể lẳng-lặng mà không nghĩ-ngợi được. Vả trong kiếp-nhơn bao lao, từ sưa đến nay biết bao nhiêu muôn vàn năm tháng, bao nhiêu muôn vàn năm tháng cũng đều như nước chôi, mây cuốn, gió bay, điện chạy mà thoảng đi, đến năm nay tháng này mà tạm có ta, ta tạm có ở đây, rồi chả cũng như nước chôi, gió cuốn, mây bay, điện chạy mà thoảng đi hay sao, may mà ta tạm có ở đây, thời ta lấy gì làm khuây sự ấy được du!

Ta cũng thường muốn ra tay thi-thố, (1) nghĩ đi nghĩ lại, chưa bàn sự ta có quả được thi-thố hay không, quả có được thành không? giả sử quả được thi-vi (2) đến khi quả được thành, thời sự thi-vi và sự được thành rồi chả cũng như nước chôi, gió cuốn, mây bay, điện chạy hay sao. Từ khi-khởi-diễn muốn làm cho đến khi đã làm, mà cũng thoảng đi, thôi ta cũng ngao-ngán rằng: «sự ta ước-ao cũng là vô ích thôi», thế thời ta cũng không muốn thi-vi sự gì, nếu ta thực không muốn thi-vi sự gì, thời chả cũng như nước chôi, gió cuốn, mây bay, điện chạy mà cũng chốc-nhát thoảng đi sao, nhưng cũng may mà ta tạm ở đây, thì ta cũng không phép gì mà làm khuây sự nghĩ ấy được.

---

(1) Thi-thố: là làm sự nọ làm sự kia.

(2) Thi-vi là ra tay làm việc.

Ngày nay ta buâng-khuâng thế này, cổ-nhân chả cũng trước ta buâng-khuâng thế này du! chỗ ta ngồi, ta đứng hôm nay, cổ-nhân đã ngồi trước đứng trước ta rồi, cổ-nhân ngồi ở đây, đứng ở đây, tất cũng như ta hôm nay, hôm nay ta chỉ biết có ta, mà không thấy cổ-nhân, lúc cổ-nhân ở đây chả cũng tự biết thế sao, thôi cũng buâng-khuâng mà không sao được, cho nên lặng yên thôi, thực nên riêng dận giời già lắm thay.

Đã sinh ra ta, cũng nên kiếp-kiếp đời-đời còn mãi, bằng không thời cũng đừng sinh ta làm chi, cớ chi vốn không ta, ta cũng chưa từng kêu-van cầu sinh, mà vẩn-vơ tự nhiên lại sinh ra chính là ta, mà lại không để cho kiếp-kiếp đời-đời còn mãi, nên tai nghe bụng cảm (1) lấy làm ngao-ngán thay; thương ôi! cửu nguyên (2) là chốn-nào, làm sao hỏi được cổ-nhân, nếu thực có nơi cửu-nguyên, có thể hỏi được cổ nhân, chắc cũng cùng rơi hàng lệ, cũng khóc thất-thanh (3) mà thôi.

Bảo rằng giời đất không tệ, giời đất cũng thật buâng-khuâng biết sao, muốn rằng tịch-duyệt (4) không sinh, thời không phải là cõi giời đất, sinh-sinh hóa-hóa cũng là lệ thường. Nhưng giời đất đã tình-cờ mà sinh ra ta, chắc cũng không biết là ai, nhưng loài đã sinh, chắc cũng không tự biết mình là ai, cũng rằng giời đất sinh thời là ta, khi khác

---

(1) Bụng cảm : trong bụng cam động.

(2) Cửu-nguyên : chín lần xuối, âm-ty ở dưới chín lần xuối.

(3) Khóc thất-thanh : khóc mất tiếng.

(4) Tich-duyệt : tiêu-duyệt vắng tanh.

sinh thời không phải là ta, những kẻ khi khác sinh, ai ai cũng tự sưng rằng ta, giời đất lại buâng-khuâng biết đâu mà phân biệt. Giời đất chưa từng sinh ra ta mà lại ngẫu-nhiên sinh chính là ta, sinh thời sinh ta cũng mặc đấy thôi; dù rằng nước chôi, mây cuốn, gió bay, điện chạy mà thoảng đi, thời ta cũng mặc đấy thôi, ta trước thời mặc cho sinh, sau lại mặc cho thoảng đi mà không phàn-nàn, nhưng quãng dữa ta còn ở đây, thời cũng tuỳ ý mà làm khuây thôi.

Khi ông Gia-cát-Lượng cầy ở Nam-Dương, muốn nín-náu qua thì, cũng là một cách làm khuây; rồi lại nể ông Lưu-huyền-Đức ba lần đến nơi lều danh, đem thân phó-thác cho người, ăn ít lo nhiều, đến chết mấy thôi, lại cũng là một cách làm khuây. — Ông-Đào-Tiềm lấy lạy làm nhục mà bỏ quan, cũng là một cách làm khuây, rồi mà cơ hàn thiết thân, qua nhà nọ đến nhà kia, lại cũng là một cách làm khuây. — Những kẻ liên-hôn (1) Đế-thất, (2) kẻ hầu người hạ, trên thềm gươm hầu trống gióng, sau nhà đàn hát ngọt-ngào, cũng là một cách làm khuây. — Ông Thích-Ca ngày một bữa cơm kê, đêm ngủ gốc cây, làm kinh bốn vạn tám nghìn câu, để độ chúng sinh ở nơi bể khổ, thế cũng là một cách làm khuây.

Sao vậy? thân ta lúc chưa sinh đã chắc đâu là ta, lúc đã thoảng đi lại không phải là ta, thời ta tuy

---

(1) Liên hôn : thông gia.

(2) Đế thất : nhà vua.

tạm ở đây, đã chắc gì là đích ta, ta biết nói sao; nhưng mà ta còn mong rằng đích là ta, thì ta không nên để nhầm cho ta, nhầm mà lại muốn lấy thân không phải là ta, nghĩ là ta, thời thực là nhầm. Lại nhầm mà muốn lấy thân bây giờ lo xâu nghĩ xa, tạc ngấn-tích trăm đời nghìn kiếp, thời là sự nhầm to vô cùng; tóm lại thân không phải là ta tự làm nhầm đấy thôi. — Lại ngày tháng không phải của ta, nhầm mà để cho ta tiêu-dùng cũng được. Lấy tài-tình không phải của ta, nhầm mà để cho ta huy-hoắc (1) cũng được. Tay tả sờ thân bảo rằng nhầm không phải thân ta tay hữu vuốt râu bảo rằng nhầm không phải râu ta cũng được. Bài thơ mà thân không phải của ta làm ra, ta lại ngâm ở miệng không phải của ta, nghe ở tai không phải của ta, chân ta giận, tay ta múa, giận không phải là chân ta, múa không phải là tay ta, mà ta lại muốn cho còn mãi cũng được. Mực, nghiên, bút, giấy là vật gì? sao lại bảo rằng của ta, gọi là một vật ở trong đào-chú (2) thời ta cũng ư rằng vậy. — Rèm thưa ghế bóng là nơi nào? rằng chính ở đây, thời ta cũng ư rằng đây. — Gió mát giăng trong là ngày nào? rằng chính hôm nay, thời ta cũng ư rằng hôm nay. — Ong bay kiến bò ở ngoài cửa sổ, vật thời ngẩn-ngơ, ta cũng lạ-lùng, ta hôm nay tạm ở đây, con ong cái hiến cũng tạm ở đây, rồi ra ta cũng là cổ nhân, con ong cái kiến cũng là vật xưa. Hôm nay ta bụng nghĩ tay viết, lại có ong bay kiến

---

(1) Huy-hoắc : là làm cho phí phạn.

(2) Đào chú : là nung-đúc, trong giời đất gọi là cõi đào-chú.

đỗ cùng lại làm duyên, thực là cảnh kỳ hiếm có, người sau đọc văn này, biết đâu là cảnh tượng này, cũng chắc biết đâu dịp này có ta. Ta cũng biết người sau đọc văn ta, nhưng ta cũng đã như nước chôi, gió cuốn, mây bay, điện chạy mà thoảng đi rồi, ngẩn-ngơ biết sao! thôi cũng đọc văn này mà làm khuây.

Nếu người sau đọc văn ta mà thản-nhiên (1) không cảm-động, thời ta cũng như nước chôi, gió cuốn, mây-bay, điện chạy thỏang đi rồi, cũng biết sao! nếu ta phải kỳ-cầm khổ-khắc muốn cho tinh-riệu, tuy là cầu-kỳ phong-phiếm cũng là một sự làm khuây, ta cũng không kể rằng người sau có biết thế không! Thôi, tưởng xem tài học kiến thức cổ nhân, giỏi gấp mười phần, nay biết đâu mà phúng - viếng, ta cũng đem sách này mà phê mà khắc thay nhời viếng thăm, cũng là một cách làm khuây.

Thánh-Thán

---

19. — Lưu-Hầu (Trương-lương) luận

Bậc anh-hùng hào-kiệt, trí-khí tất hơn người, hơn người một chữ nhẫn mà thôi, còn như kẻ thấy nhục đến thân rút gươm liều mình, sao gọi được là dũng, là sự mạnh-bạo thất phu (2); bậc đại-dũng, chợt có việc như giời bể cũng không kinh, vô-cố deo sự nhục-nhã cũng không giận, thực là bụng rất rộng, lo toan rất to.

---

(1) Thản nhiên: trong bụng không nghĩ-ngợi vướng-vất gì.

(2) thất-phu: là đồ liều.

Việc ông già cho ông Tử-Phòng (Trương-Lương) sách ở trên sông Rĩ, rất là kỳ quái, chắc cũng là một người quân-tử ẩn-dật (1) đời Tần đến thử đấy thôi; xét kỹ ý-tứ nhiềm-nhặt, khác gì bậc thánh-hiền giậy-bảo khuyên-răn, mà người đời không xét cho là thần-tiên, thời thực là nhầm, sao không xem sách ấy là sách gì?

Khi Hán mất, Tần đương lừng-lẫy, chỉ dùng sự chém-giết mà đối đãi với thiên hạ, dầu có sức khỏe như ngươi Bôn (2) ngươi Dục (3) cũng đến bó tay, nghĩa là Tần chính-sự hà-khắc (4), uy-mãnh (5) không thể phạm được, thế không thể đương được, mà ông Tử-Phòng không nhẫn, mượn sức một đứa thất phu, reo mũi dùi để hả sự bực với Thủy-Hoàng, đương khi Thủy-Hoàng tầm-nã, ông Tử-Phòng cũng đã nguy-nghiệp lắm thay. Xem như những con nhà phú-quý không liều mình với những kẻ hung-đồ, là thân rất trọng, mà những đứa hung-đồ cũng không đáng ganh-tỵ đó thôi; tài ông Tử-Phòng là bậc lỗi-lạc (6) tuyệt thế, không bắt chước sự-nghiệp vương-tá như ông Y-Roãn Thái-công, lại rở kế thích-khách như ngươi Nhiếp-Chính Kinh-kha, không chết là may, có nhẽ ông già ấy

---

(1) Ẩn-dật: kẻ ở một nơi xa vắng, không thiết sự đời.

(2) et (3) Bôn, Dục: là người khỏe nhất đời.

(4) Hà khắc: tàn-ác.

(5) Uy-mãnh: uy-nghiêm, mãnh-liệt.

(6) Lỗi lạc: giỏi giang khác bậc tầm thường.

lấy thế làm phàn-nàn chăng? cho nên lấy một cách kiêu-ngạo bắt sách giầy, triết-tỏa cho biết sự nhẫn-nhục, nên ông già ấy mới khen rằng: « Nhũ-tử-khả giáo » (con nhà dễ giậy).

Kìa như Sở-Trang-Vương đánh Trịnh, Trịnh-Bá cởi trần giắt trâu, khoản-đốn, Trang-Vương nói rằng: « Trịnh-Bá biết chiều người, chắc cũng được lòng dân », liền bãi binh. Ông Câu-Tiễn bị khốn ở Cối-Khê, phải làm tôi-tớ Ngô, tủi nhục ba năm, rồi báo được thù, thù người mà không chiều người, thời là mạnh-bạo thất-phu, ông già ấy thấy ông Tử-Phòng tài cực dồi, mà độ-lượng còn nông; nên ông ấy triết-tỏa bụng khách-khí thiếu niên, nhẫn sự tức giận nhỏ-mọn mà thành việc to.

Ông Tử-Phòng với ông cụ-già ấy vốn không tương chi, chợt gặp ở nơi điền-dã, sai ngay những sự tôi-đòi, ông Tử-Phòng cũng chiều lòng mà không quản-ngại, đã đủ biết khí-cách (1) ông Tử-Phòng đổi thay, hình như Tần-thủy-Hoàng không đủ giận, Hạng-Vũ cũng không đủ kinh đâu. Xem như ông Cao-Tổ với Hạng-Vũ, một người thắng, một người bại, cũng ở chữ nhẫn chữ bất nhẫn mà thôi. Hạng-Vũ trăm chận được cả trăm mà khí sinh kiêu; Cao-Tổ thời chịu nhẫn, nín-náu chờ cơ, chắc cũng là mưu-kế ông Tử-Phòng. Xem như khi Hàn-Tín đánh được Tề, muốn làm

---

(1) Khí-cách: chí-khí, tư-cách.

vua Tề, ông Cao-Tổ giận ra mặt, không nhẫn được tính cương-cường, nếu không có ông Tử-Phòng thời cũng nhỡ cơ.

Ông Thái-sử-Công nói rằng: « ông Tử-Phòng trạng-mạo khôi-ngô như con gái », thế là chỉ biết mặt ông Tử-Phòng, mà không biết trí-khí ông Tử-Phòng, muốn biết rõ tâm-tích ông Tử-Phòng, xin xem kỹ bài này.

Tiến-Sĩ Tô-Thức

---

20. — Nhời Trần-Trần thưa với vua Tần

Trần-Trần bỏ Sở sang Tần, Trương-Nghi sui vua Tần rằng: Trần-Trần làm tôi bệ-hạ, thường đem quốc-tình (1) mách Sở, xin bệ-hạ đuổi Trần-Trần đừng dùng, nếu Trần-Trần lại về Sở xin giết đi ».

— Vua Tần nói rằng: « Trần-Trần sao giám về Sở ».

— Vua Trần gọi Trần-Trần bảo rằng: « Bây giờ anh muốn đi đâu, ta cũng chiều ý anh, sẽ sai sắp xe ».

— Trần-Trần thưa rằng: « Tôi xin về Sở ».

— Vua Trần nói rằng: « Trương-Nghi đã biết rằng anh tất về Sở, mà ta cũng chắc rằng anh về Sở, nếu anh không về Sở, thì còn đi đâu ».

— Trần-Trần nói rằng: « Tôi xin về Sở là cốt

---

(1) Quốc-tình: tình-hình trong nước.

để thuận ý bệ-hạ cùng Trương-Nghi, mà cũng để tỏ bụng tôi muốn về Sở hay không thôi. — Sưa kia có người có một thê một thiếp, có đứa đến ghẹo người vợ-cả, người vợ-cả riếc-mắng, đứa ấy lại ghẹo người vợ-lẽ, người vợ-lẽ thuận ngay, sau chồng chết, có người bảo đứa ấy rằng: « bây giờ anh muốn lấy ai, lấy người vợ-cả ấy chăng, hay người vợ-lẽ ấy chăng? » Đứa ấy giả nhời rằng: « Tôi muốn lấy người vợ-cả ấy ». Người kia hỏi: « trước người vợ-cả ấy mắng anh, người vợ-bé ấy thuận cùng anh, bây giờ sao anh lại muốn lấy người vợ-cả ấy »? Đứa ấy nói rằng: « Người vợ cả ấy trước là vợ người ta, thời tôi muốn cho bằng lòng cùng tôi, nay làm vợ tôi, thời tôi muốn nó mắng những người có tình giăng-hoa ». Nay vua Sở lại là bậc minh quân, ông Triêu-Dương là tướng giỏi, tôi làm tôi bệ-hạ mà lấy quốc-tình Tần mách Sở, thời vua Sở chắc cũng không dùng tôi, ông Triêu-Dương chắc cũng không dùng tôi; đấy tôi có về Sở hay không, thời bệ-hạ đủ biết.

Trần-Trẩn ra, Trương-Nghi vào hỏi vua Tần rằng: « Trần-Trẩn đích muốn đi đâu »?

— Vua Tần nói rằng: « Trần-Trẩn thật là người hùng-biện, (1) mà bảo rõ quả-nhân, (2) hắn tất về Sở, đuổi không tiện, giết không đang, quả-nhân không biết làm thế nào, quả-nhân có bảo Trần-

---

(1) Hùng-biện : là biện bác giỏi.

(2) Quả-nhân : ông vua tự xưng là quả-nhân.

Trần rằng: anh mà về Sở, thời Trương-Nghi đoán không sai, Trần-Trần giả nhời rằng: « dầu con-trẻ đàn-bà ai chả biết tôi tất về Sở, cứ gì Trương-Nghi; phàm kẻ trung nghĩa ai không muốn dùng làm tôi, con hiếu thuận, ai không muốn được để làm con, cho nên đứa đầy-tớ bị đuổi ra khỏi ngõ đã có người dùng, trắc là đứa đầy-tớ trung. Gái chồng đẫy mà lại lấy ngay được chồng ở trong làng xóm, chắc là người đàn-bà hay, nếu tôi không trung với Tần, chắc Sở cũng không cho tôi là trung; tôi trung mà bệ-hạ không dùng, tôi chả về Sở thời tôi đi đâu ».

Từ đấy vua Tần càng hậu đãi Trần-Trần.

Chiến-quốc-sách

---

21. — Luận tha tù

Tín-nghĩa để đối-đãi với người quân-tử, hình-phạt để đối-đãi với đứa tiểu-nhân, là lẽ thường trị nước. Những đứa tội to ác-cực đã đến sử-tử, là bạng tiểu-nhân quá thậm. Những kẻ thà vì nghĩa chết, không chịu sống nhơ, coi chết như không, bậc quân-tử cũng lấy làm khó thay!

Khoảng năm thứ sáu vua Đường-thái-Tôn, tha ba trăm tù sử-tử về nhà, hạn kỳ đến chịu chết, thế là lấy sự khó sử của bậc quân-tử mà buộc cho đứa cực tiểu-nhân; sau những đứa tù ấy lại y hạn

mà đến, thế là bậc quân-tử khó sử mà những đứa cực tiểu-nhân lại giữ không sai, như thế có tin được là chí-tình (1) không?

Cũng có kẻ bàn rằng: « Đứa tội to ác-cực vốn là hạng tiểu-nhân, được đội ân-đức mà cảm hóa ra bậc quân tử, thế là ân-đức cảm động, khiến người ta sửa mình mau chóng làm vậy », nhưng xét kỹ, chẳng qua vua Đường-thái-Tôn làm sự đó để cầu danh thôi, ý vua Đường-Thái-Tôn tất cũng đoán rằng: tha cho chúng về, chắc cũng y hạn đến để mong tha, nên mới cho về; mà những đứa tù-tội được về, tất cũng đoán rằng: đến hẳn được tha, nên mới giở lại. Biết rằng chúng chắc giở lại mà tha, thế là người trên đo bụng kẻ dưới, biết chắc rằng được tha mà giở lại, thế là người dưới đo bụng người trên, trên dưới cũng đo lẫn nhau để cầu tiếng tốt, sao lại gọi là thi ân-đức cùng biết sự tin-nghĩa đủ? — Vả vua Đường-thái-Tôn thi-ân-đức cho dân, đã hơn sáu năm, không hóa được những đứa tiểu-nhân đừng làm sự tội-ác, mà ơn tạm thì lại hóa được những đứa cực tiểu-nhân giữ tín-nghĩa mà coi chết như không chăng, vậy thời đủ biết nhời bàn trên là bất-thông.

Giá dụ, chúng giở lại giết không tha, rồi đứa tử-tội khác cũng cho về, về không trốn, thời mới đủ tin rằng ân-đức cảm-động người ta, nhưng chắc không khi nào có vậy, thời sự vua Đường-thái-Tôn làm thế chẳng qua ngẫu-nhĩ một bận mà thôi, nếu hai lần ba lần nhiều lần làm cách ấy, thời những

---

(1) Chí tình: tình ý đích đáng.

kẻ giết người đều không chết, có thể làm phép thường trị nước được chăng? không thể để làm được phép thường, thời không gọi là phép hay. Cho nên các bậc thánh-vương đời xưa trị nước, so sánh tình lý mà lập pháp-luật, chứ không lập dị (1) mà làm cao, không trái tình-lý mà cầu tiếng khen.

AN-DƯƠNG-TU

22. — Thư ông Hàn-Dũ đưa quan Tể-Tướng

Tôi là Tiến-sĩ Hàn-Dũ, xin bầy-tỏ ở trước mặt Tướng-Công: từ khi tôi dâng thư cùng các văn, chờ lệnh đã mười chín hôm, chưa được truyền-bảo, sợ-hãi không giám đi đâu, không biết làm thế nào, nên đường-đột (2) giám phạm uy-nghiêm xin nói mấy nhời mà chờ lệnh Tướng-Công.

Tôi thiết tưởng rằng: những kẻ sa vào nơi thủy hỏa mà cầu người cứu, không cứ rằng cha-con anh-em mới kêu gọi đâu, giá có người gần đó, dầu vốn hiềm-thù, nhưng bụng còn muốn sống, tất cũng kêu to mà cầu-cứu; kẻ ở gần đó tai nghe mắt trông, không cứ rằng cha-con anh-em mới cứu vớt đâu, dầu vốn hiềm-thù, suy bụng muốn sống của mình, tất cũng hết sức, sém mày dâu, lấm chân tay, cứu vớt không từ, là sao? là thế thực bách mà tình thực nên thương.

---

(1) Lập-dị : cầu-kỳ làm cho lạ.

(2) Đường-đột : sông-sáo vô phép.

Như tôi hết sức học-hành, cũng đã nhiều năm, ngu không biết đạo-học hiểm-nghèo, hăm-hở không thôi, sa-vào nơi đói rét như nước như lửa, cũng đã nguy và cấp lắm rồi! cũng đã kêu to mà cầu cứu rồi! Tướng-công cũng đã tai nghe mắt thấy rồi, có nên cứu chăng? hay là mần-ngơ chăng? Giá có kẻ nói với Tướng-công rằng: có người sa xuống nước, vương phải lửa, có thể cứu được mà không ra tay, Tướng-công có lấy kẻ ấy làm nhân chăng? như tôi chắc bậc quân-tử cũng nên động tâm rồi.

Có kẻ bảo tôi rằng: anh nói tuy phải, Tướng-công tuy cũng biết, nhưng chưa gặp thời, làm sao? Tôi nghĩ rằng kẻ ấy không suy, chỉ sợ tài-năng không đáng để Tướng-công dùng thôi, như bảo rằng đợi thời, thời ấy là quan-trên làm nên, chứ không phải thời giời đâu; năm sáu năm trước đây, Tướng-công cất-nhắc ông Văn-Thượng là kẻ hàn-nho, (1) thời ấy thời này có khác gì đâu. Vả nay những chức nhỏ-mọn như chức tiết-độ-xứ, doanh-điền-xứ, cũng được tự chọn các phán-quan (2) không cứ kẻ tại chức người ở nhà; huống Tướng-công Cửu-Trùng (3) cũng còn kính trọng, mà lại bảo rằng không làm thể nào được du. Tình bách nói càng, không tự biết tội, xin Tướng-công lượng cho.

Hàn-Dũ

---

(1) Hàn-nho: là học trò nghèo.

(2) Phán-quan: quan xử-kiện.

(3) Cửu trùng: là cho vua ở có chín lần cửa, gọi là cửu trùng.

23. — Thư ông Chu-Phù trách Bành-Sủng

Tôi xin nói để ông nghe, kẻ trí lập mưu phải thuận-thời ; kẻ ngu cất-nhắc đều nghịch lý, tôi xem truyện cũ thường phàn-nàn cho ngươi Kinh-Thành-Thái-Thúc, vì không biết phận đến nỗi Trịnh không dung.

Nay ông tiếng-tăm lừng-lẫy trong bực trung-hưng, (1) chức thân-dân, giữ kho-tàng, tôi thời giữ việc chinh-chiến, cũng muốn quyền-nghi cấp-cứu, đem của kho cấp cho cùng-dân, đều là vì nước mà thôi ; ông lại nghĩ rằng rèm-pha, đem quân nặng reo, sao ông chả giẫn quân đến kinh thành bầy-tỏ, mà tìm một cách chu-gi (2) cho thoả chăng ?

Chiều-đình đãi ông không bạc, giao nơi trọng-yếu, coi như cột đá cho nước nhà, tình như cha con thân thiết, đứa thất-phu bỉ-phụ (3) cũng còn hàm ơn bữa cơm mà liều mình, có nhẽ mình quan-sang chức-trọng, không nhớ ân-nghĩa mà sinh lòng bạn-nghịch như thế ư ?

Ông đối cùng kẻ hầu-hạ nói-năng, mặt mũi thế nào ? đi-đứng ngắm-trông, hình-dung thế nào ?

---

(1) Trung-hưng : một nước nào đã suy nhược hay mất nước, lại có một bậc thánh-hiền sửa sang lại được thịnh vượng hoặc khôi-phục được cơ-đồ, gọi là trung-hưng.

(2) Chu-gi ; là giết cả họ.

(3) Bỉ phu : người đàn-bà hèn-mạt :

nằm ngồi ngẫm nghĩ, bụng ra thế nào? cầm gương soi bóng, mày dâu thế nào? Thi thố với đời đạo người thế nào? tiếc thay ông bỏ cả thanh-danh trong sạch mà lập mưu phản-nghịch, bỏ cả phúc to truyền đời mà mang tai-vạ tan nhà, sao không giữ đạo trung-hiếu thánh hiền mà tập tính tàn-nhẫn Kiệt-Trụ, (1) sống thời đời cười, chết thời quỷ trách, có đáng phàn nàn không?

Ông cùng Cảnh-Hiệp đều là bạn phù-tá trung-hưng, đều nhờ ơn nước. Cảnh-Hiệp trên kính dưới nhường, thường được ban khen, ông thời kiêu-ngạo nghĩ rằng công nhất thiên hạ, mới rồi người Liêu-Đông thấy con lợn lang, tưởng rằng kỳ-dị, dâng vào Ngự-Uyển, khi đến Hà-Đông lợn đều lang trắng, người ấy thẹn thay! công ông đối ở nơi triều-đình không khác gì lợn lang ở Liêu-Đông thôi, nay lại càn-rỡ mưu muốn tự-lập (2) như thời Lục-quốc, thời Lục-Quốc sức ngang nhau, đất rộng mấy muôn rặm, quân giỏi mấy muôn vàn, giằng-co nhau mới được lâu-giài; nay đất ông được mấy rặm, đồn luỹ được mấy thành, giám lấy nơi Ngư-Dương nhỏ-mọn mà kết oán với triều-đình, không khác gì Giạ-tràng xe cát bể đông, thực là không biết lượng lắm thay!

Nay thiên-hạ vừa định, ai cũng muốn yên, dẫu từ kẻ giở người hay, ai cũng muốn lập công với

---

(1) Kiệt-Trụ: Vua Kiệt, vua Trụ, là một hạng người cực tàn ác.

(2) Tự-lập: kẻ làm việc gì, chỉ tự mình làm nên, chứ không cầu ai.

triều-đình, mà ông lại giở điên giở dại, bỏ quên thời hay, trong nghe vợ điêu, ngoài nghe kẻ nịnh, trước đề tiếng cho tổ tiên, sau bôi xấu cho bọn công thần, thực là nhầm thay.

Kìa những bậc tài-cán hơn người, lượng cả bao-dung, không vì sự nhỏ mọn mà nên thù, thôi ông đừng nghĩ sự trước mà nhầm, xin nghĩ đến mẹ già em giại là hơn, vả ở đời phàm có cử-động (1) đừng để kẻ cố-cựu (2) buồn-dầu, mà cũng đừng để kẻ thù-nghịch vui cười mới nên.

24. — Thư mừng ông Tiến-sĩ Tham-Roãn cháy nhà

Tôi được thư Dương-Bát mới biết túc-hạ (3) bị hỏa-tai, gia sản sạch không; tôi mới nghe thời kinh, rồi thời nghi, sau lại mừng, nhẽ nên chia buồn lại đổi làm mừng, đường xa dặm thẳng, sự trạng chưa tường, nếu thực sạch-sành-sanh hết, tôi lại càng mừng.

Túc-hạ sưa nay chăm phụng-dưỡng, vui sớm hôm, chỉ muốn an-tĩnh vô-sự mà thôi, nay bị trận lửa quét sạch, sự nhật-dụng (4), phục-sức (5) vì đó mà thiếu-thốn, nên tôi chợt nghe mà kinh.

(1) Cử-động: cất nhắc làm việc.

(2) Cố-cựu: bạn cũ.

(3) Túc-hạ: một ông quan gọi là túc-hạ, là tiếng tôn kính.

(4) Nhật-dụng: dùng hằng ngày.

(5) Phục-sức: đồ mặc.

Người ta thường nói rằng: đầy-vơi may-rủi không có mực thường, khi-hồ phát-đạt hơn người, trước hằng gặp cơn nguy-biến run-sợ, có kẻ bị thủy hỏa tai-nạn, có kẻ bị trâm-trọc rèm-pha, nhục-nhã lận-đận, sau mới hiển-vinh, cổ-nhân đã từng, nhưng là sự mơ-màng huyền-hoặc, tuy thánh-hiền cũng không hiểu được sự nhiềm-mầu, nên tôi nghi.

Túc-hạ, văn-chương rất mực, gấm rệt hoa thêu, các môn biệt-nghệ (1) học cũng tinh-tường, mà tài-danh chìm-đắm, là sao ?... Khắp nơi kinh-thành ai cũng biết túc-hạ gia-tư phong-phú, những người có liêm-tiết (2) ai-cũng áy-náy để bụng không giám hé răng vì túc-hạ khoa-đương, nhẽ-công khó tỏ, là vì chỗ đời hiềm-nghi, (3) ai kể đến tài-học túc hạ, kẻ chỉ người chỏ cho là đã hàm ơn túc-hạ rồi.

Năm thứ năm niên-hiệu Trinh-Nguyên, tôi được thấy văn-chương túc-hạ, sáu bẩy năm chưa từng khoe ai, chỉ để ích riêng không giám tuyên-bố với đời, không những rằng tôi phụ túc-hạ đâu ; khi tôi làm ngự-sử thượng-thư nghĩ mình là cận-thần, nhân dịp vui bàn, cũng muốn bầy sự uất-ức túc-hạ, có khi khơi truyện với đồng-liêu, còn có kẻ liếc mắt mỉm cười, tôi hối rằng mình không tự-lượng, mà liêm-tiết mình cũng chưa đủ chứng thực với đời, nên sự hiềm-nghi nặng reo, tôi thường cùng ông Cơ-Đạo vì túc-hạ phàn-nàn ; nay nhờ lửa giời

(1) Biệt-nghệ : nghệ khác.
(2) Liêm-tiết : có tính thấy tham lạm mà xấu hổ.
(3) Hiềm-nghi : là ngờ vực.

rửa sạch, sự đời hiềm-nghi, đều như gio lạnh, nhà trơ nóc, buồng chơ tường, nay rõ rằng túc-hạ không còn gì, mà tài-năng túc-hạ có thể hiển-bạch mà không nghi, thế là thần Hồi-lộc (1) Chúc-Dung (2) dúp túc-hạ phen này, tôi cùng ông Cơ-Đạo mười năm quen-biết túc-hạ, không bằng một trận lửa này đắc-lực hơn, khiến cho những người ngậm-ngùi để giạ, đều được vì túc-hạ khoa-dương (3) tiến-đạt (4) mà không ngại ngùng. Nhân trận lửa này mà túc-hạ tiến lên trên đường quang-minh, tôi có phần mong, nên tôi mừng.

Phép cổ lân-quốc có tai, liệt-quốc cũng còn thăm viếng, tôi bầy tỏ mấy nhời tựa-hồ trái mấy phép đời-sưa, thực không phải vậy, là đổi buồn làm vui.

Liễu-tôn-Nguyên

---

25. — Học-trò phải lấy sự trị-sinh làm đầu

Người ta ở đời, no ấm là trọng, là nhẽ tự-nhiên trong giời đất; trong khi sơ sinh thấy đói thấy rét thì khóc, cũng là giời buộc người các sự khốn khó

(1 - 2) Hồi-lộc, Thúc-dung : là thần-lửa.

(3) Khoa-đương : kheo kề.

(4) Tiên-đạt : tiến giãn lên cho người ta biết.

ở nơi khổ-hải. Học-giả là bậc hay suy-xét việc đời, có nhẽ không biết lý tự-nhiên hay sao, thời sự trị-sinh có phải là sự cốt-yếu ở đời không? Mà cũng là việc cốt-yếu trong việc học-hành không?

Xem như thơ Nam-mẫu, Thơ Tất-xuất, (kinh-Thi) những học trò giỏi thường ở nơi nam-mẫu mà ra, mà cũng thường phải sửa-sang việc nhà. — Ngẫm xem thánh-hiền giậy bảo, sự học tuy cần mà sự trị-sinh lại là cần hơn, học-trò ta có nên lưu tâm về sự trị-sinh không?

Công-nghiệp học trò là việc gì? sách Đại-Học ông Tăng-Tử nói rằng: « học là học cách-trí, thành-ý, tu-thân, tề-gia, trị-quốc, bình thiên-hạ ». Công nghiệp học trò rất là quan hệ, nếu sự trị sinh không song, thời những-công nghiệp ấy cũng bằng không thôi!

1 — Cách-trí là gì? — là trên thời thiên-văn, dưới thời địa-lý, giữa thời vật-lý (1) ở đời, việc gì cũng phải suy-xét phát minh nguyên-lý, công-dụng không thể thảo-lược ngày tháng mà thành hiệu, nếu sự nhật-dụng không song, còn bàn chi đến cách trí được chăng!

2 — Sao gọi là thành ý? là ý nghĩ phải cho chuyên-nhất chân-thành, ví bằng sự trị-sinh có đều bối-rối, thời trong tâm-tính cũng vì đó mà đổi thay

---

(1) Vật lý: trân lý các việc.

sai cả tính-chân, nghĩ một đằng nói một nẻo, rối-dá búng-bịt, đối với người không còn một chút chung-thành, mất cả tư-cách bậc đại-học.

3 — Tu-thân là gì? người ta ở đời chỉ vì mối thất-tình (1) mà sai cả thiên-lý (2), ai chả có cha, mẹ, vợ, con, sự phụng dưỡng không xong, phải lụy đến tâm mà cầu người, mối thất tình cũng vì đó mà sai cả nhẽ công-bằng, thân ấy bao giờ được tu.

4 — Tề-gia là gì? — nhà là một nơi gia-tộc (3) sum-vầy, nào cha mẹ, nào anh em, nào vợ con, trên dưới bó buộc, trong nhà coi như một nơi lạc-cảnh tự-nhiên, sự trị sinh mà thịnh vượng thời trong nhà yên-vui, mới giữ được đạo thường, ta là bậc học-hành kiến-thức, cách sinh tài không đủ để nuôi nhà, sợ khi lòng người biến cải mà đường luân-lý không vững-bền, cha có khi sai cả đạo-từ, (4) con có khi sai cả đạo-hiếu, (5) anh em có khi sai cả đạo thân-ái, vợ chồng có khi sai cả đạo sướng-tùy (6), sự trị-sinh rất là quan-hệ với việc tề-gia lắm thay!

---

(1) Thất-tình: mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn.

(2) Thiên-lý: nhẽ tự-nhiên.

(3) Gia-Tộc: là trong một nhà.

(4) Từ: là nhân từ.

(5) Hiếu: là hiếu thảo.

(6) Sướng tùy: phu sướng, phụ tòng, nghĩa là chồng nói vợ theo.

5. – Thế nào là trị quốc? — trong nước cốt ở nhân-dân yên-vui, nhà nào cũng giầu đủ, người nào cũng ấm no, rồi mới bàn sự lễ nghĩa, nhẽ ấy đã từng chép trong sách thánh hiền, như Kinh-Thư nói rằng: « giá-sắc duy-bảo » nghĩa là sự cầy cấy quý thay. Đức Khổng-tử nói rằng: « giầu rồi mới giậy. » Ông Mạnh-tử nói rằng: « sửa-sang việc nông-tang rồi mới lập nhà học-hiệu», thế thời học trò có hiểu ý ấy không, có nên cần mẫn không? Ai ai cũng lười biếng như ta, thời trong nước tất suy-đồi, ai ai cũng chăm sự sản-nghiệp như ta, thời trong nước tất thịnh-vượng. Vả nay ta đèn sách dùi mài, mai sau cầm quyền trị-dân, quan-hệ ở ta rất trọng, nên sự cầy-cấy cũng phải học tập, tầm-tang cũng phải tinh-tường, nghề công, nghề thương cũng phải trải từng, phòng khi gặp thời gặp bước biết đường dậy bảo dân ta.

6. -- Nước nọ đối với nước kia gọi là thiên-hạ, học đến bậc bình thiên-hạ là cực điểm trong bậc đại-học, thiên-hạ bình bởi tại nước trị, người một nước thành-thực đứng-đắn, trong một nhà hiếu-để kính-nhường, riêng thành nề-nếp, lân-quốc tất cũng cảm-hóa văn-phong, trước gần sau xa, lo gì thiên-hạ không bình. Nhưng bởi đâu mà thành công hiệu ấy? là một người, một nhà ai cũng đủ tư cách trị-sinh, không chanh-cạnh, khôg nhiềm-thù, nơi-nơi vui-vẻ, mới thành được văn-phong rực-rỡ lạ thường, sự trị-sinh thực là nền trị-bình cho thiên-hạ, kẻ có trí việc thiên-hạ, có nên giảng cầu cùng chăng?

Những thầy-đồ gàn ngày nay, không hiểu đại-đoạn nghĩa-lý thánh-hiền, mở miệng chỉ nói rằng nhân nghĩa, kể chi việc lợi, nào biết câu ấy là ông Mạnh-Tử chữa bệnh ông Tề-Tuyên, ông Tề-Tuyên chỉ chăm cho nước giầu, không biết giậy dân lấy lễ-nhượng, nên ông Mạnh-Tử nói câu ấy để triết-tỏa bụng thiên ông Tề-Tuyên đấy thôi; chẳng qua những thầy-đồ gàn ấy là phường lười-biếng ngay xương, ăn no lại nằm, thân không biết độ lại độ cho ai, những phường tư-tưởng như vậy mà cầm cương trong nước chả cũng nguy ư!

Thánh-quân hiền-tướng đời xưa có từng bỏ nghề trị-sinh bao giờ, như vua Thuấn, vua Vũ, ông Tắc, ông Y-Doãn, cũng xuất thân đi cầy, ông Phó-Duyệt thời đi xây ở đất Phó-Nham, đều là bậc thánh-hiền làm cho nước Tầu trở nên văn-minh rất cổ, sự-nghiệp còn ghi ở sử-xanh. Lại như ông Khổng-Minh là bậc kinh-luân thao-lược, duy-trì vận-mạnh nhà Hán mà chống chọi với Ngụy, Ngô, công-danh lẫm-liệt còn ở tai người, rút lại cũng là một người học trò đi cầy ở Nam-Dương, thế thời nghề trị sinh rất cần cho học trò để nương náu nuôi thân trong khi chưa gặp thời, mà vững chí học-hành, mới biết nhời ông Hứa-Hành đời Nguyên nước Tầu bảo học-trò rằng: «Học-giả dĩ trị-sinh vi tiên» là một đầu bài rất quan-trọng cho những học trò ngày nay, các anh em học trò ta ơi, nên phải ngẫm-nghĩ câu này.

Vô-danh

Kho sách xưa Quán Ven Đường

Trịnh-Trang-Công sai quân đuổi đánh em là Thúc-Đoàn

« Trang-Công và Thúc-Đoàn là anh em, bà mẹ là « Khương-Thị thiên-ái Thúc-Đoàn, muốn lập làm « vua, thân-phụ là vua Vũ-Công không nghe. Khi « Trang-Công làm vua, cho Thúc-Đoàn ở đất Kinh. « Sái-Trọng nói rằng thành Kinh cao quá trăm « thước, sợ sau có hại chăng. — Trang-Công nói « rằng: « Bà Khương-Thị muốn thế, hại cũng biết « sao, nếu làm sự bất nghĩa thời chết, sau sẽ xem.

Rồi Thúc-đoàn lấy cả đất Tây-Bỉ, Bắc-Bỉ để « làm ấp mình, Công-Tử Lữ nói rằng: xin trừ đi, « đừng để sinh tình. --- Trang-công nói rằng: « chưa can gì, rồi sẽ hay.

« Thúc-Đoàn lại lập kho tàng, Tử-Phong nói rằng: « nếu để thế, hãi sau Thúc-Đoàn lại đắc nhân tâm chăng.- « Trang-Công nói rằng: bất nghĩa rồi sẽ tan.

« Sau Thúc-đoàn sắm khí giới, mộ quân lính, « chực đánh Trịnh; bấy giờ Trang-Công mới sai « Tử-Phong đánh đất Kinh, người Kinh phản Thúc-Đoàn, Thúc-Đoàn chạy vào đất Yên, Trang-« Công lại sai đánh Yên, Thúc-Đoàn chốn chạy. »

Cá tội chi với người buông câu, thú tội chi với người đi săn, người buông câu, kẻ đi săn, thực là ác-cảm với loài sinh-sinh; Thúc-Đoàn tội chi với Trang-Công, Trang-Công thực là ác-cảm với Thúc-Đoàn. Làm mồi giử cá là người đi câu, làm cạm giử thú là người đi săn, không trách người

• Kho sách Quán Ven Đường, Chủ quán Huỳnh Chiếu Đẳng•

câu ác, mà trách cá mắc mồi; không trách người săn ác, mà trách thú vào cạm, có nhẽ nào thế chăng,

Trang-Công ghen-ghét hiểm-ác, coi ruột thịt như hằn-thù, muốn cho chết mới cam tâm, tảng-lờ để cho khinh-nhờn, thả hồ cho phóng-túng, lần lữa cho thành tội, giáp binh cường, xe ngựa nhiều, tức là mồi câu của Trang-Công; thành trăm thước, đất Lưỡng-Bỉ, tức là cạm của Trang-Công. Thúc Đoàn giại-giột ngu-si, khác gì loài cá, loài muông, thấy mồi mà không nuốt, thầy cạm mà không vào; giẫn vào đường bạn-nghịch, lấy tội bạn-nghịch mà trị, Trang-Công dụng tâm thực cũng hiểm thay!

Bụng ông Trang-Công chắc nghĩ rằng: vội trị ngay, ác Thúc-Đoàn chưa rõ, người ta không phục; thư thả trị tội, ác Thúc-Đoàn đã lộ, mà người ta hết đường chê bai. Trước mà mần-ngơ không nói, là để cho tội Thúc-Đoàn rất nhiều mà giết, nào biết đâu ác Thúc-Đoàn càng quá, thì ác Trang-Công cũng không vừa; tội Thúc-Đoàn càng to, thời tội Trang-Công cũng không nhẹ. Người ta chỉ biết Trang-Công muốn giết một Thúc-Đoàn thôi, ta thời lấy làm sau khi phong cho đất Kinh, trước khi đuổi đánh ở đất Yên, bụng Trang-Công âm-thầm ngồn ngang, lúc nào mà quên được Thúc-Đoàn, một lần dụng tâm mà giết một em, việc-việc cũng dùng tâm như vậy, dẫu có trăm em chẳng tử-biệt cũng sinh-ly, tội Trang-Công chả cũng gấp trăm tội Thúc-Đoàn ư.

Nghĩ đi nghĩ lại, mới biết bụng Trang-Công hiểm-ác nhất đời, lũ Sái-Trọng không biết cơ-mưu lại

can rằng: « thanh-đô quá lệ » biết đâu để cho thanh-đô Thúc-Đoàn quá lệ, chính là chỗ dụng tình của Trang-Công. Lại nói rằng: « Hãi sau Thúc-Đoàn đắc nhân tâm » biết dân sự muốn cho Thái-Thúc đắc nhân-tâm cũng chính là kế sảo của Trang-Công, thế là khanh-tướng cả chiều đều trúng kế Trang-Công. — Thi-nhân (1) nước Trịnh không biết mưu cơ, lại chê rằng không gạt nỗi mẹ mà để hại em, biết đâu muốn chịu tiếng không gạt nỗi mẹ, chính là ý Trang-Công. Chê rằng: «Tiểu bất nhẫn (2) đến nỗi đại loạn », biết đâu muốn chịu tiếng tiểu-bất-nhẫn, lại chính là bụng Trang-Công, thế là cả nước đều trúng kế Trang-Công. — Thế mà cơ tâm Trang-Công vẫn còn chưa thôi, về sau phong cho Thúc-Đoàn đất Hứa, mà nói rằng: « Em quả-nhân, không hòa hợp, nên phải cho kiếm ăn ở phương xa », khi ấy Thúc-Đoàn còn giữ được đất Hứa lâu giài chăng, thế là Trang-Công lại muốn nói giối cả thiên-hạ. — Sau Định-Thúc (cháu Thúc-Đoàn) ở Vệ về, Trang-Công nói rằng: « Thúc-Đoàn mà không có người thừa-tự ở Trịnh sao đang! » nhưng Thúc-Đoàn vốn có thừa tự ở Trịnh rồi, chẳng qua Trang-Công lại muốn đánh lừa cả đời sau. Đã nói giối Triều-Đình lại nói giối cả quốc-dân, đã nói giối cả thiên-hạ lại nói giối cả đời sau; chao ôi! bụng Trang-Công thâm-hiểm là nhường nào! dụng-tâm làm vậy chả cũng chết gan chết ruột ư!

Đông Lai

---

(1) Thi-nhân: là người làm thơ.

(2) Tiểu-bất-nhẫn: là sự bất nhẫn nhỏ mọn.

27. — Sự yên vui là thuốc độc, không nên ham mê.

Lập ngôn để dăn đời, không nên nói cho người ta ngẩn-ngơ hãi-hùng. Ông Quản-Trọng bảo Tề-uy-Vương rằng: « Sự yên-vui là thuốc-độc, đừng nên ham mê » này thuốc-độc vào miệng người,, cháy gan nát ruột, phút-chốc mà chết, sự yên-vui tuy làm hư người, cũng chưa đến nỗi kịch-liệt thảm-hại nhường vậy, hay ông Quản-Trọng có ý dăn đời, mà cũng không khỏi nói quá để người ngẩn-ngơ hãi-hùng chăng? không phải vậy, nếu ông Quản-Trọng cắt nghĩa tường-tận, có nhẽ người ta lại hãi vô cùng. Người ta chết về thuốc độc, nghìn vạn họa có một thôi, chết về sự yên-vui thiên-hạ thấy thường, ác-quả sự yên-vui rất thảm rất độc, biết lấy vật gì mà thí-dụ, ông Quản-Trọng chỉ lấy một thứ thuốc-độc là đời hãi để thí-dụ đấy thôi.

Xe đi trên đất, không đâu vững-trãi bằng nơi khấp-khểnh quanh-co, không đâu nguy-hiểm bằng nơi đường bằng quãng-thẳng; thuyền đi trên nước, không đâu yên-hàn bằng nơi sông to hồ sâu, không đâu bấp-bênh bằng nơi ao, rãnh, ngòi, lạch, nghĩa là có bụng cẩn-thận thời toàn, khinh-thường thời nguy. Đời người sống về sự ưu-cần,(1) chết về sự yên-vui, nhẽ ấy thực rõ, mà người ta biết không e-dè, là quen đi mà không suy xét thôi. Trong khi tĩnh-mịch, bình-tâm ngẫm-nghĩ, sự gì làm cho chí-

(1) ưu-cần : là lo lắng siêng năng.

khí ta lười-biếng? sự gì làm cho công-nghiệp ta sao-nhãng? sự gì làm cho ngày tháng hoài qua? sự gì làm cho ta cũng như cây, như cỏ, như dun-dế cùng nát mà vô-danh? sự gì khiến cho ta loang-toàng róng-rài mà vào đường hư-ác? những sự liều thân hại thể, đều là sự yên-vui xui nên, thế thời sự yên-vui chính là cửa-trốt các loài tội-ác; tài năng rồi cũng ngu-si, thông-minh rồi cũng tối-tăm, mạnh-bạo rồi cũng thành ra lười-yếu, trong sạch rồi cũng hóa ra nhơ-nhuốc, thân chết, nước mất; cổ-lai thường vậy, có nên sợ không?

Vả chăng, bậc thông-minh quân-tử, cũng tai mắt, cũng ruột gan, nào khác-chi ai, nếu sự yên-vui là thực nên ham, thời những bậc thông-minh quân-tử trọn lấy trước hết; duy bậc thông-minh quân-tử thấy những người thường ham-mê sự yên-vui, loang-toàng lười-biếng, tai-vạ quẩn theo, trong bụng áy-náy không yên, nên phải khu-khu ưu-cần. Bậc thông-minh, quân-tử, ngoài mặt tuy hình ưu-cần, trong bụng thực thản-nhiên vui-vẻ, cố-gắng không thôi, thân vinh giạ hởi, người không chê, thân không trách, vững như núi, yên như du, mới biết bậc thông-minh quân-tử, là khéo trọn sự yên vui.

28. — Tề, Lỗ, Trịnh đánh Hứa

Cùng nhau trong sự hoạn-nạn thường rẽ xử, cùng nhau trong việc công-lợi thường khó vừa, hoạn nạn ai cũng cùng sợ, công-lợi ai cũng cùng muốn, cùng sợ-hãi thế tất phải hợp, cùng muốn thế tất phải tranh, thân thành sơ, ân thành oán, cùng đều vì lợi mà biến-tâm, cổ-lai thường vậy, xử-tri trong việc công-lợi cũng khó thay.

Ta xem việc ba nước đánh Hứa, sao mà khéo xử-trí trong việc công-lợi làm vậy; đương khi đánh Hứa, lên thành trước là quan Đại-phu, Trịnh, mà các quan Tề, Lỗ không giự, vào hết trong thành là quân Trịnh, mà Tề, Lỗ không giự, đánh được Hứa là công Trịnh, lấy đất Hứa giao về Trịnh, vốn là nhẽ công. Nhưng thường tình trong khi chiến-tranh, thường tránh sự nguy-hiểm mà lùi lại sau, lúc thắng trận thường tham lợi mà tranh lên trước, không e rằng mình không công, mà cũng không nhường người khó nhọc, xưa kia Đặng-Ngải, Trung-Hội cùng đánh Thục, Đặng-Ngải bình được Thục, mà Trung-Hội giết Đặng-Ngãi. — Trương-Tuấn, Vương-Hồn cùng đánh Ngô, Vương-Tuấn đánh được Ngô, Vương-Hồn tìm nhẽ hạch-lạc, giả sử vua Tề, Lỗ mà cũng như Trung-Hội, Vương-Hồn thời ba nước lại thành họa to.

Nước Hứa tuy bé, nhưng là một nước kiến-quốc (1) rất cổ, một con thỏ ở ngoài đồng trăm

---

(1) Kiến-quốc: dựng nước cũng như lập quốc.

người cùng đuổi, nên vàng ở ngoài đường trăm người cùng tranh, huống là lợi một nước ư; nay giao đất Hứa cho Tề mà Tề không nhận, giao cho Lỗ mà Lỗ cũng không nhận, rồi lại giao đến Trịnh, mà Trịnh không giám bỏ xã-tắc (1) Hứa, không chia đất Hứa làm quận huyện mình, đời Xuân-thu là đời tranh-cướp, mà lại còn có thói nhân-nhượng làm vậy. Tề, Lỗ không công mà không giám tranh, Trịnh tuy có công mà không cậy mình, khéo xử chỗ mình không công không ai bằng Tề, Lỗ, khéo xử chỗ mình có công không ai bằng Trịnh. Bụng ấy chả những nên dùng trong khi chiến-tranh, nhớn thời chính-trị, nhỏ thời tiền-tài, suy bụng ấy mà cư-xử việc gì mà chả thái-bình.

Đông-Lai

---

(1) xã-tắc: cổ giả nhà vua đắp nền xã nền tắc để tế thiên-địa, xã-tắc quan trọng ví cũng như Triều-Đình.

29.— Ông Tuyên-Công nước Tống muốn truyền ngôi cho các em, khi Tuyên-Công chết em là Mục-Công nối ngôi, rồi đuổi cả hai con Tuyên-Công là Trang-công-Phùng và Tả-sư-Bột. Mục-Công lại truyền ngôi cho Thương-Công, rồi Trang-công-Phùng giết Thương-Công.

Ngôi vua truyền cho con, là đạo thường đạo trung-bình, ông Tống-tuyên-Công truyền ngôi cho em, lấy thế làm kỳ làm cao, lần sơ truyền cho Mục-Công mà hai con bị đuổi, lần thứ nhì truyền đến Thương-Công, mà để cho bị chết, ông Công Dương nói rằng: « họa nước Tống là tự Tuyên-Công làm nên », nhời ấy thực là đích-đáng.

Chắc Tuyên-Công nghĩ rằng: Cổ thánh-nhân lập quốc, để con nối ngôi, là vì người-thường mà lập ra lệ ấy; ông Nghiêu là hạng người nào, không truyền ngôi cho con, mà lại truyền cho ông Thuấn; ông Thuấn là hạng người nào, không truyền ngôi cho con, mà lại truyền cho ông Vũ, ta việc gì tự xử địa-vị người-thường, mà không bắt chước việc rất kỳ rất cao của ông Nghiêu ông Thuấn ư?

Nào biết đâu việc đời, sự gì chả là thường, sự gì chả là trung-bình, việc truyền ngôi cho bậc hiền-

nhân, (1) tự người-thường thời lấy làm rất kỳ rất cao, tự ông Nghiêu, ông Thuấn thì lấy làm thường mà không lấy làm kỳ, lấy làm trung-bình mà không lấy làm cao. Nhắc vạc một trăm tạ, tự người O-Hoạch lấy làm thường, mà người thường lấy làm khỏe; bơi qua sông nghìn trượng, tự người, Một (2) lấy làm thường, mà người thường lấy làm thần. Chưa đến được bậc ông Nghiêu, ông Thuấn mà bắt chước càn, khác gì đứa hèn-yếu mà bắt chước người O-Hoạch, đứa trẻ con mà bắt chước người Một, chả gẫy xương thời cũng chết chìm.

Đông-Lai

---

30. — Nước Tức đánh Trịnh,

« Nước Tức nước Trịnh có sự bất-bình, Tức đem quân đánh Trịnh, quân Tức thua ».

Kẻ hèn ghét sự khó-nhọc, kẻ nghèo ghét sự khốn-quẫn, kẻ có hoạn-nạn ghét sự nhục-nhã, đó đều là mối làm cho thành họa. Nhẽ thường ở đời, kẻ hèn nào hẹn cùng sự khó-nhọc, mà sự khó-nhọc liền theo; kẻ nghèo nào hẹn cùng sự khốn-quẫn, mà sự khốn-quẫn liền theo, không biết rằng chưa thể ra khỏi địa-vị ấy, mà chỉ chực những chơn mình, thế là tự deo vào trong vòng tai-họa. Khó nhọc kẻ hèn là thường, nhục-nhã trong sự hoạn-nạn là thường, duy không tự sử địa-vị thường mình, nên thành tai-họa, suy ra việc nước cũng đủ làm gương.

---

(1) Hiền nhân: là bậc có tài-đức.
(2) Một — là nước Một.

•Quán Ven Đường, Góp Nhặt Sách Xưa (người đi lượm sách Huỳnh Chiếu Đẳng)•

Nước Tức nhỏ mọn, ở sen với nước nhớn, đáng nhẽ đêm ngày lo-sợ, cầu cho yên nước yên dân, khi nào còn cùng người tranh-cạnh ư ? Đương khi Trịnh và Tức có sự bất-bình, Tức mà giữ phận nhỏ-mọn, thời Trịnh cũng không giở mặt được với Tức, Tức cũng không đến nỗi thua Trịnh, nay Tức không nhẫn được sự tức-giận nhất thì, quên cả nước mình là nhỏ mọn, nên rằng thua.

Khi hai nước bất bình, Trịnh không động-binh, mà Tức lại đem quân đánh Trịnh là sao ? sưa nay bụng nước nhỏ thường nghi người lăng-áp (1) mình, dễ sinh tức giận, vì thế Tức mới trước Trịnh mà động binh, bụng ấy chả một vua Tức, đương lúc khốn-ách, chả gì bực bằng người lăng-áp mình, nhưng ngẫm nghĩ cho kỹ, khi ta quý-hiển, người su-phụ ta, không phải là trọng ta là trọng vì quý thôi ; khi ta nghèo hèn, người khinh-dể ta, không phải là khinh ta, khinh vì nghèo thôi. Sao-biết vậy, giả-sử ta trước phú-quý, sau lại nghèo-hèn, ta vẫn vốn là ta, mà những kẻ trọng ta trước lại hóa ra khinh ta, trông lại những sự su-phụ ta trước, có phải thực là su-phụ ta đâu. — Giả-sử ta trước nghèo hèn, sau phú-quý, những kẻ khinh ta trước lại thấy su-phụ ta, thời trông lại những sự khinh ta trước có thực là khinh ta đâu. Người đời su-phụ là su-phụ phú-quý, ta việc gì mà vui ; người đời khinh-dể là khinh-dể nghèo hèn, ta việc gì mà tấm-tức, tâm-

(1) Lang-áp : ăn hiếp.

não là tâm-não ta, để mà nghĩ ngợi công việc ta, hơi đâu vui mừng cho sự phú-quý làm chi, hơi đâu tấm-tức cho sự bần-tiện làm chi.

Đông-Lai

31. — Vua Tề cứu nước Hình và nước Vệ

Sự, bậc trí-nhân lấy làm lo, thời kẻ giả-nhân lấy làm mừng. Bậc trí-nhân không ưa danh, kẻ giả-nhân thời hiếu- danh. Danh làm sao mà nên lo ? Không có ông Kiệt bạo-ngược, sao biết ơn ông Thang; không có ông Trụ ác, sao biết ơn ông Vũ, giả-sử ông Thang, ông Vũ ở vào đời Đường, Ngu thịnh-trị, thời cũng cùng dân yên vui ở trong vũ-đài bình-yên vô sự mà thôi, ý-nguyện thánh-nhân cũng lấy thế làm yên. Nhân loạn lập công, nhân công thành danh, có phải bản tâm thánh-nhân đâu, cho nên sự dân mong như trông mây trông mống (1) và sự bầu nước giá cơm đón rước, cũng là bất-hạnh cho ông Thang, ông Vũ, có phải là vinh-hạnh cho ông Thang ông Vũ đâu. — Kẻ giả-nhân thời khác vậy, kẻ trí-nhân lo thiên-hạ loạn, kẻ giả-nhân chỉ lo thiên-hạ không loạn, loạn không to thời

---

(1) Trông mây, trông mống : đương khi đại-hạn, người ta mong mưa, nay trông mây mai trông mống, là có ý mong mỏi quá chừng.

công không nhớn, công không nhớn thời danh không lừng lẫy muốn cho danh lừng lẫy tất phải trương-hoàng công lao, muốn trương-hoàng công-lao tất phải cho thành loạn.

Địch đánh Hình, sau hai năm Tề mới phong cho Hình ở Di-Nghị. — Địch lấy Vệ, sau hai năm Tề mới phong cho Vệ ở Sở-Kỳ. Tề-Hoàn (1) thương hai nước, mà để chậm lại hai năm, là ý gì? là chờ cho thành loạn đấy thôi. Chắc bụng Tề-Hoàn nghĩ rằng: « Khi hai nước bắt đầu có việc binh-đao, ta mà cản đi ngay, thời cũng như các nước hưu-bang cứu nhau thôi, tâm-tích không kỳ, công việc cũng không lẫm-liệt, mà ân cũng không to, sao đủ để thị uy với các nước chư-hầu. Sau khi đói mà ăn mới ngon, sau khi khát mà uống mới thích, ta chờ cho thành loạn, chờ cho xã-tắc nghiêng đổ, thành-đô tan nát, chết chóc đã hại, lưu-ly đã nhiều, rồi ta thư thả mới thu xếp, kéo ra khỏi cơn nguy-nghi khốn-đốn, mà để lên nơi Vũ-đài (2) bình-yên, thời vua Hình, Vệ không nước mà hóa có nước, dân Hình, Vệ không nhà mà hóa có nhà, ân thâm nghĩa trọng, bể đông nào đặng, Thái-sơn nào tầy, vì thế nên công danh ông Tề-hoàn hách-dịch rực-rỡ, làm đầu cả các liệt-cường, mà thành nghiệp Bá.

Nước Hình, Nước Vệ bị nạn, nào vua nào quan,

(1) Vua nước Tề.

(2) Vũ-đài : là nơi múa hát đàn sáo, chỗ nhẩy đầm, chỗ rạp hát cũng gọi là Vũ-đài.

nào sĩ-dân (1) máu bôi cỏ nội, xương bỏ ngoài đồng, kẻ có bụng nhân-từ thấy tình trạng ấy, tất phải sốt-sắng cứu-vớt, không phút chốc ngồi, yên, nay ông Tề-Hoàn chỉ vì nhăm-nhăm cầu tiếng, ngồi yên nhìn xem, để cho tan-nát đến hai năm, sao mà nhẫn được thế ư? Mặc cho loạn mà để cho nặng ơn mình, mặc giặc tàn ác mà để cho tỏ công mình, thế là lấy muôn vàn tính mạnh mà làm tiếng-tăm khu-khu cho mình, sao thâm ác nhường vậy.

Thí-dụ một người thấy đứa trẻ gần ngã xuống diếng, thương-sót áy-náy tự nhiên mà sinh, thế thực là chân-tình, chân-tình đã tỏ, có nhẽ còn lưỡng-lự nề-hà gì? Có kẻ lại bảo rằng chưa ngã xuống diếng mà cứu ngay, thời công tầm thướng, để cho ngã hẳn xuống diếng mà cứu thì ơn to, chắp tay đứng xem, chờ cho giơi vào nước, bây giờ tay xắn, chân lội mà vớt, bố mẹ lấy làm ơn tái-sinh, làng sóm lấy làm từ-mẫn hơn người. Giá khi đứa trẻ ấy chưa ngã vào giếng mà cứu ngay, thời bố mẹ không tạ, làng sóm không khen, thực là khác nhau quá chừng. Cứ kể như đứa con trẻ ấy gặp người thứ nhất là may? hay gặp người thứ nhì là may hơn? Đấy biết bụng vương-giả, bá-giả (2) khác nhau làm vậy.

Đông-Lai

---

(1) Sĩ-dân: là học trò và dân sự.

(2) Vương giả, bá-giả: là những bậc cầm quyền trị nước, mỗi người một chính sách, người thời dùng đạo-vương, người dùng đạo-bá, vương đạo là chung chính công bình, bá-đạo là dùng cách mưu-mẹo giối giá.

32.— Nước Tùy đánh Sở.

« Tùy hợp với các nước đánh sở, sở đem
« quân đánh Tùy lấy đất Thành, ông Tả-Thị.
« bàn rằng: Tùy không lượng lực (1) đó thôi,
« hay dở tự mình, chứ có tự người đâu.

Việc đời chỉ lo mình nhược chứ không lo người cường, chỉ lo mình ngu chứ không lo người trí, cường là trái mấy nhược, nếu ta không nhược, thì thiên-hạ không ai gọi là cường; trí là trái mấy ngu, nếu ta không ngu, thì thiên-hạ không ai gọi là trí. Nhũng kẻ cầm quyền trong nước ngày nay, xuốt năm chỉ lo địch-quốc cường mà không lo mình nhược, chỉ lo rằng địch-quốc trí mà không thấy lo mình ngu, nếu đem bụng lo địch-quốc mà tự lo nước mình, thời ai đã khinh được ta.

Nước Tùy nhỏ mọn, ở liền mấy Sở, vua tôi Tùy mà cự mấy Sở, sự cường, nhược, trí, ngu đã rõ, Tùy không nhũng không biết tự lo, mà lại không lượng lực mình, khác gì kẻ giơ tay kéo bánh xe, đến nỗi phải thua.

Ý ông Tả-Thị cho là nước Sở tuy cường bạo, không nhẽ vô cố mà gieo quân mấy Tùy, giá Tùy tự biết lực mình kém Sở, chịu ép một bề, việc gì thành họa. Đánh Tùy là Sở, gây mấy Sở là Tùy, thế là Tùy thua, tự mình chứ không phải tự người, sự động binh tuy tại người, mà nguồn-cơn động binh chả tại mình thì sao. Chao ôi, cứ như nhời bàn ấy nghĩa là sự không xâm mình là tự người, sợ Sở,

(1) Lượng lực — là liệu sức mình.

mà không giám động-binh vốn thân-phận Tùy, giữ Tùy đừng cho động-binh, chả phải tự Sở ư, thế thời tiếng không nên động-binh thời ở mình, kỳ thực thời ở người.

Kẻ có thổ-địa, có nhân-dân, tính-mạnh còn mất ở tay nước người, run-sợ giữ mình, may mà được thoát, thực cũng buồn thay. Xem các nước Cơ ở miền Hán-Giương, mất là tự Sở, có phải những nước ấy giám can-phạm mấy Sở đâu. Nay Tùy tuy lượng lực giữ mình, giữ-gìn hẹn-ước, nhưng những quan-chức Sở ở nơi giáp giới, có giữ-gìn pháp-luật đâu, thế thời Tùy tuy giữ mình, mà không cấm được Sở sinh tình, Tùy còn hay mất, là tự Sở chứ không phải tự Tùy.

Ông Tả-Thị chỉ biết nói rằng: « hay giở tự mình », mà không suy-xét cho cùng. Việc đời, việc gì chả tại mình, hay cũng tại mình, hay cực điện thời thánh-hiền như vua Nghiêu, Thuấn, Thang, Vũ, cũng là tại mình; giở cũng tại mình, giở đến cực điểm thời bạo-ngược như vua Kiệt,, Trụ, U, Lệ, cũng là tại mình, trước không ai ngăn, muốn thánh thời là thánh, sau không ai kéo muốn cuồng thời là cuồng; Vua Tùy quả biết nhẽ ấy, thời giọc ngang giời đất, điên-đảo non sông, gì chả tự mình, huống một nước Sở đã đủ sợ đâu.

Ông Tả-Thị bảo rằng sợ Sở là lượng sức mình, là chỉ để cho người ta sinh dất thôi.

Cổ-nhân nói rằng : lượng lực là sức mình chưa sung-túc, công-việc chưa xếp-đặt xong, phòng-bị chưa sẵn-sàng, vì thế lượng-lực mà chưa giám khinh-xuất, thế là lo-lắng vốn ở mình, chứ không phải ở người, nếu sức đã sung-túc, công việc đã nề-nết, phòng-bị đã sẵn-sàng, không động binh thời thôi, cờ ta đã phất, còn ai địch được mình. — Nếu cho là dút-dát giữ mình là biết lượng-lực , thế là bảo người ta yên bề nhu-nhược, xuốt đời nhu-nhược thôi ; yên bề ngu-si, xuốt đời ngu-si thôi ; làm cho người ta dút-dát, chính là nhời bàn « lượng-lực » này chăng ! !

Đông-Lai

---

33. — Tống vây nước Tào

« Nước Tống vây Tào, Tào không phục, Tử-
« Ngu bảo vua Tống rằng : « sưa vua Văn-
« Vương đánh Xùng, Xùng không hàng, Vua
« Văn-Vương về sửa chính-trị giáo-hóa, lần
« sau khởi binh, nước Xùng mới hàng. Nay
« đức-chính vua chưa đủ mà lại đánh
« người, sao bằng sửa sang nội-chính rồi
« sẽ hay ».

Ở đời việc gì là chóng mà việc gì là chậm ? Con tằm từ lúc sinh rồi ăn, ăn rồi làm kén,

làm kén rồi kéo tơ, kéo tơ rồi dệt, chải mấy tháng mới được lụa, nhà nuôi tằm đều lấy làm phải vậy, mà không phàn nàn rằng chậm. — Cầy rồi deo mạ, deo mạ rồi cấy, cấy rồi gặt, già nửa năm mới có thóc, nhà làm ruộng đều lấy làm phải vậy, mà cũng không phàn-nàn rằng chậm. — Bực đại-học từ lúc tu-thân rồi mà tề-gia cho đến trị-quốc, bình thiên-hạ, một bực một khác, không thể hỗn-độn bỏ quãng mà thành hiệu, cổ thánh hiền có từng chấn rằng chậm đâu. — Có kẻ tới chợ, chỉ trong cười nói phút-chốc mà cũng có lụa, coi mấy người nuôi tằm là khó-nhọc hàng tháng, thời chán rằng chậm. — Lại kẻ đi đồng, chỉ trong sớm tối mà được thóc nhiều, coi mấy người làm ruộng khó-nhọc hàng năm, thời cũng sốt ruột rằng chậm. — Từ khi những lời bàn công-lợi xuất hiện, thói quyền-mưu (1) thịnh hành, những kẻ cầm quyền trị nước,chỉ đua nhau tìm cách phú-cường ở trong phút-chốc, thời coi đạo thánh-hiền trị nước chả cũng chán rằng chậm ư, nên ông Tử-Ngu kể việc vua Văn-vương đánh Xùng mà không ngăn được vua Tống đánh Tào.

Bảo rằng nuôi tằm rồi mới có lụa, cầy cấy rồi mới có thóc, thân hay rồi mới trị được nước, bình được thiên-hạ ; nay kẻ không nuôi

---

(1) Quyền-mưu ; là quyền thế mưu-mẹo.

tằm, kẻ không cầy cấy, kẻ thân không tu-tỉnh, mà cũng thấy được phần lời, nhời bàn ấy hình như không được đích đáng. Chao ôi! bụng những đứa tiểu-nhân chỉ lợi là ham, đã được mặc lụa, nào có áy-náy gì rằng mình không biết nuôi tằm; đã được ăn gạo, nào có áy-náy gì rằng mình không cầy cấy; đã được hưởng hạnh-phúc trị-bình, nào có áy náy gì rằng thân mình không tu, nên nhời bàn ấy sao đủ động được bụng những kẻ tiểu-nhân. Nhưng mà uống nước sao không nhớ nguồn, ăn quả sao không nhớ kẻ giồng cây, thiên-hạ nhờ phần may mà được mặc lụa, là có kẻ nuôi tằm đã dệt cho rồi; nhờ phần may mà được ăn gạo, là đã có nông-gia cấy cho rồi; nếu thiên-hạ ai cũng chán việc nuôi tầm và cầy cấy, chặt khung cởi, trẻ cầy bừa, tuy khôn-khéo nhường nào, cũng không kế gì mà có lụa có gạo, chả cũng trở nên đói rét ư; thôi những kẻ ăn may mà thu-công, nào thực có năng-lực chi đâu, cũng nhờ giáo-hóa thánh-hiền còn lại, đạo tam-cương ngũ-thường chưa mất, phù-trì bảo-hộ trong sự nhuộm-mầu; giá sử bậc thánh-hiền đời xưa cũng chanh mối lợi sớm hôm như đời bây giờ, thời đạo luân-thường tiêu-duyệt, (1) gì để làm người, khác gì nhổ cỗi dễ, lấp suối nguồn, mà muốn cho nở ngành xanh ngọn, cả sông giài ròng, liệu có được chăng,

1. — Tiêu-duyệt: tiêu mất.

thời bụng muốn chống cũng là nhầm thôi.

Sự người đời chê rằng viển-vông chậm-chạp, lại chính là sự họ nhờ để mà ở đời, không kẻ hay sao đứa giở được yên, không kẻ trí sao đứa ngu được còn, kìa những sự tranh cướp nhau, lừa đảo nhau, chải bao năm ngày tháng, mà những loài sinh-linh không đến nỗi tuyệt-duyệt, tất họ tự thị rằng họ có năng lực riêng, nào có nghĩ rằng là tự giáo-hóa thánh-hiền đâu.

Đông-Lai

---

34. — Tử-Ngữ trốn Tần về Tấn

« Thái-Tử-Ngữ nước Tấn phải sang ở Tần « làm tin, sau dủ vợ là Doanh-Thị về Tấn. « Doanh-Thị nói rằng : « Công-tử là một vị « Thái-tử nước Tấn mà bị nhục mấy Tần, nghĩ « cũng nên về, nhưng vua cha thiếp cho « thiếp hầu khăn lược Công-tử, là để giữ « Công-tử đấy thôi, đi thời trái mạnh vua cha, « thiếp không giám theo, nhưng mà thiếp cũng « không giám nói » rồi Thái-tử-Ngữ trốn về.

Bàn việc với người đi đường, sao bằng bàn với hàng-sóm, bàn với hàng-sóm sao bằng bàn

với người nhà ; ái-tình không thân thời tính-toán sơ lược, ái-tình thân thời tính-toán phải tường, là lý-thế phải vậy. Người thiên-hạ chợt cùng gặp nhau, có khi chào không nói, hỏi không thưa, đến như vợ con người nhà thời không vậy, phận cùng nhau mà nghĩa cũng cùng nhau, vui cùng nhau mà lo cũng cùng nhau, trong có ân-tình nên bụng thực, ngoài không kiểu-sức (1) nên nói thực, lòng thực nói thực, khẩn khoản ân-cần, nên lợi hại mới tỏ tường. — Không phải vợ con người nhà khôn hơn người ngoài đâu, khôn mà sơ-lược, không bằng ngu mà tỏ-tường, cho nên vợ con người nhà mà bàn-bạc, nếu nghĩ-ngợi không ra, thông-minh không tới, thời chắp tay chịu ngay, chứ không cầu may để thoát thân ; hẵng-hờ như người đi đường.

Lạ thay ! Doanh-Thị mấy Thái-Tử-Ngữ, nghĩa là vợ chồng, mà tình sơ-sài như người đi đường, đương lúc Thái-Tử-Ngữ sắp trốn Tần mà về, từng không bàn-bạc ân-cần, bảo ngay rằng nên về để thuận ý, không cùng đi để thoát-thân, lại giả tảng đừng lộ để khỏi nghi, Doanh-Thị lập tâm chẳng qua cầu may để thoát thân mà thôi. Người đời chỉ nói rằng cầu để thoát thân, nhưng bố con là một thể, vợ chồng là một thể, hại người này thời đau người kia, nếu nghĩa không toàn được Thái-Tử-Ngữ thời thân toàn làm chi, cho nên

(1) Kiểu-sức : chang-hoàng ngoài mặt mà bụng khác

Doanh-Thị trước thời muốn thoát thân, mà sau không khỏi mang tiếng rằng hai tình.

Những bậc liệt-nữ đời sưa, không may mà gặp địa-vị không thể lưỡng-toàn, (1) chỉ chết để toàn nghĩa mình; huống việc Thái-Tử-Ngữ cũng chưa đến nỗi không lưỡng-toàn, giá sử đương khi Thái-Tử-Ngữ bàn trốn, Doanh-Thị bảo ngay rằng: « Công-Tử mà yên-lưu ở Tần, là để cố-kết tình-nghĩa Tấn, Tần, nay Công-tử không chịu nín-náu và năm, bỏ nước-mọn mà về, thời tình-nghĩa Tấn, Tần làm sao, vua-cha thiếp vì bận việc chiều-đình, không thể phục-dịch cùng Công-tử, để thiếp sửa túi nâng khăn, nay Công-tử lại có trí khác, vua-cha thiếp không được phụng-sự Công-tử từ đây, thôi thiếp sẽ xin tâu cùng vua-cha » nếu Doanh-Thị nói những nhời giảng-giải làm vậy, thời Thái-Tử-Ngữ e Doanh-Thị cáo cùng vua Tần, tất không giám bàn về, không đến nỗi hại cho Thái-Tử-Ngữ, mà vua Tần nghĩ tình thân-ái Doanh-Thị, kế Công-tử Trùng-Nhĩ cũng là vô-hiệu, thời tình cha, con, vợ, chồng, chả cũng lưỡng-toàn ư! thành được chí cha, giải được họa chồng, hết đạo làm vợ, toàn được tiết mình, một việc mà lợi đôi ba đường.

Doanh-Thị nếu mà nghĩ kỹ, việc gì nhạ sự, nghĩ không kỹ là tình sơ, tình sơ là nghĩa bạc,

---

1. — Lưỡng-toàn: được cả hai bề.

thế là căn-nguyên Doanh-Thị đối với Thái-Tử-Ngữ, không nghĩ xấu xa, có phải mới được lúc Thái-Tử-Ngữ trốn Tần về đâu.

Đông-Lai

35— Vua Hoài-Công nước Tấn giết Hồ-Đột.

« Tấn-Huệ-Công chết, các con tranh « nhau ngôi vua, sau Hoài-Công lên ngôi, « công-tử Chùng-nhĩ phải trốn ; Hoài-công « truyền lệnh không ai được theo, có hai con « Hồ-Đột là Mao và Uyển theo Chùng-Nhĩ « sang Tần. Hoài-công bắt Hồ-Đột bảo rằng : « Hễ con ngươi về thời khỏi tội. --- Hồ-Đột « nói rằng : con mà hết bổn-phận làm tôi, là « cha giậy cho sự trung, nay con tôi theo « Chùng-Nhĩ cũng đã lâu năm, mà tôi lại « gọi về, thế tà tôi giậy con lấy sự bất trung, « nhà vua có hành hình tôi cũng xin cam.

Xem-xét người thời tinh-tường, xem xét mình thời ám-muội (1), thực là bệnh chung người đời ; trông thấy bụi bay, mà không trông thấy lông mi, nhắc được nghìn tạ mà không nhắc nổi thân, thực là mình tự xem xét mình khó thay. Người ta chỉ biết tự mình xét mình là khó, sao không trông người mà ngắm đến ta có phần dễ hơn,

(1) Ám-muội : mờ-tối.

nhân sự thiện người thời biết mình ác, nhân sự ác người thời biết mình thiện, cách tự xét mình gì bằng cách ấy.

Vua Hoài-công nước Tấn không biết sự mình không đủ cảm-động người, chỉ trách người không theo mình thôi, Hoài-công cũng chưa từng ngắm người mà xét mình đâu, Hoài-Công là một vị Vương-công nước Tấn, mà Chùng-Nhĩ chẳng qua là một vị công-tử vong-quốc, lũ ngươi Mao và Uyển theo Chùng-Nhĩ khốn-đốn gian-nan, trốn Sở tránh Tề, lo biết nhường nào; khi ăn xin, khi bị triết-tỏa, (1) nhục biết nhường nào; giầu-mưa rạn-gió, nay đó mai đây, gian-lao (2) nhường nào. — Giá sử bỏ Chùng-Nhĩ theo Hoài-công, thời làng sóm đón-rước, họ đương vui-vầy, rượu-ngon mỹ-vị, thư-thái (3) vui-đùa gì vui nào bằng; nào xe nào ngựa, nệm gia áo cừu, kẻ cúi trước, người hầu sau, gì vinh nào bằng; dinh cao nhà rộng, đi về thung-dung, không lo không nghĩ, gì yên nào bằng. Hoài-Công sao không ngắm người ngắm ta, kìa theo Chùng-Nhĩ lo như thế, nhục như thế, gian-nan như thế, mà lũ Mao và Uyển vẫn không lấy làm ngại-ngùng khó-khăn; theo ta vui như vậy, vinh như vậy, yên như vậy, mà lũ Mao và Uyển bỏ không tưởng, tất là đường đạo-đức giầy mỏng hơn kém, không nói đã đủ biết. — Hoài-Công sao không nhân đó mà suy-nghĩ, vui-vẻ, vinh-hiển và

(1) Triết-tỏa : đè nén.

(2) Gian-lao : chật vật.

(3) Thư-thái : nhàn nhã, vinh hạnh.

BIBLIOTHÈQUE NATIONALE R.F.

yên-ổn, ai cũng cùng muốn, mà lũ Mao và Uyển chỉ khu-khu theo Chùng-Nhĩ, có nhẽ khác cả tình-thế chăng? Này họ bỏ vui quên lo, tất đạo đức Chùng-Nhĩ có thể che được sự nhục đấy thôi; này họ bỏ yên mà mang lấy khó-nhọc, tất đạo đức Chùng-Nhĩ có thể chống chỏi được sự nguy đấy thôi. Huống ta lấy nước Tấn cường-đại, mà lại sửa-sang đường đạo-đức, thời người theo ta đã vui đường đạo-đức, lại vui về danh-vị; đã yên về đạo-đức, lại yên về danh-vị, Chùng-Nhĩ đối mới ta hai đằng khác hẳn nhau, chả gọi mà người cũng theo, việc gì mà lo.

Nhời bàn trên này cũng là vì Hoài-Công mà nói, chứ cũng chưa phải là nhời bàn đích-đáng, nếu đạo-đức mình mà cao-minh, dẫu đến chân giời góc bể, tuy muôn vạn chủng cũng phải dâng trâu-bảo mà thần-phục, việc gì phải cùng một vị công-tử vong-quốc tranh vài người bầy tôi làm chi.

Bụng Hoài-Công hẹp thay! Hoài-Công chỉ tin bụng thiên mình mà không biết tự xét, chỉ giết người thị uy, để kẻ ở ngoài tuyệt đường khuynh-hướng về ta mà bền tâm phụng-sự kẻ thù, thực là thất sách chi bằng. Dẫu công-tử Chùng-Nhĩ có bụng cẩu-an (1), nhưng bọn Mao và Uyển mang thù không đội giời, mong mà báo phục, sao họ chịu để Chùng-Nhĩ lần-lữa ở ngoài ư, thế là đem Chùng-Nhĩ về Tấn không phải tự Thái-Bá, chính là tự Hoài-Công cùng Mao và Uyển đấy thôi.

Đông-Lai

---

(1) cẩu-an : cẩu-thả yên thân.

KINH - TẾ

(KINH-TẾ LÀ HỌC KINH-LUÂN-KHANG-TẾ ĐỪNG NHẬN NHẦM KINH-TẾ LÀ VIỆC LÝ-TÀI)

36 — Long-Trung đối

Từ khi Đổng-Trác tiếm-bạn (1) đến nay, anh-hùng hào-kiệt, kẻ giữ châu, người chiếm quận, nào có một ai; Tào-Tháo đối với Viên-Thiệu, thế yếu quân đơn, mà Tào lại thắng, hình thế đổi thay, không những là lòng giời cũng tại nhân mưu, nay Tào-Tháo quân có trăm vạn, hiệp thế thiên-tử, sai khiến chư-hầu, thực không nên cùng hắn tranh-hành.

Tôn-Quyền giữ đất Giang-Tả đã trải ba đời, nước hiểm dân giầu, phụ-tá lại lắm nhân-tài, nên y-ỷ để làm ứng-viện, chứ đường thôn-tính (2) không song.

Đất Kinh-Châu bắc có sông Hán-Miện, nam có lợi bề, đông giáp Ngô-Hội, tây thông Ba-Thục, đấy chính là nơi dụng vũ, Lưu-Biểu đảm đang không nổi, thực là giời để rành cho tướng-quân, tướng-quân có biết không? — Châu Ích ngoài thời hiểm-trở, giữa thời đồng bằng, thực là kho tự-nhiên, vua Cao-Tổ nhân đó mà thành nghiệp-đế (3), Lưu-Chương nhu-nhược, bắc có kẻ thù-nghịch là Trương-Lỗ, nước thịnh dân giầu, không biết giữ-gìn, những hiền-tài trong châu chỉ muốn được đấng

(1) Tiếm bạn : lạm sưng ngôi vua và phản đối mới vua.

(2) Thôn-tính : chiếm nước nọ, chiếm nước kia.

(3) Nghiệp đế : cơ nghiệp đế-vương.

mình-quân che-chở xoay-vần. Tướng-quân đã là giòng-giõi nhà vua, tín-nghĩa lừng-lẫy, độ-lượng bao-dung, nếu tướng-quân lấy được Kinh và Ích, giữ nơi hiểm-trở, tây hòa với Nhung, nam thân cùng Việt, ngoài kết với Tôn-Quyền, trong sửa quốc-chính, chờ được cơ-hội, chỉ sai một tướng đem quân Kinh ra Uyển-Lạc, tướng quân đem quân Ích ra Tần-Xuyên, nhân dân ai chả nắm cơm, bầu nước mà hoan-nghênh, có thể thành được nghiệp-bá, mà nhà Hán cũng có thể trung-hưng.

Gia-cát-Lượng

---

37 — Vũ-an-Quân can vua Tần đừng đánh Triệu

Sau trận Trường-Bình, Tần đã nghỉ ngơi rèn quân, nay lại muốn đánh Triệu, Vũ-an-Quân nói rằng không nên.

Vua Tần nói rằng: năm trước dân đói, người không lượng lực, xin thêm lương đánh Triệu, nay trẫm đã cho dân nghỉ-ngơi, luyện quân tích lương, gấp mười hơn xưa, mà ngươi lại bảo rằng không nên là sao ?

Vũ-an-Quân thưa rằng: trận Trường-Bình Tần được Triệu thua, người Tần múa hát, người Triệu âu sầu, người Tần chết tống-táng linh-đình, kẻ bị thương cơm thuốc ân-cần, kẻ khó-nhọc rượu thịt uống ăn, hết cách phao-phí; người Triệu chết không

ai chôn, ốm không ai chữa, trông nhau cùng khóc, bảo nhau cùng lo, chăm-chút cầy cấy, hết cách sinh-nhai. Nay quân Tần tuy nhiều hơn trước, tôi chắc Triệu phòng-bị cũng gấp mười hơn sưa, Triệu từ trận Trường-Bình đến nay, vua tôi lo-sợ, hôm sớm cần-cù (1), nào của-cải, nào thư-từ, giao-thiệp mọi nơi, kết thân Yên, Ngụy, liên hiếu (2) Sở, Tề, ngổn-ngang trong giạ một việc phòng Tần, trong thời chính-sự sửa-sang, ngoài thời các nước phù-tá, Triệu nay thực là khó đương.

Vua Tần không nghe, sai Vương-Lăng đem năm đạo quân đánh Triệu, Vương-Lăng giao chiến không lợi, Vua Tần lại muốn sai Vũ-an-Quân thay, Vũ-an-Quân cáo ốm không đi, vua Tần sai Ứng-Hầu đến chách Vũ-an-Quân rằng: sưa kia nước Sở, đất năm nghìn dậm, giáo-mác muôn vàn, ngươi đem vài vạn quân vào Sở lấy được Yên, Sính, giỡ cả tôn-miếu (3), nước sở sợ-hãi thiên kinh (4) sang phía đông, mà không giám ngoảnh mặt về phương tây. — Lại như Hàn, Ngụy liên hợp, quân lính rất nhiều, quân ngươi không tầy một nửa, giao chiến ở nơi Y-Khuyết, hai nước tan tành, chém diết hơn hai-mươi-bốn vạn, Hàn-

---

(1) Cần-cù: chăm-chỉ chịu khó.

(2) Liên-hiếu: giao-hiếu.

(3) Tôn-miếu: nơi thờ Tổ-Tiên nhà vua.

(4) Thiên-kinh: dời kinh đô.

Triệu phải xưng thần (1), công ngươi vẫn còn ở tai mắt người ta. Nay quân Triệu mười đã chết bẩy ở nơi Trường-Bình, trong nước hư-nhược, chẫm lại sai quân gấp mấy Triệu, muốn ngươi làm tướng lấy được Triệu mấy nghe; ngươi đã thường lấy ít quân đánh kẻ nhiều quân, chiếm được phần thắng, linh-diệu (2) như thần, huống nay thế ta mạnh, quân ta nhiều, ngươi còn ngần-ngại chi?

Vũ-an-Quân nói rằng: khi ấy Sở cậy nước to, chính-trị hỗn-độn, quần thần ghen công, trăm việc nịnh-hót, người giỏi không dùng, mỗi người một bụng, thành-trì không sửa, đã không tướng giỏi, lại không quan-phòng, tôi mới được thể mà kéo thẳng vào nơi hiểm-địa, (3) phá cầu, đốt thuyền để bó buộc bụng quân, cướp nơi giao giã (4) để làm lương ăn, quân Tần lấy hàng-ngũ (5) làm nhà, coi tướng-súy làm mẹ cha, không ước mà thân, không hẹn mà tin, một lòng một cật, chết không lìa nhau. Người Sở lập chận trong nước, chỉ tưởng vợ con, chán nơi hàng-chận, nên tôi mới thành công. -- Chận Y-Khuyết Hàn thời trông Ngụy, không muốn trước-khởi thế-công.

---

(1) Sưng-thần : xin thần-phục.

(2) Linh-diệu : khôn khéo.

(3) Hiểm-địa : nơi hiểm-trở.

(4) Giao-giã : giao : dân cư, giã : ngoài đồng.

(5) Hàng ngũ là hàng ngũ trong trận.

Ngụy cậy có Hàn, chỉ chực đùn làm tiên-phong, hai nước dựa-dẫy mà không đồng tâm, nên tôi đặt kế nghi-binh (1) để giữ chặn Hàn, giồn quân đánh Ngụy lúc vô-tình, quân Ngụy thua quân Hàn cũng vỡ, được thể đuổi tràn, nên cũng thành công, đều là nhân-thế tự-nhiên, tính toán lợi hại, chứ không thần-thánh chi đâu. Khi Triệu thua ở Trường-Bình, ta không nhân thế nguy đánh giấn, tham lợi rồi thôi, để Triệu lại cầy cấy tích lương, yếu nên mạnh, bé nên nhớn, mà thêm nhiều quân; sửa sang khí-giới ngày lại tinh-nhuệ, đắp thành đào hồ ngày càng kiên-cố, vua thời kính-lễ hạ-thần, tướng-súy thời thân-yêu quân-lính, đến như lũ người Bình-nguyên-Quân cũng cho vợ con vào may ở nơi hàng-ngũ, vua tôi một giạ, trên dưới cố sức, ngày nay đánh Triệu, Triệu tất cố thủ, giao phong không được, lập vây không xong, đánh thành không vỡ, cướp các nơi giao-thị cũng không ăn thua, quân đi không công, các nước sinh biến, tất có cứu binh, tôi tính chỉ thấy hại, chứ không thấy lợi; vả tôi đương ốm không thể đi được ».

Ưng-Hầu về tâu vua Tần, vua Tần nói rằng: « không có Bạch-Khởi (tên Vũ-an-Quân) ta không đánh được Triệu hay sao? » lại sai thêm quân cử Vương-Ngột thay Vương-Lăng, tám chín tháng

---

(1) nghi-binh : cốt đánh đằng đông lại đem một toán quân đương-vi đằng tây, để làm nghi bụng giặc, thế gọi là nghi-binh.

vây thành Hàm-Đan, chết hại rất nhiều, vua Triệu đem quân khinh-kỵ (1) lẻn đánh sau quân Tần, quân Tần thua.

Vũ-an-Quân nói rằng: không nghe kế tôi, nay biết làm sao! Vua Tần nghe thấy, dận, đến nhà Vũ-an-Quân bách ngồi giậy bảo rằng: Ngươi tuy ốm cũng nên vì trẫm mà cầm quân, thành công thời trẫm càng trọng ngươi, nếu ngươi không đi, thời trẫm dận ngươi».

Vũ-an-Quân gục đầu tâu rằng: «tôi vốn biết đi tuy không công, còn được khỏi tội; không đi tuy chưa đến tội, cũng không khỏi chết. Tuy vậy, xin Bệ-hạ hãi tạm nghe kế mọn ngu-thần (2), tha Triệu nuôi quân, để chờ gịp biến các nước, vỗ-về kẻ sợ-hãi, trừng-trị kẻ kiêu - căng, đánh kẻ vô-đạo, để làm mực - thước cho lân-bang, thời thiên-hạ ở dưới quyền-phép Tần, cứ gì một Triệu đâu, thế là chịu phần thua với một người bầy-tôi mà chiếm được phần thắng với thiên hạ. Bệ-hạ không minh xét, cứ nghiến răng về Triệu mà bắt tội tôi, thế là tranh phần thắng với một người bầy-tôi, mà thua lựa với thiên-hạ. Lấy uy-nghiêm tranh phần thắng với bầy-tôi, sao bằng uy-thắng với thiên-hạ là lừng-lẫy hơn, cổ-nhân thường nói rằng: đứng minh-quân thời tiếc nước, kẻ trung-thần thời tiếc danh, nước mất khó lòng mà khôi phục, quân chết không khi nào phục sinh.» Tôi thà chịu chết ở dưới uy-quyền Bệ-hạ, còn hơn làm một vị tướng bại-binh, xin bệ-hạ xét cho.

Chiến-quốc sách

---

(1) Khinh-kỵ — là đội kỵ-mã.

(2) Ngu-thần: bầy-tôi đối với vua tự xưng là ngu-thần.

38.— Hàn-phi tâu vua Tần khi mới yết-kiến

Người ta thường nói rằng: « phàm nhân-thần, không biết mà nói là bất trí, biết mà không nói là bất trung, kẻ bất trung thời đáng chết, kẻ nói không suy-xét cũng đáng chết » tuy vậy tôi xin nói hết đều tôi biết, xin Đại-vương xét cho.

Bây giờ, giao Yên kết Ngụy, hòa Kinh hợp Tề, phù Hàn đã mất, làm kế hợp-túng, (1) chực kháng cự cùng Tần, tôi lấy làm nực cười; thiên-hạ, sự đáng mất nước có ba đều, mà các nước mắc cả ba, — 1° là nước loạn mà đánh nước trị, thời nên mất, — 2° lấy lẽ khuất mà đánh kẻ có công-lý, nên mất, — 3° lấy kẻ nghịch cảnh mà đánh kẻ thuận-cảnh cũng nên mất.

Nay các nước kho-tàng rỗng-không, lương-thực thiếu-thốn, người trong nước hết-thẩy xung quân, trước thời gươm giáo, sau thời phủ-việt, (2) mà quân vẫn sợ-hãi không giám tiến lên, nào phải là sợ chết đâu, là vì đáng thưởng mà không thưởng, đáng phạt mà không phạt, thưởng phạt không công, nên người ta không sợ, huống vào nơi nguy

---

(1) Hợp tung: tung nghĩa là giọc, hợp tung là kéo giọc mà hợp nhau.

(2) Phủ-việt: đời xưa ông tướng vào trận thời cầm phủ-việt để coi quân.

vong (1). Nay nước Tần hiệu-lệnh nghiêm, thưởng phạt công, như thế nước nào đương được với Tần; người ta từ thủa chôn rau sinh trong giời đất, đã ai từng biết giặc là thế nào, thế mà người Tần thấy sự chiến-tranh mà vui-vẻ, sông vào nơi đao-nhận (2), lăn vào nơi phong-hỏa (3), dẫu chết không kinh, một đánh nổi mười, mười đấu nổi trăm, trăm đấu nổi nghìn, nghìn đấu nổi vạn, vạn có thể đương được cả thiên-hạ, Xem hình-thế Tần đem chiều giài chung chiều ngắn, vuông vài nghìn dậm, quân vài trăm muôn, hiệu-lệnh chính-trị Tần và hình-thế Tần, nước nào sánh bằng, Tần đối với thiên-hạ thế nhất-thống có thừa, cho nên giao chiến tất thắng, đánh thành tất tan, mở-mang vài nghìn dậm, công-nghiệp nhường nào; thế mà khí-giới xếp, quân linh ốm, ruộng-nương bỏ hoang, kho-tàng sạch không, các nước không phục, danh giá nghiệp bá không thành, là sao? là vì mưu-thần (4) Bệ-hạ không hết lòng thôi.

Xin kể lại truyện cũ, sưa kia nước Tề nam đánh Kinh, đông đánh Tống, tây đánh Tần, bắc đánh

---

(1) Nguy vong: nguy hiểm chết đến thân.

(2) Đao-nhận: đao là giao, nhận là mũi-nhọn, tóm gọi là giáo mác.

(3) Phong hỏa: khói lửa, nghĩa là trong lúc chiến tranh cũng có khi đốt cháy, cho nên gọi là phong hỏa.

(4) Mưu thần: người bày tôi chỉ bày mưu kế.

Yên, phù cho Hàn và Ngụy, đất rộng binh cường, đánh đâu được đó, các nước thần-phục, lại có sông Thanh-Tế, Chọc-Hà làm giới hạn, thành Trường-Thành, Cự-Phòng để thủ hiểm, Tề thật là một nước tứ thông bát đạt, mặt nào cũng có thế tiến binh, mà một trận Lâm-Tuy đến nỗi mất Tề, mới biết chiến-tranh là tính-mạnh trong nước, mất còn thực quan-hệ thay. Nay chiến-tranh mấy khi thường-thắng, gặp được thời-cơ, phải nên cố-gắng, đào cây đánh rễ, tuyệt hẳn mầm-nanh, mới khỏi họa-hại, khi Tần đánh Kinh lấy được Động-Đình, Ngũ-Hồ và Giang-Nam, vua kinh trốn sang Trần, giá mà đánh giấn thời Kinh mất, dân Kinh giầu, đất Kinh lợi, đông thời Yên, Tề thế cô, giữa thời Tam-Tấn bị ách, đánh một trận mà danh-giá nghiệp bá tạm thành, các nước cũng phải thần-phục ; mà mưu thần Bệ-hạ không tiến quân, lại cùng Kinh hòa, để Kinh sửa sang trong nước, thu-thập tàn-quân (1), lập xã-tắc, dựng tôn-miếu, xuất cả nước để chống với Tần, thế là một điều nghiệp-bá Tần có cơ không thành.

Các nước liên-hợp đóng quân ở Hoa-Dương, bị Tần đánh tan, giá Tần tiến quân vây kinh Lương thời Lương mất, Lương mất thời Ngụy tan, Ngụy tan thời Kinh và Triệu tuyệt đường giao-thông, Kinh, Triệu không giao-thông thời Triệu nguy, Triệu nguy thời Kinh cô, đông thời Yên, Tề cũng

---

(1) Tàn quân : toán quân thua tan nát.

nhược, giữa thời Tam-Tấn cũng khốn, một trận mà cơ-sở nghiệp bá tạm thành, các nước phải thần-phục, mà mưu-thần Bệ-hạ không tiến quân, lại cùng Ngụy hòa, để Ngụy thu-thập tàn quân, lập xã-tắc, dựng tôn-miếu, đó là hai đều nghiệp-bá Tần có cơ không thành.

Trước đây ông Nhương-Hầu cầm quyền-chính Tần, dùng quân một nước muốn thành công ở hai nơi, quân lính long-đong nước ngoài, nhân dân khốn-khổ ở trong, mà không thành công-nghiệp gì, đó là ba đều nghiệp-bá Tần có cơ không thành.

Triệu là một nước trung-ương, nhân-dân hỗn-tạp (1), lông-bông khó dùng, không theo chính-lệnh, không tin thưởng phạt, địa-thế lại không tiện, mà trên không thương dân, thực là tình-hình nước mất, mà Triệu lại đem hết quân đóng ở Trường-Bình, chanh đất Thượng-Đảng nước Hàn, Tần đánh tan-nát lấy được sáu thành Vũ-an, bấy giờ Triệu trên dưới hiềm-nghi (2), kẻ quý người tiện không ai thân nhau, giá Tần đem quân đánh Hàm-Đan, quanh Hà-Gian mà đánh Tu-Vũ, qua Dương-Trường sang lấy Đại và Thượng-Đảng, Đại ba mươi sáu huyện, Thượng-Đảng mười bẩy huyện, không hại tên, không tốn quân, mà vào trong tay áo Tần, Tần lấy được đất Đại và Thượng-Đảng,

---

(1) Hỗn-tạp: người các nơi đến tụ họp lẫn lộn.

(2) Hiềm-nghi: hằn học, ngờ vực.

thời Đông-Dương, Hà-Ngoại không phải triến-tranh mà thế phải giả về Tề, Trung-Sơn, Hô-Đà không phải triến-tranh mà thế phải vào tay Yên. Thế là đánh Triệu mà Hàn mất, Hàn mất thì Ngụy và Kinh khó đứng một mình; đánh một trận mà Hàn tan, Ngụy nguy, đánh Kinh làm nhược cho Yên, Tề, khoi sông Bạch-Mã gióc sang Ngụy mà Tam-Tấn cũng mất, kế hợp-tung các nước cũng tan, Bệ-hạ chỉ ngồi chắp tay mà các nước cũng lần lượt phục tùng, nghiệp bá có thể thành, mà mưu thần Bệ-hạ không tiến quân, lại hòa cùng Triệu. Bệ-hạ thánh-minh làm vậy, quân Tần mạnh-giỏi làm vậy, lại bị các nước chê cười, là mưu-thần Bệ-hạ tính toán vụng về.

Kìa Triệu nên mất mà không mất, Tần nên thành Nghiệp-bá mà không thành, thiên-hạ đã giòm biết mưu-thần Tần rồi; lại đánh Hàm-Đan không song, quân-lính bỏ khí-giới giun-sợ mà chạy, thiên hạ lại tỏ biết binh lực Tần rồi; khi quân đã lui đóng ở Lý-Hạ, Bệ-hạ sai thêm quân trợ-chiến, cũng bị triết-tỏa, ba là thiên-hạ càng biết lực Tần lắm rồi. Trong thời giòm biết mưu-thần, ngoài thời giòm biết binh-lực; trong thời khí-giới hư hỏng, kho tàng rỗng không, ruộng-nương bỏ hoang, ngoài thời các nước bó-buộc cùng nhau, xin Bệ-hạ lưu tâm cẩn-thận. Xưa kia vua Trụ đem trăm vạn quân đánh Vũ-Vương, tả quân ở Kỳ-Cốc, hữu quân đến Hằng-Thủy, Vũ-Vương chỉ có ba nghìn quân, giao chiến một ngày

đánh tan quân Trụ, bắt được vua Trụ, lấy nước Trụ. Trí-Bá đem quân ba nước đánh Triệu ở Tấn-Dương, khơi nước vào thành ba tháng, Triệu-Tương-Vương lưỡng-lự lo-toan, sắp sửa đầu hàng, rồi sai Trương-mạnh-Đàm lẩn ra làm kế phản-gián (1) giao thông với hai nước quay lại đánh Trí-Bá mà thành công, đấy đủ làm hương.

Nay nước Tần to nhường vậy, quân nhiều vậy, hiệu-lệnh thưởng phạt nhường vậy, hình-thế hiểm trở nhường vậy, thiên-hạ ai bằng, có thể thành được cơ-đồ nhất-thống; kẻ hạ-thần này chỉ xin nói mưu phá kế hợp-tùng thiên-hạ, đánh Triệu lấy Hàn, mà Kinh, Ngụy thần phục, Yên, Tề giao thân, kiềm chế các nước để thành nghiệp-bá, nếu Bệ-hạ nghe kế ngu-thần, mà kế hợp-tùng thiên-hạ không tan, Triệu không vỡ, Hàn không mất, Kinh, Ngụy không thần-phục, Yên, Tề không thân, các nước không chiều-phục, nghiệp-bá không thành, xin Bệ-hạ đem hạ-thần hành hình.

Chiến quốc Sách

39. — Thư ông Lỗ-trọng-Liên nước Tề đưa cho Tướng Yên

« Yên đánh Tề lấy được bảy-mươi-hai thành,
« duy thành Túc-Mạc không tan, ngươi Điền-

(1) Phản gián : làm cho đồng-đảng người lìa nhau.

« Đan nước Tề lấy quân Tức-Mạc đánh vỡ
« quân Yên, chém giết rất nhiều. Khi tướng
« Yên đánh Liêu-Thành có người dèm với
« vua Yên, tướng Yên sợ chết, cố giữ Liêu-
« Thành không về, Điền-Đan đánh hơn một
« năm, quân lính tổn-hại mà không lấy lại
« được Liêu-Thành. Ông Lỗ-trọng-Liên viết
« thư bắn vào thành đưa cho tướng Yên,
« rồi tướng Yên giải-binh.

Kẻ trí không trái thời để bỏ lợi, kẻ dũng không sợ chết để mất danh, kẻ trung không trọng thân mà quên vua. Nay ông khăng-khăng sự tức-giận một thì, không tưởng vua Yên không kẻ lương-thần (1), thế không phải là trung. — Liều thân mà không giữ được Liêu-Thành, để mang tiếng ở Tề, thế không phải là dũng. — Thiệt công tổn giá, mất tiếng về sau, thế không phải là trí. Cho nên kẻ trí không lưỡng-lự; kẻ dũng không sợ chết. Sự sinh tử, vinh nhục, chỉ quyết định ở hôm nay, xin ông nghĩ kỹ đừng để lẫn với bậc tầm-thường.

Vả Sở đánh Nam-Dương, Ngụy đánh Bình-Lục đều ở phía nam kinh Tề, Tề thực quẫn-bách, chắc ông cho là mất đất Nam-Dương, Bình-Lục, không bằng giữ được Liêu-Thành lợi hơn, nên ông mới quyết kế giữ Liêu-Thành; nay quân Tần cứu Tề, Ngụy tất phải thoái, Tề, Tần hợp, Sở cũng nguy. Nay Sở, Ngụy đã thoái, Yên không quân cứu viện,

---

(1) Lương-thần : bầy tôi giỏi,

mà Tề đã yên-ổn, nhất là giằng-co hàng năm ở Liêu-Thành để chờ dịp hay, ông vị-tất đã đắc chí với Tề; Tề nếu thêm quân quyết tính Liêu-Thành, chắc ông cũng không còn kế gì.

Nay Yên đại loạn, vua tôi quẫn-rối, trên dưới mè-mụ, mười vạn quân Liêm-Pha năm lần thua ở ngoài, một nước đường-đường bị quân Triệu vây, đất mất vua nhục, các nước kiềm-chế, ông có biết không? Vua Yên lo-lắng một mình, quần-thần không đủ trông-cậy, việc nước rối-loạn, nhân dân sôn-sao, nay ông giữ một Liêu-Thành cự cả nước Tề, đã ngót năm nay, chưa từng chịu thua, ông dùng binh khác gì Tôn, Ngô (1), nhưng cũng là ý-kiến cố-chấp mà thôi.

Tôi tưởng, chả gì bằng kế giải binh nghỉ-ngơi, toàn binh mà về cứu Yên, vua Yên tất mừng, dân Yên trông cậy ông khác gì cha mẹ, tấm lòng sắt son có thể bộc-bạch với quốc-nhân; trên yên lòng vua, dưới vững dạ dân, giẹp loạn yên nước, công danh biết là nhường nào. — Hay là ý ông không tưởng về Yên, muốn ngao-du ở Tề, thời Tề xin cắt đất định phong, đời-đời xưng vương, cùng Tề cùng còn. Những kế ấy một là nên danh hai là nên giầu, xin ông trọn xem.

Vả kẻ câu-nệ không nên được uy to, tránh sự

---

(1) Tôn, Ngô: Tôn-Tẫn, Ngô-Khởi là hai vị danh tướng đời xưa.

tiểu-sỉ (1) không thành được danh tọ, xưa kia ông Quản-Trọng bắn vua Tề-Hoàn mà bị bắt, sợ chết mà cầu với Công-Tử-Củ, thế là dát, bị tù ngục thế là nhục, ai cũng chê cười. Giá ông Quản-Trọng đành chịu giam tù, hay sấu-hổ mà không giao-tiếp với đời, thời cũng xuốt đời mang tiếng sấu-sa ; nhưng ông Quản-Trọng không nề-hà lại làm quan Tề, giúp Tề-Hoàn nhất-thống thiên-hạ, làm đầu hàng bá, tiếng-tăm lừng-lẫy, thiên-hạ ai tầy. — Tào-Mạt làm tướng Lỗ, ba lần bại binh, mất đất nghìn dậm, giá ông Tào-Mạt liều chết không tính đường sau, thời cũng mang tiếng quan thua tướng tù, thế không phải là dũng mà trí-lự cũng tầm thường, nên Tào-Mạt về mưu mấy vua Lỗ để báo thù, đương khi vua Tề-Hoàn lẫm-liệt, Tào-Mạt chỉ một thanh gươm, ăn hiếp vua Tề-Hoàn ở trên đan-tiệc, nhan-sắc không biến, từ khí trang-nghiêm, các nước sợ-khiếp, uy dậy Việt, Ngô, sự nhục bại binh rửa sạch lầu-lầu. Hai ông ấy không phải không giữ được tiểu tiết, không giám liều chết đâu, chỉ nghĩ rằng liều chết vô ích, không phải là trí, nên mới lập được tiếng tốt, xin ông nghĩ xem.

Chiến-quốc sách

---

(1) Tiểu sỉ : sự xấu nhỏ mọn.

40. — Tô-Tần bảo Triệu kế hợp-tung

Tô-Tần từ Yên sang Triệu, nói với Triệu rằng: từ quan đến dân các nước, ai cũng mộ hạnh-nghĩa Bệ-Hạ, đều muốn Bệ-Hạ giậy-bảo sai-khiến, nhưng vì ông Phụng-Dương là tể-tướng có bụng ghen-ghét, Bệ-Hạ không được tự-chuyên (1), nên những tân-khách không ai muốn bầy-tỏ ở trước Bệ-Hạ. Nay Phụng-Dương đã vắng, Bệ-Hạ mới thân cùng sĩ-dân, hạ-thần giám xin tỏ bụng ngu-thành.

Bày giờ không gì bằng kế yên dân, dân yên cốt ở ngoại-giao, ngoại-giao hợp cách thời dân yên, ngoại-giao không hợp cách thời dân suốt đời long-đong. Muốn kết giao thời phải biết ngoại-hoạn (2), Tề và Tần là hai nước kình-địch với Triệu, ỷ Tần đánh Tề thời dân không yên; ỷ Tề đánh Tần dân cũng không yên: kìa những kẻ mưu nước người, thường ra miệng làm cho hưu-bang (3) lìa-tan, Bệ-Hạ có biết không? Bệ-Hạ nếu nghe nhời hạ-thần, thời đất mục-súc (4) Yên, bể đánh cá Tề, đất giồng quất Sở, cùng đất ban-phong Hàn và Ngụy, tất phải hiến về Triệu; cổ lai lấy được đất người, phải phi quân tổn tướng mới thành hiệu, nay Bệ-Hạ chỉ chắp tay mà thu công, đấy hạ thần chỉ vì Bệ-Hạ ước ao thôi.

Nếu Bệ-Hạ kết giao mới Tần, Tần tất ức Hàn, Ngụy. — Kết giao mới Tề, Tề tất ức Sở và Ngụy;

---

(1) Tự-chuyên: quyết-đoán một mình, không phải tùy ai.

(2) Ngoại-hoạn: hoạn-nạn tự nước ngoài đến.

(3) Hữu-bang: nước kết thân với mình.

(4) Mục-súc: trần nuôi các loài vật.

Nguỵ tất phải cắt Hà-ngoại, Hàn tất phải cắt Nghi-Dương, Nghi-Dương mất thời Thượng-Quận tuyệt đường giao thông, Hà-Ngoại mất thời đường Nguỵ hẫn-trở, Sở yếu thời mất kẻ cứu-viện, trong ba kẻ ấy, thực nên tính kỹ.

Nếu quân Tần, ra Chỉ-Đạo thời Hàn nguy, cướp Hàn vây Chu, thời Triệu ngày tất hao-mòn, đánh Vệ lấy đất Kỳ, thời Tề tất phải thần-phục ; Tần đắc trí ở miền Sơn-Đồng, thế tất đem quân đánh Triệu, quân Tần qua sông Hà vượt núi Trướng, giữ Phiên-Ngô, thế tất kéo đến kinh-thành Hàm-Đan (kinh đô Triệu), như thế hạ-thần thực vì Bệ-Hạ lo.

Miền Sơn-Đông Triệu là cường, đất Triệu ba nghìn dậm, quân Triệu vài mươi muôn, khí-giới tinh-nhuệ, lương-thực đầy-đủ, tây có sông Thanh, bắc giáp nước Yên, nước Yên tuy nhược cũng không lo. Tần đối với thiên-hạ chỉ ngờm có Triệu, quan hệ toàn-cục không nước nào bằng Triệu ; Triệu không giám đem binh-khí sinh sự cùng Tần là sao ? là chỉ Sợ Hàn, Nguỵ sinh-tình (1), thế là Hàn, Nguỵ thực là giậu nam của Triệu. Tần không dùng kế đánh Hàn, Nguỵ đâu, Hàn và Nguỵ không núi cao sông to ngăn trở, nay chiếm mai lấn. như tằm ăn ngành lá rồi đến quốc-đô (2), Hàn, Nguỵ không đương nồi Tần, tất phải thần-phục Tần, khi

---

(1) Sinh-tình : nhân lúc mình có việc, mà người ta tìm đường sinh sự mới mình.

(2) Quốc-đô : kinh đô trong nước.

ấy Tần không Hàn, Ngụy ngăn trở, tai-họa tất thẳng đến Triệu, hạ-thần cũng vì Bệ-Hạ lo.

Xưa kia vua Nghiêu đảng không đến ba người, vua Thuấn đất không có tấc-gang, mà lấy được thiên-hạ ; dân vua Vũ không đến trăm người, mà làm vua cả các nước chư hầu ; quân vua Thang chỉ có nghìn người mà làm được ngôi thiên-tử, thực là hợp đạo đó thôi, cho nên đấng minh-chủ ngoài liệu địch-quân, trong liệu sức mình, không chờ giao phong mà cơ được thua đã tỏ-tường, có phải bưng được miệng người mà lơ-mờ tính việc được chăng !

Hạ-thần thường xem địa-đồ thiên-hạ đất các nước gấp năm Tần, quân các nước chắc gấp mười Tần, sáu nước hợp lực, Tần tất phải thua, nay lại quay về nẻo tây mà phụng-sự Tần, thực hạ-thần lấy làm phàn-nàn ; ta đánh nổi người hay người đánh được ta, người thần-phục ta hay ta phải thần-phục người, đó đã rõ-ràng không phải nói ngoa.

Kẻ lập kế liên-hành (1) chỉ muốn các nước cắt đất hòa cùng Tần, các nước hòa Tần thời họ những cửa cao, nhà rộng, nào đàn, nào hát, nào rượu ngon, nào mỹ-vị, ngựa xe nữ-sắc (2) vui đùa, tới khi họa Tần lán-thành thời ai

---

(1) — Liên-hành : Kế liên-hành, nghĩa là kéo ngang liên-hợp cùng nhau.

(2) — Nữ-sắc : gái đẹp, gọi là nữ-sắc.

lo cùng? Cho nên kẻ lập kế liên-hành, chỉ ngày ngày dậm-giọa các nước, xin bệ-hạ phải tính cho tường, tuyệt sự hồ nghi, xa nhời gièm-pha, đừng nghe những nhời đưa-hơi, đừng tin những kẻ bè-đảng, thời hạ-thần mới được bầy hết lòng trung-thành ở trước thềm.

Kế ngày nay không gì bằng: Hàn, Ngụy, Tề, Sở, Yên, Triệu sáu nước hợp thân, trống-trọi với Tần, hội quân ở trên sông Hàng là nơi trung-độ, Tần mà đánh Sở, Tề và Ngụy cứu, Hàn đánh trận đường lương Tần, Triệu sang sông Hà sông Trướng, Yên giữ Thường-Sơn mà đánh chung quanh Tần. — Tần đánh Hàn và Ngụy, thời Sở đánh sau Tần, Tề đem quân đến cứu, Yên xuất quân ứng tiếp. — Tần đánh Yên, thời Triệu giữ Thường-Sơn, Sở đem quân hãn-ngữ Vũ-Quan, Tề qua Bột-Hải, Hàn và Ngụy đem quân cứu viện. — Tần đánh Triệu, thời Hàn hãn-ngữ Nghi-Dương, Sở hãn-ngữ Vũ-Quan, Ngụy hãn-ngữ Hà-Ngoại, Tề qua Bột-Hải, Yên đem quân cứu-viện: Nước nào trái ước năm nước cùng đánh, sáu nước kết mà chống Tần, Tần tất không giám ra khỏi cửa quan Hàm-Cốc mà làm hại miền Sơn-Đông, như thế nghiệp bá Triệu có thể thành.

Chiến-quốc-Sách

41 — Lâu-Hoãn và Ngô-Khanh bàn việc Tần

Sau khi Tần đánh vỡ quân Triệu ở Trường-Bình, đòi Triệu phải nộp sáu thành mới hòa, vua Triệu đang bàn-bạc chưa song, nhân có Lâu-Hoãn từ Tần đến, vua Triệu bảo Lâu-Hoãn rằng: « cho Tần đất hay không, hai đường ấy thế nào?

Lâu-Hoãn nói rằng: « đều ấy hạ-thần không giám biết.»

Vua Triệu nói rằng: « tuy vậy, nhưng ngươi hãy nói ý-kiến của ngươi.»

Lâu-Hoãn nói rằng: « hạ-thần xin đem việc mẹ ông Công-Phủ-Văn-Bá thi-dụ để Bệ-Hạ nghe, ông Công-Phủ-Văn-Bá làm quan Lỗ, lúc chết mười sáu người đàn-bà tự-tử theo, bà mẹ được tin không khóc, người nhà hỏi rằng, tình mẹ con đau-sót, mà bà không khóc thế ư? — Bà mẹ nói rằng: đức Khổng-tử là bậc thánh-hiền, ở Lỗ bị đuổi mà nó không theo, nay nó chết mà mười sáu người đàn-bà tự-tử theo, thế là nó bạc mấy người quân-tử mà thân với những đồ phụ-nhân, nên không thương. — Cứ kể bậc mẹ nói câu ấy là phải, các người đàn-bà khác nói câu ấy là bạc, cho nên một câu nói, người khác nói ra lại thêm nghi mà thôi. Nay hạ-thần mới từ Tần đến, nói rằng đừng cho thời không phải là kế đích-đáng, nói rằng cho sợ Bệ-Hạ nghi hạ-

thần vị Tần, vì thế hạ-thần không giám nói; nếu hạ-thần là mưu-thần Bệ-Hạ, thời hạ-thần xin bàn rằng nên cho.»

Ngu-Khanh vào chầu, vua Tần kể lại nhời Lâu-Hoãn. Ngu-Khanh nói rằng: đấy là những nhời trang-sức đó thôi.»

Vua Triệu nói rằng: thế là sao?

Ngu-Khanh thưa rằng: « Tần đánh Triệu nhọc-mệt phải về chăng? hay Tần còn dư sức nể Bệ-Hạ mà không tiến binh chăng?»

Vua Triệu nói: « quân Tần mỏi-mệt mà về đấy thôi».

Ngu-Khu nói: « Tần liệu sức không đánh nổi những nơi khó-khăn mà rút quân về, nay Bệ-Hạ lại đem những nơi Tần không thể đánh được mà cho Tần, thế là giúp lực Tần để đánh mình thôi, sang năm Tần lại đến đánh, thời lấy gì mà giữ dìn.

Vua Triệu lại đem những nhời Ngu-Khanh nói với Lâu-Hoãn. Lâu-Hoãn nói rằng: « Ngu-Khanh dã biết rõ lực Tần chăng? nhưng chắc không biết được dâu, chỉ tiếc một mảnh đất con-con, sang năm Tần lại đánh Triệu, Bệ-Hạ chả phải đem cả nội-địa (1) mà giảng hòa ư?»

Vua Triệu nói rằng: « nếu chẩm nghe nhời

(1) Nội-địa : là đất giữa nước.

ngươi, có chắc sang năm Tần không đánh Triệu chăng ? »

Lâu-Hoãn nổi : « đều ấy hạ-thần không giám đảm-đang trách-nhiệm, xưa Triệu, Hàn và Ngụy giao-thân với Tần, nay Tần không đánh Hàn và Ngụy mà đánh Triệu, là Triệu phụng-sự Tần không bằng Hàn, Ngụy đấy thôi ; nếu hạ-thần xin vì Bệ-Hạ hòa-giải sự thất ý này, sửa sang nghĩa cũ, thân như Hàn, Ngụy, sang năm mà Tần vẫn không bằng lòng, là Triệu phụng-sự Tần vẫn còn sau Hàn, Ngụy, vì thế hạ-thần không giám đương chách-nhiệm.

Vua Triệu lại nói truyện với Ngu-Khanh, Ngu-Khanh tâu rằng: Lâu-Hoãn nói nếu không giảng-hòa với Tần, sang năm Tần lại đánh Triệu, chắc phải đem cả nội-địa (1) để cầu hòa, đã giảng-hòa mà Lâu-Hoãn không giám quyết rằng Tần không đánh Triệu, thời cho Tần sáu thành ấy cũng bằng vô-ích thôi ; sang năm Tần lại đánh, ta lại đem nơi khác mà cầu hòa, thế là kế tự-tận (2) đấy thôi. Tần tuy giỏi mà cũng không lấy nổi 6 thành Triệu, Triệu tuy thua cũng không đến nỗi mất sáu thành, Tần mệt mà về tất phải bãi binh, ta đem quân sáu thành hợp với thiên-hạ mà đánh Tần khi mỏi-mệt, thế là ta chịu lún với thiên-hạ mà tranh được phần thắng với Tần,

(1) Nội-địa : là đất ruột nước.

(2) Tự-tận : tự-tử.

thời nước ta còn lợi; ta lại chịu ngồi mà mất đất không, bớt sức mình để làm cường cho Tần ư? Nay Lâu-Hoãn nói rằng Tần tử-tế với Hàn, Ngụy mà đánh Triệu, chắc Triệu phụng-sự Tần không bằng Hàn Ngụy, giá-thử Bệ-Hạ năm năm cứ đem sáu thành hiến Tần, tuy tử-tế mà đất thời hao-mòn, sang năm Tần lại đòi đất nữa, thời Bệ-Hạ liệu cho không? bằng không, thế là phí cả đất trước mà gây họa với Tần, nếu thuận ý Tần, thời đất đâu lắm mà cho? — Phương-ngôn nói rằng: « kẻ cường vì khéo thế công (1), kẻ nhược vì không biết thế thủ (2) » nay ngồi mà nghe Tần, quân Tần không khó nhọc mà được đất nhiều, thế là Tần cường lại thêm cường, Triệu nhược lại thêm nhược, kế ấy thực là không thông. Vả Tần như hổ-lang, lòng tham vô-cùng, mà đất Triệu có ngần, đem đất có ngần của Triệu mà cung lòng tham vô-cùng của Tần, còn gì là Triệu? cho nên tôi bảo rằng Lâu-Hoãn là nói nạn, Bệ-hạ có hiến Tần sáu thành ấy chăng?

Vua Triệu kể lại với Lâu-Hoãn, Lâu-Hoãn nói rằng: Ngu-Khanh chỉ biết đường này không biết nhẽ khác, Tần gây nạn với Triệu mà các nước lại vui là sao? — là thiên-hạ cũng muốn nhân kẻ cường mà lấn kẻ nhược đấy thôi; nay quân Triệu bị khốn với Tần, thời các nước tất cũng mừng Tần

---

(1) **Thế-công: lập thế trận để đánh thành phá lũy.**

(2) **Thế-thủ: quân giặc đến đánh lập thế để thủ thành.**

thắng trận, Bệ-hạ cũng nên hiến đất cho Tần, để làm nghi lòng các nước mà thỏa-thuận bụng Tần, bằng không thời chỉ sợ các nước nhân khi Tần giận Triệu, đương khi Triệu khốn-đốn mà chia đất Triệu, thế thì Triệu mất cứ gì vị Tần, Bệ-hạ tính đến đường ấy, xin chớ ngại-ngần.

Ngu-Khanh nghe thấy vào nói với vua Triệu rằng : Thôi nguy rồi ! Lâu-Hoãn chính là kẻ thuyết-khách (1) của Tần rồi, Nay Triệu bị khốn với Tần mà hiến đất cầu hòa, lại càng làm nghi bụng các nước, đã chắc gì thỏa thuận bụng Tần, mà đã tỏ cho các nước biết rằng ta yếu-đuối lắm rồi. Vả tôi nói rằng đừng cho Tần đất, không phải là không nên cho mà thôi, Tần đòi Triệu sáu thành, Triệu lại lấy sáu thành cho Tề, Tề và Tần tất thù nhau, Tề được sáu thành tất phải hợp lực với Triệu mà đánh Tần, cứ gì nhiều nhời mà Tề phải nghe Triệu, thế là ta chịu thiệt với Tề mà chiếm phần thắng với Tần, một kế mà lợi đôi đường, địa-vị Triệu tự khắc phải sai.

Vua Triệu lấy làm phải, nhân sai Ngu-Khanh sang Tề để bàn kế cự Tần. Ngu-Khanh chưa về mà sứ Tần đã đến Triệu giảng-hòa, Lâu-Hoãn chốn ngay.

Chiến-quốc sách

---

(1) Thuyết khách : kẻ du thuyết.

42. — Thư Phạm-Tọa dâng vua Ngụy cùng Tín-Lăng

Vua Triệu sai người đến Ngụy xin dâng đất trăm giậm, cầu giết Phạm-Tọa; vua Ngụy nhận nhời, bắt Phạm-Tọa nhưng chưa giết, Phạm-Tọa làm thư dâng vua Ngụy rằng:

« Kẻ hạ-thần nghe thấy Triệu xin dâng đất trăm giậm mà cầu giết hạ-thần, giết hạ-thần vô tội là việc nhỏ, được đất trăm giậm là lợi to, kẻ hạ-thần này thực vì Bệ-hạ mừng. Tuy vậy, còn một đều nên biết: đất trăm giậm không được, mà kẻ hạ-thần đã chết không phục sinh, thời Bệ-hạ cũng chắc rằng thiên-hạ chê cười, kẻ hạ-thần trộm nghĩ rằng đem người chết mà buôn, sao bằng để người sống mà buôn còn tiện hơn.»

Lại đưa thư cho ông tướng kế chân mình là Tín-Lăng rằng:

« Triệu, Ngụy là hai nước kình-địch, nay vua Triệu chỉ gửi một mảnh thư, mà vua Ngụy ta nhẹ tin chực giết tôi, tôi dẫu ngu-hèn, cũng là một vị tướng Ngụy, chỉ vì cớ Ngụy mà can tội với Triệu. Vả chăng nước không người giỏi, dẫu rằng được đất chắc đã giữ được không, nay bảo-toàn (1) được Ngụy chỉ còn có ông, sau khi vua Ngụy ta nghe Triệu mà giết tôi, Tần lại học kế Triệu mà hiến đất nhiều hơn, thời ông có kế gì ngăn-trở

(1) Bảo-toàn: giữ cho chọn vẹn.

được không? — đấy cũng là một việc phiền lụy cho ông sau này ».

Tín-Lăng lấy làm phải, nói với vua Ngụy tha Phạm-Tọa.

Chiến quốc Sách

43. — Thư Tô-Đại dâng Triêu-Vương nước Yên

Sau khi Yên đánh Tề, Tần mời vua Yên sang chơi, vua Yên muốn đi, Tô-Đại dâng thư can rằng:

« Sở được Chỉ, Tề được Tống mà đều mất nước, Tề, Sở bất-đắc-dĩ phải đem Chỉ và Tống nộp Tần, Tần lấy thiên-hạ không dùng công-lý, chỉ dùng cách bạo-ngược thôi, Tần làm sự bạo-ngược công-nhiên đối với thiên-hạ: Tần bảo vua Sở rằng một đường quân Thục (đất Tần) đi thuyền tự sông Văn, nhân nước hạ (1) mà suôi xuống sông Giang, năm ngày đến đất Sính; (đất Sở) một đường quân Hán-Trung, (đất Tần) đi thuyền tự sông Ba, nhân nước hạ mà suôi xuống sông Hán, bốn ngày đến đất Ngũ-Chủ; (đất Sở) một đường quả-nhân (2) kéo quân quanh phía đông đất Y-Uyển xuống ấp Tùy, giầu trí cũng không kịp lập mưu, dũng cũng không kịp lập thế-công, Sở chờ được quân các nước đến đánh Hàm-Cốc (cửa quan nước Tần) chả cũng xa ư? vì thế Sở phải phụng-sự Tần mười bẩy năm..

(1) Nước hạ: nước mùa hạ.

(2) Quả-nhân: vua tự sưng là quả-nhân.

-- Tần bảo vua Hàn rằng: Đạo thứ nhất ta kéo quân tự đất Thiếu-khúc (đất Tần) một ngáy thời đóng nghẽn núi Thái-Hàng; (đất Hàn), Đạo thứ nhì ta kéo quân tự Nghi-Dương (đất Tần) đánh thẳng vào Bình-Dương (đất Hàn) hai ngày thời kéo khắp nước Hàn; đạo thứ ba ta đem quân Lưỡng-Chu đánh thẳng vào Kinh Tân-Trịnh, năm ngày thời lấy hết nước Hàn, vì thế Hàn phải phụng-sự Tần.

— Tần bảo ngay vua Ngụy rằng: đều thứ nhất ta đánh lấy An-Ấp, Nữ-kich; đều thứ hai ta kéo quân qua Chỉ-Đạo, Nam-Dương, Phong-Ký và vây Lưỡng-Chu; đều thứ ba nhân nước hạ thuyền trước cung nỏ, thuyền sau giáo mác, khoi sông Huỳnh-Thủy rót vào Đại-Lương, khoi cửa Bạch-Mã rót vào Tế-Dương, khoi cửa sông Túc-Từ rót vào Hư-Đốn và Kỳ; bộ thời đánh Hanoi, thủy thời đánh Đại-Lương, vì thế Ngụy phải phụng-sự Tần.

— Tần muốn đánh An-Ấp hãi Tề đến cứu, thời ủy Tề đánh Tống mà bảo rằng: vua Tống trái-nghịch lấy gỗ làm tượng quả-nhân mà bắn vào mặt, quả-nhân ngại đường xa-sôi, quân đi không tiện, Tề mà đánh được Tống, cũng là quả-nhân thắng trận. Khi Tần đã được An-Ấp Nữ-kich, nhân sự đánh Tống mà buộc tội Tề. — Tần muốn đánh Hàn hãi các nước đến cứu, thời ủy các nước đánh Tề mà bảo rằng: vua Tề bốn lần giao ước cùng quả-nhân, đều sai cả bốn, Tề tất âm-mưu đánh Tần, có Tề

thời đừng có Tần, có Tần thì đừng có Tề, tất giẫy cho bằng mới nghe; khi Tần đã lấy được Nghi-Dương, Thiếu-Khúc, Chi-Lan, Li-Thạch, nhân sự đánh Tề mà buộc tội cho các nước. — Tần muốn đánh Ngụy, lại e Sở cứu, thời ủy Sở đánh Nam-Dương và nói rằng : quả-nhân quyết tuyệt cùng Hán nếu phá được Quân-Lăng, Miện-Ải có lợi cho Sở cũng như lợi Tần, khi Sở bỏ các nước đồng-thân mà hợp với Tần, Tần nhân sự phá Quân-Lăng, Miện-Ải, lại buộc tội Sở. — Khi quân Tần bị Ngụy vây ở Lâm-Khanh e sợ Yên, Triệu, ủy Yên đánh Giao-Đông, ủy Triệu đánh Tế-Tây, khi đã cùng Ngụy giảng-hòa, nhân liên Ngụy mà đánh Triệu. — Khi Tần thua Triệu ở Tiều-Thạch và Mã-Dương, sợ Ngụy sinh-tình (1) thời ủy Ngụy đánh Thái, lúc đã giảng hòa cùng Triệu, lại cướp ngay Ngụy. Xem thế vua Tần miệng nói như nỏ, dùng binh như cái cắt, trận Long-Cồ, trận Ngạn-Môn, trận Phong-Lăng, trận Cao-Thương, trận Triệu-Trang, Tần giết nhân-dân Tam-Tấn kể mấy trăm muôn, những người thời nay đều là con bồ-côi; đến như đất Tây-Hà, đất Thượng-Trĩ, đất Tam-Xuyên tai vạ cũng bằng nửa Tam-Tấn, họa Tần biết là nhường nào, thế mà những người Yên, Triệu tư giao với Tần, cứ nô nhau giục vua phụng-sự Tần, kẻ hạ-thần này thực lấy làm lo.

Vì thế vua Yên không sang Tần.

Chiến-quốc Sách

---

(1) tinh tình; sinh ra tình ý khác.

44. — Thư vua Yên tạ ông Nhạc-Gian

Quả-nhân ngu-suẫn, không nghe nhời ông, nên ông bỏ nước mà đi, quả-nhân tự biết rằng sằng lắm rồi; quả-nhân đã đoan xin hối-cải, (1) mà ông cũng không nghe, nên quả-nhân sai sứ bầy tỏ ý mọn, xin ông nghĩ cho.

Ở đời trí không vội giận người, nhân không vội tuyệt người, đức Tiên-Vương ở với ông, ân-nghĩa còn ở tai mắt người đời; quả-nhân có lỗi mong ông tre-trở, không ngờ ông lại hờn giận; có quá mong ông sửa-bảo, không ngờ ông lại mần-ngơ. Vả lỗi quả-nhân ai ai cũng biết, ông ra lòng hờn giận mà bỏ quả-nhân, quả-nhân cũng biết lỗi rồi, nhưng chỉ e rằng ông ăn ở không được trung-hậu thôi. Tục-ngữ có câu rằng: « kẻ chung-hậu không chê người để ích mình, kẻ nhân không mặc người mà toàn danh » cho nên che lỗi cho người là bậc trung-hậu, chữa quá cho người là bậc nhân, thế thời che lỗi cho quả-nhân, không trông ông thời ai? ông cũng là nhờ ơn tiên-vương mà nên giòng giõi, ông cam-tâm quyết bỏ quả-nhân, thời sự che lỗi chữa quá cho quả-nhân, còn mong gì ông? vả bậc quân-tử, người ở bạc mà mình vẫn hậu, người ở sằng mà mình vẫn làm ơn, nay quả-nhân đã chịu lỗi sằng bậy, mà ông lại mắc tiếng không hậu, xin ông chọn xem.

---

(1) Hối-cải: tự hối mà đổi lỗi.

Người một nước, con một nhà, cũng nên bó-buộc bưng-che, trong nhà cãi-cọ kể-lể với láng-giềng, việc ấy ra gì.? chưa từng tệ-bạc đã vội lìa-nhau, có gọi là trung-hậu chăng? — quả-nhân tuy rằng sằng, cũng không đến nỗi như vua Trụ bạo-ngược, ông tuy bất-đắc ý cũng chưa đến nỗi như ông Cơ-Tử thiệt-thân; đã không tre-trở cho quả-nhân, lại tỏ sự oán-giận ở ngoài, chả cũng thiệt sự cao-minh và sai cả tính-hạnh lắm ru! Nếu tỏ được bụng trung-nghĩa ông, thành được cao-danh ông, quả-nhân tuy mang tiếng cũng đành, nhưng quả-nhân mang tiếng bạc thời ông cũng không là hậu; quả-nhân chịu nhục ông cũng không vinh, thế là một việc mà lỗi có hai, hại người mà ích mình còn chả nên làm, huống người xấu mà mình cũng tổn danh ư?

Ông nghĩ quả-nhân làm sằng, lụy cả sự hay về trước, nên ông bỏ quả-nhân mà đi, xem như ông Liễu-hạ-Huệ làm quan Lỗ, ba lần bị truất (1) mà không đi, nhiều kẻ sui-giục, ông Liễu-hạ-Huệ nói rằng: « nếu ta có tính khác người, đi đâu mà chả gặp sự không hay, cũng là bị truất thôi thà ở cố quốc còn hơn! » ông Liễu-hạ-Huệ không lấy ba lần bị truất làm lụy, nên sự-nghiệp sưa vẫn còn, không lòng bỏ nước xa đi nên xa-gần ai cũng khen-ngợi; nay lỗi quả-nhân chưa rõ mà nhời nghị-luận đã khắp ở hữu-bang (2), người ta nói rằng: « nói-năng đừng khoe mình, bàn-bạc đừng lụy người, kẻ nhân không chán người, kẻ trí thường

(1) Bị truất tức là bị cách.

(2) Hữu bang: là nước đồng minh.

tiếc công» đi nên bỏ hoài công trước, oán nên lội-lọc dửng-dưng, đi không tưởng, oán nên lụy, những sự ấy chả trông-mong ông ở phương xa hay sao, bằng cho quả-nhân là không tội, thời ông còn nên oán-trách chi?

Xin ông nguôi giận nghĩ đến tiên-vương mà giậy bảo quả-nhân, hay ông nghĩ rằng ông chỉ mần-ngơ không nghĩ đến tiên-vương, để chương tội-ác quả-nhân, để quả-nhân tiến không đường thành công, thoái không đường cải quá, xin ông nghĩ lại tính lại. Đây là ý mọn quả-nhân, tả hết trong thư này.

Chiến quốc Sách

---

45. — Tùy-Hà bảo vua Cửu-Giang là Kình-Bố về Hán

Tùy-Hà nói rằng: tôi là sứ Hán-vương kính dâng thư để Đại-vương xem, vua Hán tôi không biết vì nhẽ gì mà Đại-vương cùng Sở quá thân.

— Vua Cửu-Giang nói rằng: Quả-nhân chả những thân Sở lại quay mặt phương bắc(1) mà làm tôi.

— Tùy-Hà nói rằng: Đại-vương với ông Hạng-vương đều là hàng chư-hầu, nay sưng làm bầy tôi,

---

(1) Quay mặt phương bắc: vua ngồi quay mặt hướng nam, bày tôi phải quay mặt hướng bắc mà chầu.

tất Đại-vương lấy Sở là cường có thể ỷ-thác được chăng? Khi Hạng-vương đánh Tề, mình tự đắp thành để làm đầu cho quân, Đại-vương tất phải tiên-phong đem hết quân Hoài-nam đỡ-đần, mà chỉ sai bốn nghìn quân giúp Sở, lễ nhân-thân như thế du? Vả lúc Hán đánh Bành-Thành (kinh Sở) ông Hạng-vương chưa ra khỏi Tề, Đại-vương nhẽ nên đem hết quân Hoài-nam sang sông Hoài, ngày đêm thay ông Hạng-vương gìn giữ Bình-Thành, Đại-vương quân có hàng vạn mà không một người sang khỏi sông Hoài, chỉ chắp tay mà xem thành bại, thế thời sự ỷ-thác với Sở, chắc không phải chân-ý (1) Đại-vương, thế mà Đại-vương không phụ Sở, tất Đại-vương nghĩ rằng Hán nhược thôi.

Sở tuy cường nhưng vẫn mang tiếng bất-nghĩa, vì giết ông Nghĩa-Đế là minh chủ. Sở tuy cậy thắng trận là cường, vua Hán thu các nước về giữ Huỳnh-Dương và Thanh-Cao, lương có thóc Thục Hán, thành cao hồ rộng, chia quân thủ hiểm tranh sơn, quân Sở về gián-cách đất Lương, lại kéo vào nơi trọng-địa (2), muốn giao-phong không được, đánh thành không song, kẻ già yếu tải lương ở ngoài nghìn dậm, quân Sở đến Huỳnh-Dương, Thành-Cao, Hán chỉ giữ thế-thủ mà không động, thế thời quân Sở có đủ trông cậy chăng? Giả sử Sở thắng

---

(1) Chân ý: bụng cốt-cách.

(2) Trọng địa: binh pháp nói là nơi người ta đã thủ-hiểm, hay là nơi chung quanh đất người mà mình đem một toán cô-quân mà sông vào.

Hán, thời các nước cũng nguy mà phải cứu Hán, Sở cường bao nhiêu thời các nước càng cố-kết bấy nhiêu, thế Sở không bằng Hán, thực đã tỏ-tường.

Nay Đại-vương không liên-kết với Hán vạn toàn, mà ủy-thác với Sở nguy-vong, thực là nhầm rồi không phải là không quân Hoài-Nam thời Hán không đánh được Sở đâu, chỉ xin Đại-vương đem quân trống Sở, Sở tất phải long-đong ít lâu, Hán lấy thiên-hạ hữu-dư, hạ-thần xin cùng Đại-vương về Hán, Hán tất phải chia đất phong vương, cứ gì đất Hoài-Nam, thời đất Hoài-Nam tất cũng ở trong tay Đại-vương. Vì thế vua Hán sai tôi tiến kế mọn, xin Đại-vương tính xem.

Chiến-quốc sách

---

46. — Khoái-Thông bảo Hàn-Tín kế tam-phân

Người Tề là Khoái-Thông biết cơ thiên-hạ quan-hệ tại Hàn-Tín, muốn đem kế dụng-động, lấy thuật xem tướng đến nói với Hàn-Tín rằng:

— « Tôi học phép xem tướng rất tinh »

— Hàn-Tín nói rằng: Phép anh xem tướng thế nào?

— Khoái-Thông nói rằng: quý-tiện thời xem cốt, lo mừng thời xem hình, thành bại thời xem tính quyết-đoán hay gio-giự, phép ấy xem người, hào-ly không sai.

— Hàn-Tín nói rằng: Phải, anh xem tướng Quả-nhân thế nào?

— Khoái-Thông nói: Xin tạm thư.

— Hàn-Tín nói: bây giờ vắng-vẻ cứ nói.

— Khoái-Thông nói rằng: xem bộ-diện ngài chỉ đến Phong-hầu, lại có sắc lo-sợ, xem sau lưng ngài thời quý vô-giá.

— Hàn-Tín hỏi: tại sao?

— Khoái-Thông nói rằng: khi thiên-hạ sẩy ra tai-nạn, anh-hùng hào-kiệt liên-kết hô-hào, bấy giờ chỉ lo việc đánh Tần thôi; nay Hán, Sở phân-tranh, chết bao nhiêu tính-mệnh sinh-linh, hang sâu chất sác, đầy đống phơi sương. Sở khởi tự Bành-Thành, đánh chàn sang bắc đến tận Huỳnh-Dương, uy động thiên-hạ, nhưng bị khốn ở nơi Kinh-Sách, mắc Sơn-Tây mà không được tiến đã ba năm. Quân Hán vài mươi vạn, có núi hiểm, có sông sâu, một ngày mấy lần giao-chiến, không tiến được tấc-gang, nào ở Huỳnh-Dương, nào ở Thành-Tao, nào ở Uyển-Riệp, gian-nan khốn đốn, biết bao nhiêu lần, thế là dũng cũng khốn mà trí cũng nguy, sức mòn, lương hết, nhân dân ta oán biết nương-tựa vào đâu.

Tôi tưởng không bực thánh-hiền bao giờ rẹp nỗi tai-nạn này, nay vận-mệnh hai nước ở tay túc-hạ, túc-hạ về Hán thời Hán thắng, về Sở thời Sở thắng, tôi xin bầy hết tâm-can trí-não, lập một kế mọn, chỉ hãi túc-hạ không dùng, nếu túc-hạ

nghe kế tôi, không gì bằng giằng-co đôi bên mà lợi dụng, chia ba thiên-hạ như thể chân vạc, tự-nhiên không ai giám khinh-động. (1) Vả tài hiền-thánh như túc-hạ, giáp-binh lại nhiều, giữ Tề, hợp Yên và Triệu, đứng ở địa-vị vạn-toàn mà kiềm-chế (2) đôi bên, thuận lòng dân mà mở đường yên tĩnh, tất thiên-hạ nghe tiếng mà thuận theo; ức kẻ cường, phù kẻ nhược, làm mực-thước cho hữu-bang, các nước phục-tùng mà phải hàm-ơn Tề; khuyên các nước trọng đường lễ-nhượng, thời những vị quân-chủ hữu-bang tất phải tôn-phụng Tề. Vả chăng thời đã đến mà không làm, thời lại sai mà mình không hay, xin túc-hạ nghĩ kỹ.

— Hàn-Tín nói rằng: Vua Hán đãi ta rất hậu, nào xe đón, nào áo đưa, nào tiệc mời, tục-ngữ có nói rằng: « ngồi xe người hộ-vệ cho người, mặc áo người che đậy cho người, ăn của người lo việc người », có nhẽ ta tham lợi bội nghĩa hay sao?

— Khoái-Thông nói rằng: Túc-hạ tưởng rằng chiều-chuộng vua Hán để lập công-nghiệp muôn đời, tôi thiết tưởng rằng nhầm, kìa như ông Thường-Sơn cùng Thành-an-Quân là bạn cố-chi (3) từ lúc hàn-vi, nhân việc Trương-Áp, Trần-Thạch thành ra oán-thù, tới khi Thường-Sơn phản Hạng-Vương về Hán, vua Hán rúp quân

---

(1) Kinh-động là vô có náo động.

(2) Kiềm-chế: là coi giữ

(3) Cố-chi: quen biết nhau đã lâu.

đánh phía đông, giết Thành-an-Quân ở trên sông Trùy, đầu một nơi, thân một nẻo, để chò cười cho thiên-hạ, hai người ấy thân-mật có một, thành ra hại nhau là sao ? là đa dục (1) biến-tâm (2) tin đâu được người. Nay túc-hạ hết bụng trung-thành ở với vua Hán, nhưng chắc cũng không thân-thiết bằng Thường-Sơn-Vương với Thành-an-Quân, mà công-nghiệp lại to hơn sự Trương-Áp và Trần-Thạch muôn vàn, túc-hạ chắc rằng vua Hán không phụ mình thời thực là nhầm. — Lại như ông Đại-phu-Chủng cùng ông Phạm-Lãi bảo-tồn nước Việt trong lúc nguy-vong, giúp ông Câu-Tiễn thành nghiệp bá, năm chìm bẩy nổi, công-nghiệp nhường bao, mà thân cũng đến nỗi tử-vong, thế là « cáo hết thời muông săn cũng nguy.» Lấy nghĩa bằng-hữu thời túc-hạ không được như Thường-sơn.-Vương và Thành-an-Quân, lấy nghĩa vua tôi thì túc-hạ cũng không được như Văn-Chủng, Phạm-Lãi, và Câu-Tiễn, hai việc ấy đủ làm gương, xin túc-hạ ngẫm xem !Vả « ở đời mạnh-giỏi hơn chủ thời thân nguy, công nhất thiên-hạ thời khó thưởng, » tôi xin kể công-lược (3) túc-hạ, nào khi sang Tây-Hà bắt vua Ngụy cùng Hạ-hầu-Thuyết, nào khi giết Thành-an-Quân ở Tỉnh-Kinh mà lấy Triệu, nào đánh Yên, nào định Tề, nào giết Long-Thư ở phía đông, thế là công túc-hạ không hai mà tài có một ; nay túc-hạ mang uy át chúa, đeo công nhất đời, về Sở vua

(1) Đa dục : nhiều sự muốn.

(2) Biến tâm : đổi bụng.

(3) Công-lược : công-lao mưu-lược.

Sở không tin, về Hán vua Hán nề sợ, túc-hạ về đâu cho yên, tôi nghĩ như túc-hạ thực nguy.

— Hàn-Tín tạ rằng: hãy yên, tôi sẽ nghĩ.

— Mấy hôm sau Khoái-Thông lại đến nói rằng: Truyện vào tai là việc nẩy mầm, kế đã lập thời-cơ sắp lộ, nghe rồi thôi, kế cũng nguôi, thế mà yên ổn, sự ấy thực hiếm; nghe quyết-đoán, kế thành-lập, là không kẻ rèm-pha. Vả kẻ thích những việc thường phụng-dưỡng khi nào cầm được quyền thiên-hạ; khu-khu món lương đấu vực, khi nào chiếm được ngôi khanh-tướng. Cho nên trí, thời tính-toán đến cùng, nghi, thời công-việc thường nhỡ; so-kè lợi hào-ly, thường quên kế như giời như bể; biết đã rõ, sợ không làm, họa tất theo sau. Nên tục-ngữ có câu rằng: « hổ mạnh rùng rằng, không bằng nọc ong đốt buốt, thỏ lảng trí không bằng rùa nhởn đi; thành-trí mà ngập-ngừng không nói không bằng đứa câm chỉ-chỏ». nghĩa là có làm thì mới có nên, việc đời khó thành mà rễ bại, trăm năm chỉ có một thời, quá chừng nào rễ thời hồ tái lai, xin túc-hạ nghĩ xem.

Chiến-quốc Sách

47. — Bài biểu trần-tình tạ tội cùng vua Tầu

(Từ đây giở xuống 20 bài là của cụ Nguyễn-Trãi)

Tôi là Trần-Cảo cháu ba đời vua Trần và Lê-Mỗ là đại đầu-mục (1) nước Annam kính tâu trần-tình tạ tội như sau này :

Chúng tôi thiết nghĩ rằng : « dưới giời đâu không là đất vua, rẫu kẻ ở mé bể ai không là tôi vua. Xưa đức Thái-Tổ Cao-hoàng-Đế trị vì, tổ tôi là Trần-Mỗ đến triều, nhờ ơn cao giầy phong tước vương, từ đây đời-đời giữ chức phiên-thần, (2) chiều cống không khuyết ; không may họ Hồ cướp ngôi, đức Thái-Tôn Văn-Hoàng-Đế sai quân hỏi tội, sau khi giết được kẻ thoán-nghịch, chiếu (3) tìm con cháu họ Trần để nối ngôi cầm quyền, các quan tổng-binh chưa kịp xét kỹ, vội nghe thổ-nhân tàu rằng con cháu họ Trần bị Hồ giết hết, đem nước tôi chia làm quận huyện, đặt quan cai-trị. Tôi là Trần-Cảo gặp lúc loạn-ly, chốn sang nước Lão-Qua, chỉ muốn nín-náu qua thì, không ngờ quốc-nhân quen thói mọi-dợ, nhớ ơn tiên-vương tôi, bách tôi về nước, bất-đắc-rĩ phải theo lòng chúng, tuy khi hoảng-hốt vì quốc-nhân bách-súc, nhưng cũng là tội tôi không biết tự lượng.

---

(1) Đại-đầu-mục : kẻ làm đầu to-nhất.

(2) Phiên thần : phiên nghĩa là giậu, phiên thần, bầy tôi làm giậu che chở.

(3) Chiếu : cũng như tờ sức của quan, nhời vua sức gọi là chiếu.

Ngay năm đầu niên-hiệu Tuyên-Đức tôi về cố-quốc, người trong nước hết thảy rúp đáp, những quan-quân ở các thành cùng những quân thua trận, tôi nghĩ xin kính-tiễn về nơi kinh-khuyết (1) và đem đồ phương-vật (2) tiến-cống trần tình tạ tội.

Nguyên lúc ở nơi quân-doanh tôi đã hai ba lần đưa thư, nhưng quý-quan không nghe, quốc-nhân hãi bị chém giết, mới cùng giữ nơi hiểm-yếu để làm kế giữ mình, ngờ đâu những quân-quan mới đến thấy voi sợ chạy, đến nỗi nhạ-sự; tuy là người nước tôi bất-đắc-dĩ, chúng tôi cũng xin cam tội-cữu; những quân-quan xe ngựa khí-giới mà chúng tôi bắt được, hết thảy bảo-toàn, mẩy-may không sai. Chúng tôi cùng quốc-nhân bàn rằng: nhà vua không giải binh, tất phen này lại giầy-vò tiểu-quốc, thời nhân dân không khi nào được nghỉ-ngơi, nên chúng tôi xin trước đem tờ trần-tình sai Lê-Mỗ là đại-đầu-mục nước tôi, chính là người tiết-thứ (3) đến quân-doanh quan tổng-binh Vương - Thông trình xin bãi-binh, định đến tháng một năm nay giải binh, chúng tôi xin sửa sang đường-lối, chỉnh-bị lương - thực, đến kỳ tiễn - tống khởi-trình.

---

(1) Kinh-khuyết : Kinh là kinh thành, khuyết là cửa nơi cung-điện nhà vua.

(2) Phương-vật là thổ-sản.

(3) Tiết-thứ: thứ này thứ khác.

Chúng tôi tự biết tội-tình cao-sâu tiến-thoái đều khó, chỉ nghĩ rằng giời đất ở mấy muôn vật, tuy có lúc sấm-sét giận-giữ, mà vẫn hàm có ý sinh-sinh; cha mẹ ở với các con, tuy có lúc roi-vọt đánh-đập, mà vẫn hàm ơn giậy-giỗ, nên khi người ốm đau thường cứ kêu giời và cha mẹ, vì thế chúng tôi phải bầy-tỏ kêu ca, chỉ mong Thánh-Thượng y theo tờ chiếu đức Thái-Tôn-Văn-Hoàng-Đế ngày trước, cho lập con cháu họ Trần để làm quân-chưởng nước tôi, xin nghĩ đến bụng ngu-thành tổ-tôn chúng tôi ngày sưa triều-cống, tha tội như núi như sông chúng tôi, để được năm-năm triều-cống ở nơi thiên-khuyết (1), không những một thân một nhà chúng tôi được nhờ, cả sinh-linh một nước chúng tôi cũng được nhờ hạnh-phúc (2) ấy, mà tổ-tiên chúng tôi ở dưới cửu-toàn cũng được đội ơn cao-giầy. Chúng tôi xin tạc sương khắc giạ, hết bụng chung-thành dâng biểu sưng thần triều-cống từ nay.

Vậy chúng tôi xin dâng các đồ kim-ngân phương-vật cùng bài biểu tạ tội này, và danh-sách quý-quan quân-mã tâu bầy, lại sai đầu mục là Lê-thiếu-Rĩnh đến nơi bệ-rồng để chờ sắc-chỉ.

---

(1) Thiên-khuyết : thiên là giời, nghĩa là cửa khuyết, nhà vua coi như cửa nhà giời.

(2) Hạnh-phúc : phúc may.

48 — Bài biểu vua Lê tạ ơn trần-tình cùng vua Tầu

Đại-đầu-mục Annam chúng tôi là Lê-Mỗ, cẩn-tâu trần-tình như sau này :

« Ngày mồng tám tháng tám năm Tuyên-Đức thứ ba, chúng tôi được sắc dụ đại-xá, không cứ nhớn bé đều cho cải quá tự-tân (1), lại sai chúng tôi kê những tên con cháu họ Trần hiện còn, để sai sứ ban-phong, triều-cống lại theo như lệ cũ niên-hiệu Hồng-Vũ, nhân-dân chúng tôi ai cũng vui-mừng múa-hát, quá sự tưởng-vọng. Chúng tôi đã sai đầu-mục là Lê-thiếu-Rĩnh đem biểu trần-tình tạ tội, đến nơi thiên-khuyết tâu bầy ; người nước tôi bực vì quý-quan hà-khắc, lại nhớ con cháu họ Trần, năm đầu niên-hiệu Tuyên-Đức, chúng tôi tìm thấy cháu ba đời vua Trần là Trần-Cảo, đã theo ý dân, quyền tạm việc nước mà đợi mạnh thiên-triều (2), không may ngày mồng mười tháng giêng năm nay Trần-Cảo bị bệnh từ trần, (3) con cháu họ Trần thực không còn ai, quyền-cương trong nước không kẻ chủ-chương, đem sự trọng-đại (4) reo-buộc cho hạ-thần, hạ-thần từ-chối không

---

(1) Tự-tân : tự minh đổi mới.

(2) Thiên-triều : triều-đình nhà vua coi như triều-đình nhà giời.

(3) Từ-trần : từ-giã cõi trần.

(4) Trọng-đại : nặng-nề to-tát.

đặng, chỉ trông-nom trong nước để đợi lệnh thánh-thượng; nay mông ân-xá, chúng tôi nghĩ rằng: thánh-thượng lòng như giời bể, thương hại loài người, theo lòng thánh-tổ, ban ơn cao-giầy, chúng tôi tuy như sâu-bọ nhỏ-mọn, cũng xin biết ơn.

Lại như khi quan tổng-binh Thành-Sơn-Hầu giải-binh, chúng tôi đã đem hết quý-quan-quân ở các phủ, huyện, châu, quận và quân bị bắt, cộng một vạn hai nghìn viên, đều biên vào hoa-sách, (1) đã tiễn-tống khởi-trình, đường bộ, ngựa một-nghìn hai-trăm đôi, đường thủy, thuyền năm-trăm chiếc, đến cả vợ con quân-lính cùng các đồ quan-khố, đều đã tải đi, chúng tôi lại nghiêm sức trong nước, ai còn giấu giếm quý-quân, tức thời hành-hình, những người quý-quốc lục-tục xuất-thú cũng đều tiễn-tống về nước. Nay lại có chiếu phàm quý-quan-quân còn ai bị thổ-nhân lưu-giữ phải hết cho về, chúng tôi lại phái người rò-tìm các nơi hương-thôn, hễ còn thấy các quý-quan-quân sẽ xin tiễn-tống về sau, không dám cô-ân (2). Hai bài sắc thư (3) là giấu-tích thánh-thượng gia ban, chúng tôi xin trân-trọng giữ-gìn, coi làm quốc-bảo, tôi xin sai cháu ruột là Lê-quốc-Khí dâng theo tờ biểu trông mong sắc chỉ.

---

(1) Hoa-sách : sách vẽ hoa.

(2) Cô-ân : là phụ-ân.

(3) Sắc thư : là chiếu sắc nhà vua.

49 — Thư đưa cho quan tổng-binh Tầu là Vương-Thông

« Thưa ngài, nhà gần đổ, một cây gỗ có trống được chăng? đê sắp vỡ, một thúng đất có giữ được chăng? hai việc ấy có thể thí-dụ vào việc dụng-binh, nếu không lượng-lực mà làm càn, không bao giờ chánh khỏi sự thua.

Không bàn việc trước, nói ngay sự-thế bây giờ, các ngài vững bụng tròng-cậy là sự gì? là quân cứu-viện thôi. Tháng giêng năm nay quý-quốc đã sai An-Viễn-Hầu, Bảo - Định - Bá, Thôi-Đô-Đốc, Hoàng-Thượng-Thư, Lý - Ngự - Sử tiến binh vào cương-giới nước tôi, khi vừa tới cửa-quan, lính coi cửa-quan giụ đến Chi-Lăng, tháng hai đánh một trận, đội tiên-phong tan-nát, tổng-binh An-Viễn-Hầu bị chết; ngày hai-mươi-nhăm quân nước tôi lại đánh trận thứ hai, viện - binh toàn quân như gio, Bảo-Định-Bá bỏ sác ở chiến-trường, những quân chạy trốn vào rừng, quân tôi tiễu nã được hết. Sự đã đến thế thực không phải ý tôi, là vì tướng-sĩ ngoài biên sẩy ra nhường vậy, đề nặng reo tội-quá cho chúng tôi.

Ngài đem toán quân nhân-nghĩa mà đến nước tôi, chủ ý chừng-trị kẻ bạo-nghịch, xem như các tờ tấu về thiên-triều đến xin lập con cháu họ Trần, ơn ấy chúng tôi nào giám phụ-bạc. Nay ngài giữ một thành Đông-quan nhỏ mọn, nếu cả nước tôi vây bọc mà lập thế công, thực là

dung-gị, nhưng chúng tôi không nỡ rứt tình, là cảm ơn sưa mà cũng để toàn lễ nước nhỏ phụng-thờ thượng-quốc, nếu ngài mở thành giải binh, bàn lại ước xưa, toàn quân về nước, chả cũng tốt-đẹp không ?

Ví bằng ngài chỉ rùng-rằng không quyết, tôi e rằng những tướng-sĩ tôi long-đong triến-trận, bỏ việc nông - tang, bực giận liều mình với thành Đông-Quan, khi ấy tôi không sao được, thời lại càng nặng reo tội quá cho tôi thôi.

Sau khi tiếp được thư này, xin ngài gửi nhời cho chúng tôi được hay.»

---

50 — Thư đưa cho tướng Tầu là Phương-Chính

Tôi thiết tưởng cái nỏ cứng nghìn cân, không phải để bắn chuột ; nay ngài là vị tướng cầm quân hai nước, mà lại cùng với kẻ thất-phu chanh-thắng, được cũng vô-danh, vạn nhất mà thua, nhân lúc mỏi-mệt, bốn bên đều là tai-nạn bối-rối, tuy khôn-ngoan nhường nào cũng không thể phòng được bước sau, mà lại mua tiếng chê cười ở đời, tôi rất lấy làm vì ngài mà run sợ thay. Tính kế ngày nay không gì bằng ngài sếp giáo, giản binh, ngồi yên chịu hàng thế là rảnh thôi, tuy rằng may cho tôi cùng ngài mà cũng là may cho tính-mệnh nhân-dân hai nước.

---

51. — Thư giả nhời tướng Tầu là Phương-Chính

Ta bảo cho thằng giặc dữ là Phương-Chính kia biết rằng :

Đạo làm tướng cốt nhân-nghĩa làm đầu, rồi mới kể phần trí và dũng, nay chúng mày chỉ giữ sự dối-giá, cướp bóc tàn-nhẫn, lại thường tự đem quân hãm vào nơi tử-vong mà không thương, giời đất không dung, nhân quỷ đều giận, cho nên mấy năm chinh-triến mày vẫn giữ phần thua mà không biết sửa đổi, lại còn bới dơ mà ngửi ư ?

Huống nay mưa xuân lặn-lội, khí độc rất thịnh, mà mày chỉ giữ một toán quân rất đông rùng rằng không tiến, để cho quân-lính tật-dịch (1) chết mòn, thế là lỗi ai ? binh pháp có nói rằng : « quân có nhân, nhược cũng đủ trống với kẻ cường ; quân có nghĩa, ít cũng đủ địch với kẻ nhiều người ». Mày muốn giao-chiến thì nên sắp quân mà quyết được thua, đừng để làm khổ quân lính đôi bên.

---

52. — Phương-Chính tiếp được thư trên, thách ra đồnh-bằng giao triến, nên cụ Nguyễn-Trãi đưa thư này giả nhời.

Ta bảo cho thằng giặc ác Phương-Chính kia biết rằng : kẻ khéo dụng binh, không cứ nơi nào

---

(1) Tật- dịch : ốm về bệnh dịch.

là hiểm-trở, không cứ chỗ nào là lợi, được thua là tại tướng, chứ không phải tại hiểm trở đâu ; giao triến ở nơi hiểm-trở, khác nào hai con hổ đấu nhau ở trong hang, khéo cầm quân thời được, không khéo thời thua, binh-pháp có nói rằng : « Địa-hình không giống nhau, trận thế cũng khác nhau ». Thời hiểm-trở hay đồng-bằng có làm gì ? Ta bảo trước cho mày biết rằng : nếu mày không thoái, ta tất tiến quân quyết chiến cho mày hay.

---

53. — Tháng năm năm Bính-Ngọ cụ Nguyễn-Trãi đem quân đến Nghệ-An, Phương-Chính không dám giao-phong, nên đưa thư này.

Này thằng giặc giữ là Phương-Chính kia ơi ! phàm những bậc danh-tướng xưa nay, trọng nhân-nghĩa mà khinh sự quyền-mưu (1) ; kể ngay sự quyền-mưu mày cũng chưa đủ, huống chi nhân nghĩa du !

Vừa rồi thư mày cười ta chỉ ẩn-núp ở nơi sơn-lâm mà không dám ra giao-chiến ở đồng bằng, nay ta đã lại đây, ngoài thành Nghệ-An có thể làm chiến-trường, mày bảo đây là sơn-lâm hay là đồng bằng chăng ? Mà mày lại đóng cửa thành không ra, khác gì người con gái rút-rát ở trong cửa buồng, thôi mày cũng nên trang-điểm đồ nữ-phục cho song.

---

(1) Quyền-mưu : mưu-mẹo giối-giá.

54. — Thư giả nhời cho Phương-Chính

Này ta bảo cho mày hay, phàm làm việc to-tát, cốt lấy nhân-nghĩa làm đầu, mới có thành hiệu, chúng mày nhân họ Hồ làm sự trái-nghịch, mượn tiếng đánh kẻ bạo mà làm sự tàn ác, sâm-chiếm thổ-địa nước ta, dầy-vò nhân-dân ta, thuế-má nặng-nề, chính sự hà-khắc, (1) vơ-vét châu báu, nhân dân thực không biết sống là vui, kẻ có bụng nhân-nghĩa ai làm thế du! Nay dân oán thần giận, nước mày lại có đại-tang, mà mày không biết sửa-đổi, lại sinh việc can-qua, toan những cao-xa, để cho quân lính chết mòn, nhân-dân lầm than; ta chỉ hãi tai-họa nước mày không ở phương xa, ở ngay trong só buồng thôi.

---

55. — Tháng chạp quân ta đánh vỡ thành Đông-Quan, Vương-Thông và Sơn-thọ-Hầu sai Nguyễn-Nhâm đưa thư xin hòa, nên đáp thư này:

Tôi xin nói để các ngài biết, giời đất ở với muôn vật, tuy có lúc sấm sét giận giữ, mà vẫn hàm có ý sinh sinh; cha mẹ ở với các con, tuy có lúc roi-vọt quở-mắng, mà vẫn hàm ý giậy-giỗ. Nay được thư các ngài giẫn cho chúng tôi một con đường đổi mới, mừng rỡ nhường bao, thực là ơn giời đất cha mẹ ban cho, tuy

---

(1) Hà-khắc: Hà là tàn-nhẫn, khắc là nghiêm-khắc.

thịt nát xương mòn, biết gì báo ơn.

Nếu các ngài thực có bụng thương-sót loài người, nên sai người đến các thành Diễn-Châu, Nghệ-An và Tân-Bình, bảo cho hết-thảy giải binh, tôi xin sắm sửa các đồ phượng-vật tiến cống, chọn người thân-tín cùng quý-quan đến nơi thiên-triều xin lỗi, tôi tự sửa đường bác cầu không phiền đến quan quân ; nếu được rủ thương, không những nhân dân nước tôi được khỏi sự lầm than, mà quân-lính quý-quốc cũng chánh khỏi hòn đạn mũi tên.

---

56 — Thư đưa cho tướng Tầu là Dả-Trung và Lưỡng-nhữ-Hốt

Tôi xin nói để các ngài biết rằng: các ngài như muốn một nhà già trẻ bình-yên, xin nghe nhời tôi sắm-sửa ra thành, để chờ các quan Diễn-Châu và Nghệ-An cùng về, bằng không xin đừng hối-hận.

Các ngài không xem những quân-linh Diễn-Châu, Nghệ-An, Thuận-Hóa, vợ con đều được bảo-toàn vô sự, sao các ngài áy-náy tự khổ làm vậy? Chúng tôi quả có bụng hại các ngài, thời có thể nào thoát được? Huống nay đức Hoàng-Đế thiên-triều đã có đặc chỉ cho các quan tổng-binh các việc đều được tùy-tiện, lập con cháu họ Trần rồi giải binh, để hai nước được khỏi sự can-qua ; chúng tôi cũng lấy đường nhân-nghĩa hết lòng kính sự thiên-triều, nhất-thiết

quan quân tiễn-tống về nước, đường, lối, cầu, đắp, sửa-sang chỉnh-đốn, là chúng tôi chỉ muốn để tiếng muôn đời, không muốn cùng các ngài so-kè phải trái nhất thì.

Nếu các ngài không nghe nhời tôi, chỉ trong tuần nhất, tuy thành sắt hồ sâu cũng phải bỏ đấy thôi, tới khi bấy giờ thời biết làm sao ? Tôi nghĩ các ngài bây giờ không gì bằng kế đi ngay là hơn, xin đừng rùng-rằng đến nỗi dở giang.

57 — Thư đưa cho Vương-Thông và Sơn-Thọ

Tôi thiết tưởng rằng : sự tín là của quý trong nước, người mà không tín, làm gì cho nên. Trước các ông đưa thư cùng sai người hẹn cùng hòa-giải đâu đấy thỏa-thuận, nay xem trong thành lại vẫn đào hào, giồng trọng, ghép róng, đắp lũy, lấy chuông cổ đúc súng cùng hươm-giáo, thế là các ông sắp giải binh về nước chăng ? hay là cố giữ thành trì chăng ? chúng tôi không hiểu ý các ông ra thế nào.

Sách có nói rằng : « bất thành vô vật 不誠無物 » nghĩa là không thực thì công-việc đều giối giá. Các ông như giữ nhời trước, công-việc đều nên minh-bạch, muốn giải binh thời giải binh, muốn cố-thủ thời cố-thủ, (1) việc gì phải ngoài mặt ra bộ kết-hiếu, mà trong bụng lại thay cách khác làm chi, không nên trước sau giáo giở, miệng nói cùng công-việc khác như vậy.

(1) Cố thủ : là cố giữ.

58. — Lại thư đưa cho Vương-Thông

Trước đây tôi được thư ngài nói tha thứ cho nước Nam và lập con cháu họ Trần, tôi cùng các người đầu-mục ai cũng vui-mừng múa-hát mà nói rằng: quả vậy nam bắc yên-hòa từ đây: nhưng giời cao mà đức Hoàng-Đế thời xa, ngài thời quyền không nhất-thống, trinh-sự nhiều mối, bàn-bạc cùng công-việc khác nhau, mỗi người một ý, tôi đã từng thấy, không biết công-việc ngày nay rồi ra thế nào? vì thế tôi ăn không ngon, nằm không yên, chút lòng nhỏ-mọn ngay-ngáy sao đang.

Vả sử-thế ngày xưa ngày nay vẫn yên một mực, nào khác chi đâu, mà một người bàn phải, mười người bàn chái, một người vo tròn, mười người bóp bẹp, khác gì kẻ làm nhà cạnh đường, bàn bạc ba năm không thành; nông nỗi công-việc các ngài nhường vậy, khiến cho chúng tôi cay đắng muôn phần, ngài có thấu tình-trạng ấy chăng, xin đừng bắt chước những sự vừa rồi, muôn-vàn lưu lại chút tình, thời chúng tôi cũng được nhờ một phần may.

59. — **Năm Đinh-Vị, đức Lê-Thái-Tổ tiến quân đến phía bắc sông Lô, đóng quân đối với thành Đông-Quan, (quân Tầu đóng) Vương-Thông và Sơn-Thọ sai Nguyễn-Nhâm đến thông tin, nên cụ Nguyễn-Trãi viết thư này giả nhời.**

Nay tôi xin dâng thư ở trước ghế các quan tổng-binh biết rằng: lấy sự thành-thực đãi người, tất người cũng lấy sự thành-thực đáp lại, lòng trí-thành (1) cũng đủ cảm-động giời đất quỷ-thần, huống chi lòng người. Nay các quan phụng-chỉ đi phương-xa, phải nên lấy lòng-thành tiếp người, huống lại lấy lòng dan giối người, tự sưng là đắc-sách, tưởng rằng chúng tôi không biết, giả làm hòa-hiếu, âm-lập mưu gian, trước các quan nói rằng sau khi chúng tôi dâng biểu sang thiên-triều, các quan khắc-tức giải-binh; sau lại giồng trông, đắp lũy, sửa thành, đào hồ, công việc các quan là thành-thực chăng? Hay là dối giá-chăng?

Một vị đại-tướng đem quân ra khỏi nước, có phép tự-quyết, huống ngài tuy là vũ-tướng, nhưng cũng giòng thi-thư, khi ngài vâng mệnh triều-đình đã được lệnh tùy-tiện sếp đặt, thời những việc ở nơi quân-doanh, có nhẽ nhất-nhất còn chờ lệnh triều-đình ư? Vả việc binh tất phải thần-tốc, cơ-quan biến-hóa, như gió như chớp, lạnh nóng chỉ

(1) Chí-thành: thực là chân-thành.

trong phút chốc, ngài chả biết hay sao, mà ngài lại nghe kế nhảm của thằng trẻ con thua trận là Phương-Chính, Mã-Kỳ rùng-rằng hồ-nghi không quyết ư?

Thư trước ngài đã nói rằng: lấy cả binh-mã các nơi đem đến một chỗ, thời chật hẹp khó dung, trước hết hãy tạm cho quân lính trong thành về trước, còn các cơ-vệ khác lục-tục đến sau; nay những quân các thành Nghệ-An, Diễn-Châu cũng đều tới nơi, mà nhời nói trước hình như đuổi gió bắt bóng, không những là ngài đánh lừa một tôi, mà sáu bẩy nghìn người các thành cũng đều ở trong thuật rối của ngài; tôi chỉ một lòng thành-kính triều-đình, cũng thương tính-mệnh sáu bẩy nghìn người, cấm chấp quân-lính không được sâm phạm, mà ngài lại nghe những kế đứa tiểu-nhân, đem bụng hại tôi, mà hóa ra hại bao nhiêu tính-mệnh loài người.

Này!!! chim cũng nhớ tổ, ngựa cũng nhớ đàn, huống chi bụng người, nay ngài làm dở-dang, sáu bẩy nghìn quân ai cũng tức-giận, đau-đớn đến sương, nghiến răng, nắm tay, thề không muốn nhìn ngài, nếu ngài theo nhời trước, xin tức-hành giải binh để toàn sự hòa-hiếu, chúng tôi xin giả lại nhưng binh-mã đã bắt được; bằng ngài không ý như vậy, tôi xin đem ba mươi vạn binh-mã của tôi, hợp với những quân đương tức-giận, vây bọc ngoài thành, sẽ xem cách ngài sử-trí ra sao.

Tôi viết thư này rất là sợ-hãi, trông-mong lệnh ngài.

60. — Thư đưa cho Vương-Thông

Tôi xin thí-dụ để ngài nghe : có người đem muông săn vào rừng, đem lưới xuống sông, lại nói rằng tôi không phải là đi săn, không phải là ngư-nhân (1), như thế có nghe được chăng? sao bằng bỏ muông săn cùng lưới thời người ta mới tin. Trước đây tôi thường được thư ngài nói, chiều theo chiếu vua Thái-Tôn, cho lập con cháu họ Trần, cùng bảo chúng tôi dâng biểu cầu phong, các ngài sẽ thoái binh, bấy giờ ai cũng vui-mừng tín-phục, sau thấy trong thành giồng gióng, đắp lũy, sửa-sang chiến-khí (2), người người lại đều hồ-nghi, như tôi tuy được đội ơn ngài như giời che đất chở, cũng lấy làm bực-giọc, huống chi mọi người, tôi tự-nghĩ rằng việc ngài làm như vậy, tự tưởng rằng không phải là phường đi săn, đánh cá, chỉ hiềm ngài chửa chịu bỏ muông săn và lưới, để cho người tin thôi.

Vừa rồi nhân có người ở Kỳ-Ồn bắt được thổ-nhân là Vũ-Nhàn và Từ-Thành đều chính là người đưa thư của ngài tại ngày mồng 10 tháng chạp và ngày 16, xem ý-tứ trong thư mới biết ơn ngài như giời đất ở với muôn vật, giần-giần nẩy-nở mà muôn vật tự không hay.

Thư trước chách chúng tôi không phụng-sự thiên-triều như giời đất cha mẹ, chúng tôi tự không biết tội-tình thâm trọng, chỉ mong rằng

---

(1) Ngư-nhân : Người đánh cá.

(2) Chiến-khí : là đồ binh-khí.

xc Kho sách xưa Quán Ven Đường

ngài mở lòng khoan-nhân tha thứ, nay tôi lại xem những thư bắt được, ngài nói rằng: « không nên và một mảnh đất con-con mà để cho thiên-hạ phải khốn-đốn long-đong » thực là nhời nghị-luận đích-đáng, nếu ai ai cũng một ý như ngài, thời thiên-hạ tất là bình-yên vô-sự không biết các quan triều-đình bàn-giấy bàn-mỏng rồi ra thế nào, nhưng nếu ngài quả có lòng thành-thực với nước Việt-Nam tôi, như nhời thư trước, nói rằng: « ngày ngày phụng chỉ ra đi, được lệnh cho tùy-tiện sếp-đặt, không phải chờ lệnh mới về », cứ các nhời ấy thời nên quyết chí bãi-binh, một là làm phúc cho loài người, hai là giúp vua lên cao đường công-lý, để tiếng với thiên-hạ về sau, việc gì phải xin thêm mấy vạn quân để hộ-vệ khi về; sao bằng ngài bỏ ngay muông săn và lưới cho được minh bạch không?

Nếu ngài cứ như nhời trong thư trước, chúng tôi sẽ xin sửa-sang đường-lối, lương-thực cung-cấp đủ hết mọi sự, để chờ quân các tỉnh Nghệ-an, Thuận-Hóa, Tân-Bình, tơ-hào không phạm, thời sự hồ-nghi đôi bên đều tiêu-tán, trên giời dưới đất, xin đều chứng minh, ấy bấy nhiêu nhời, xin ngài xét định.

---

61. — Thư đưa cho tướng Tầu là Đả-Trang và Lương-nhữ-Hốt

Thư này tôi xin đệ đến trước các quan Trấn-Thủ thành Tây-Đô Đả-đại-nhân cùng Lương-đại-nhận biết rằng: tôi cùng các ngài gian-díu

chút nghĩa đoạn kim (1), những nhời ước xưa, giời đất quỷ-thần tưởng cũng chứng giám (2), nào ngờ ngày nay lại thành lìa tan, xét công-việc chúng ta đều là bỏ thân vì nước, nào phải tư tình. Nhưng bậc quân-tử cốt phải biết thời theo biến (3), vận giời vòng quanh, qua rồi lại lại, là nhẽ thường xưa nay; nước Annam tôi trước bị Trung-Quốc sâm chiếm, từ Tần đến Hán cũng đã mấy phen, nhưng mà giời định giới-hạn bắc nam, núi cao sông rộng, bờ cõi rành-rành, tuy cường như Tần, giầu như Tùy, đã rễ lấy thế-lực mà đè nén được đâu.

Bàn đến sự-thể ngày nay, như thành Tân-Bình, Thuận-Hóa, Nghệ-An, Diễn-Châu, Tam-Giang, Chí-Linh, Thị-Kiều, Sương-Giang, Kỳ-Ôn cùng Tiền-Vệ, chí dũng mưu-lược trong thành có thiếu chi người, thành không phải không cao, hồ không phải không sâu, lương không phải không nhiều, quân không phải là không tinh-nhuệ, (4) mà cũng mở thành sếp giáo, đem cả vợ con cùng hội với chúng tôi, định kỳ hồi binh; mà các ngài chỉ khư-khư kiến-thức tầm-thường, không suy sự-biến (5), muốn lấy cái thành cao vài trượng, giam buộc một toán lính nhớ nước nhớ quê,

---

(1) Đoạn-kim: là tình nghĩa anh em bạn học.
(2) Chứng-giám chứng cho, xoi xét cho.
(3) Theo biến: sự thể biến cải thế nào, thời phải theo thế mà lượng việc.
(4) tinh-nhuệ: tập-luyện nhanh-trai.
(5) sự biến: sự thể thay-đổi.

ngỡ rằng có thể lần-lữa ngồi yên, không nghĩ đến tính-mệnh mấy nghìn sinh-linh, bậc quân-tử có nhẫn thế không ?

Giá chúng tôi lấy quân Thanh-Hoá, Diễn-Châu, cùng quân các nơi chung quanh thành Tây-Đô, chỉ ba bốn vạn vây bọc ngoài thành, không đầy phút chốc cũng hóa ra gio bay, đến sự-thế ấy, các ngài muốn bảo-toàn lấy tính-mệnh vợ con tưởng cũng khó thay.

Như các ngài, không gì bằng sếp khí-giới ra cùng với quan Sái-đô-đốc lục-tục cùng về, để cho đôi bên đều được vui-mừng, chả cũng hay không ? bằng không, tôi cũng không biết tính thế nào cho các ngài bây giờ.

---

62 — Thư đưa cho Vương Thông.

Tôi xin nói để ngài biết rằng : thực bụng yêu loài sinh-linh là bụng giời-đất ; thực lòng yêu con là bụng cha mẹ. Nếu bụng yêu loài sinh-linh không thành thực, thời cơ-quan sinh sinh-linh có lúc mà bỏ ; bụng yêu con không thành thực, thời đạo từ-ái có lúc mà sai, cho nên giời đất ở với muôn vật, cha mẹ ở với con đỏ, chỉ một bụng thành thôi.

Hôm qua tiếp được thư ngài, trách chúng tôi không kính-sự thiên-triều như giời đất phụ-mẫu, nhưng chúng tôi xem những sự các ngài làm vừa rồi, thực không phải là đạo giời đất phụ-mẫu, xin ngài nghĩ người rồi lại nghĩ mình xem sao ? tất phải như cổ-nhân đem bụng trách người mà trách mình, thời mới đúng nhẽ công-bằng.

Trước ngài nói rằng: nơi Đông-Quan trật hẹp, ngài sẻ cho quân trong thành về trước, rồi quân các nơi lục-tục đi sau; nay lại muốn quan Sái-Đô-Đốc sang sông hội-hợp, mà trách chúng tôi rằng bất-tín, chả cũng nhầm ư? Kẻ hay làm sự bất-nghĩa mà lại mắng người, bậc quân-tử ai lại lập tâm nhường vậy.

Xem ngay sự họ Hồ vừa rồi cũng đủ làm hương, họ Hồ tàn-bạo, thời toán quân đánh kẻ vô-đạo cũng cần; mà lại không cứu kẻ đã nguy, nối mối đã rứt, chỉ sính trí việc binh, khiến cho những kẻ sinh-linh vô tội, mấy năm nay bôi máu ở dưới lưỡi hươm, bỏ sác ở ngoài đồng, bậc nhân-nhân quân-tử có ai dụng tâm tàn-ác thế không?

Những sự trước đã qua, nay ngài quả có thực tâm giải giáp (1) hồi binh (2), xin cho hết quân trong thành về trước, quan Sái-Đô-Đốc cùng ngài sau sẽ khởi trình (3); nếu ngài chưa đi, quan Sái-Đô-Đốc khi nào trước giám giời chân. Ví bằng ngài muốn bắt chúng tôi sửa-sang đường về, sắp sẵn lương-sướng, sự ấy khó gì. Chúng tôi thực không bụng gì khác, xin ngài biết cho.

---

(1) Giải giáp : cởi áo giáp

(2) Hồi binh : kéo quân về.

(3) Khởi trình : khởi là giấy, trình là đường đi, là bắt đầu ra đi.

63 — Thư giụ quân thành Bắc-Giang

Này những quan-viên quân tướng trong thành kia ơi, ta bảo cho các người biết rằng : người tuy nam bắc khác nhau, đạo phải thờ ai ai cũng vậy, bậc nhân-nhân quân-tử nước nào là không ? Nước Việt-nam ta tuy xa ngoài Ngũ-Lĩnh (nước Tầu) mà vẫn là thi-thư, trí-mưu tài-lược nào thiếu chi người, cho nên những sự ta làm đều đúng lễ-độ (1), hợp công-lý, thuận nhân-tình.

Trước đây quan tổng-binh Thành-Sơn-Hầu từ khi bị triết-tỏa ở trận Ninh-Kiều, thường sai người đưa thư hẹn hò hòa-giải, ta nghĩ muốn trên hết đạo kính-thuận thiên-triều, dưới khỏi việc hai nước can-qua, nên ta nhất-nhất thuận theo, rồi lại bảo ta tiến biểu cầu phong, hẹn rằng sau khi tiến biểu liền tức giải binh, khi biểu đã tiến mà quân vẫn còn yên, lại giồng thêm róng, đắp thêm lũy, đúc thêm đồ binh khí, khoe rằng đắc sách, bội ước bất tín nhường vậy.

Hiện nay quân các sứ Nghệ-An, Diễn-Châu đều đã tới nơi, vợ con, tài-vật quân-lính mẩy-may không phạm, ta tưởng các ngươi không gì bằng kế ra thành cùng quan Sái-Đô-Đốc tính kế về nước, để cứu lấy tính-mạnh mấy nghìn người trong thành. Ta đây không phải như Bạch-Khởi Hạng-Vũ giết những kẻ đã hàng, phụ ước bất-nghĩa, các người xin cứ phóng-tâm (2), chớ có hồ-nghi đến nỗi nhỡ việc.

---

(1) Lễ-độ : có lễ-nghi đúng nhẽ.

(2) Phóng tâm : yên giạ đừng lo-nghĩ.

Bằng các người nghĩ rằng thành cao hồ rộng, lương-thực lại nhiều, thời các nơi Thanh-Hóa, Nghệ-An, Diễn-Châu, thành không phải không cao, hồ không phải không sâu, lương-thực không phải không nhiều, quân không phải không cường, quan Sái-đô-Đốc binh-pháp không phải không tinh, chức không phải không to, trí-lự không phải không cao-minh, cũng phải theo thời xét cơ để toàn tính-mạnh mấy vạn người, mà các người lại khư khư nghe nhời bàn huyền-hoặc, mà mang lấy tai-vạ hồ tới, thực là nhầm thay !

Vả ta xem Trung-Quốc ngày nay, Hoàng tộc thì cốt-nhục tương-tàn (1), phía bắc thì giặc Nguyên sâm-chiếm, các quan Đại-thần không quyền, chính-trị bối-rối, liền năm mất mùa, giặc-cướp như ong, chưng-triệu (2) vong quốc thực đã tỏ-bầy. Kẻ trí đoán việc khi chưa hình, sao kiến-thức các ngươi chậm-chạp làm vậy, mà rước lấy mối khổ vào mình ! Nếu các người ra thành cùng ta giải-hòa, ta coi các người như anh em ruột thịt, chả những là bảo-toàn tính-mạnh cho vợ con các người mà thôi đâu !

Bằng không nghe nhời ta, chỉ trong sớm hôm ta cũng được tiếp các người, khi ấy xin đừng hối-hận, các người nghĩ xem.

———

(1) Cốt nhục tương-tàn : là ruột thịt giết lẫn nhau.

(2) Chưng triệu : là điềm.

64. — Thư đưa cho Vương-Thông

Mảnh thư kinh-cẩn này xin đệ đến chỗ ngồi các quan Tổng-binh biết rằng: khéo dụng binh là tại biết thời-thế, hợp thế-thời nguy cũng hóa ra yên, nhỏ cũng thành ra nhớn; trái thế-thời cường cũng thành ra nhược, yên cũng hóa ra nguy, cơ-quan(1) biến-cải chóng như giở bàn tay. Nay các ông không hiểu thời-thế, lại đặt ra những nhời huyền-hoặc, thế là những phường thất-phu tầm-thường sao đủ bàn việc binh. — Vừa rồi các ông lập tâm gian-giối giả làm giảng-hòa, rồi lại đào thành đắp lũy để chờ viện-binh, tâm-tích không minh, chúng tôi sao tin được mà chả nghi.

Xưa nước Tần thôn-tính Lục-Quốc, kiềm-chế thiên-hạ, chỉ vì chính-sự không sửa sang, thân chết nước tan; nay Minh cường tất không bằng Tần, mà sự hà-khắc lại có phần hơn, này chả bao lâu họa-biến cũng sắp tới nơi, thế là lòng giời chứ nhân-lực cũng không trống được. Vả nay nước Tầu, bắc có giặc Nguyên, trong thời các nơi Tầm-Châu, Giang-Tả nhiễu-loạn, đều không bảo-toàn, khi nào còn tính được những sự ở phương xa. Các ông không hiểu sự-thế, đến nỗi bị thua, lại còn mong-mỏi Trương-Phụ, nhờ hơi mượn uy, không phải là can-trường trượng-phu; sự-thế ngày nay dầu

---

(1) Cơ-quan: là chốt máy, nghĩa là thời-cơ quan hệ.

Thượng-vị (1) nước Minh sa-giá (2) lại đây cũng chịu bó tay, còn như Trương-phụ chỉ là đem sác đến chịu chết mà thôi, còn thèm kể chi.

Xưa kia ông Lưu-Bị là phái xa họ Lưu, ông Khổng-Minh cũng còn phù-tá thành được nghiệp-vương, huống nay con cháu họ Trần, giời-tựa người phù, Minh cũng chả thể nào át được. Vả những kẻ hào-kiệt xưa nay, lúc chưa gặp thì, ẩn núp chờ cơ, cho nên ông Y-Roãn cầy ở đất Sần, ông Thái-công câu ở sông Vị, rồi mà người thì bậc Vương-tá, người thì bậc Đế-sư, các ông ấy xuất thân là hào-quý chăng? hay là bần-tiện chăng? hay là người man-di chăng? xem những nhời các ông nói đều là thô-bỉ mọi-rợ, không phải là cách ngôn-luận văn-hiến (3) Trung-Hoa.

Nay các ông kế đã quẫn, lực đã cùng, quân lính mỏi-mệt, lương-thực đã mòn, ngoài không cứu-viện, khác gì thịt ở trên thớt, cá ở trong nồi, lại còn dỗ dành dân ta lấy điều phi-nghĩa, này những kẻ trung-thần nghĩa-sỹ cũng còn tạc sương ghi dạ về nông-nỗi các ông, có nhẽ nào tin những nhời bất-nghĩa ấy chăng? chỉ hãi những người Việt-nam nhớ chủ cũ ở trong thành các ông, cùng những người Tầu cay-đắng khổ-sở, chả có lúc hại các ông mà đầu hàng hay sao, khác gì việc ông Trương-Phi, Lã-Bố vì đầy tớ mà hại thân. Nay từ các chức đô-

(1) Thượng-vị : là ngôi trên tức là ông vua.

(2) Sa-giá : xe ngựa.

(3) Văn-hiến : văn-minh phép tắc.

tý các thành trở xuống, đều oán các ông lấy mưu gian giỗ mình vào nơi thang-hỏa, nay sửa khí-giới, mai sắp ngựa xe, bực-giận uất-ức, đến nỗi giết lẫn nhau, cứ gì đến tay quân lính ta.

Nay tôi bảo rõ cho các ông biết rằng : sự cơ các ông bại-binh có 6 điều : nước lụt ngang giời. thành lũy vỡ-lở, lừa ngựa chết, quân binh ốm, đấy là một cách đáng thua. Nơi Trường-quan là nam bắc giao thông, núi khe hiểm-trở, quân ta thủ-hiểm tranh sơn, nếu có viện-binh bỡ-ngỡ kéo đến, chỉ có phần thua, viện-binh mà tan thời các ông ở trong tay áo ta, đấy là cách đáng thua thứ hai. Hiện nay những quân giỏi, ngựa tốt nước Minh đến ở phương bắc giữ qnân Nguyên, còn lúc nào mở mắt mà trông về phương nam, đấy là cách đáng thua thứ ba. Quân các ông nay hươm mai giáo, nay đông mai tây; người đều nản lòng, sôn-sao oán-trách, đấy là cách thua thứ tư. Chiều Minh gian-thần cầm-quyền, vua bé nối ngôi, ruột thịt hại nhau, trong nhà rối loạn, đấy là cách đáng thua thứ năm. Nay quân ta vì nghĩa-khí, vì nhẽ công, trên dưới đồng tâm anh-hùng hiệp-sức, quân lính thao-luyện (1), khí giới tinh-minh. lúc rỗi cầy-bừa, có việc cầm gươm để đương với những quân mỏi mệt các ông, đấy cũng là cách các ông đáng thua. Nay các ông giữ một thành cỏn-con mà chờ sáu cách đáng thua, tôi lấy

(1) Thao luyện : luyện tập.

• Kho sách Quán Ven Đường, Chủ quán Huỳnh Chiếu Đẳng•

làm run sợ thay! cổ-nhân nói rằng: « nước xa không cứu được lửa gần » rẫu có viện-binh cũng không cứu được nguy-vong các ông.

Xưa kia Phương-Chính, Mã-Kỳ làm sự bạo-ngược, coi mạnh người như đất bùn, đào mồ-mả người, cướp vợ con người, kẻ sống ta-oan, người chết hàm-oan, các ông nên xét kỹ sự-cơ, ngắm xem thời-cục (1), chém Phương-Chính, Mã-kỳ cho ra ngoài thành, rồi hòa-giải như xưa, trước giải sự tức-giận dân ta, sau để trong thành các ông khỏi sinh nguy-hiểm. Nếu các ông muốn giải-binh về nước, tôi xin sửa sang đường-lối, sắp sẵn thuyền bè, thủy-lục đôi đường, xin tùy ý định, tôi xin tiễn-tống ra nơi ải-quan (2), muôn phần trọn-vẹn. Bằng không nghe nhời, thời nên sắp quân bầy trận ở nơi bình-nguyên (3) để quyết sống mái, và xem ai khéo dụng binh, xin đừng ẩn-núp ở nơi hang sâu làm như thói đàn bà.

---

(1) Thời cục: cuộc đời.
(2) Ải-quan: cửa quan chỗ hai nước giáp nhau.
(3) Bình-nguyên: đồng bằng.

65 — Ông Lê-Lễ thất cơ thua một trận ở Mỵ-Động (*Tức Hoàng-Mai*) cụ Nguyễn-Trãi làm thư này đưa cho tướng Minh là Vương-Thông

Này, bớt một trén nước, bể rộng cũng không cạn, thêm vào một trén nước cũng không đầy, kẻ khéo dụng-binh không lấy chận được nhỏ mà mừng, cũng không lấy trận thua to mà sợ. Nay các ông chỉ có mấy nghìn quân lang-tạ (1) ở trong só cô-thành, lương một ngày một hết, quân một ngày mòn, cứu-binh không tới, khí-lực ngày suy ; An-nam ta ngựa lắm, quân nhiều, khí-giới tề-trỉnh, trên dưới đồng-tâm, kẻ trí-mưu, người vũ-dũng, liền cách tren trân, khí-lực ngày mạnh, thế cường, nhược, được, thua, ngồi một nơi cũng đủ rõ. Các ông được một trận cũng không thấy cường, quân tôi thua một trận cũng không thấy nhược.

Hôm qua mấy người tì-tướng tôi, ít tuổi ngông-ngênh, không theo hiệu-lệnh, khinh-chiến (2) thất-cơ, vì thế các ông mới đắc-trí một thì, nhưng xem tướng-tá các thành Tân-Bình, Thuận-hóa, Diễn-châu, Nghệ-An, Tiền-Vệ, Tam-Giang, Hương-Giang, Trấn-Gi, như quan Sái-Đô-Đốc, cùng các quan chỉ-huy một vạn mấy nghìn viên, quân lính hơn ba muôn, vì các ông làm nhầm đến nỗi bị bắt, so với vài người tì-tướng tôi việc nào trọng mà việc nào

(1) Lang-tạ : hao-mòn xơ-sác.

(2) Khinh chiến : khinh thường mà giao chiến.

• Kho sách Quán Ven Đường, Chủ quán Huỳnh Chiếu Đẳng•

khinh, ai được cùng ai thua, mà ông không biết lo-lắng, lại còn khoác-lác khoe-khoang, khác gì nhà đã bốc cháy mà đàn sẻ còn dúc-dích trong hốc cột, có đáng buồn cười không?

Vả nay quân ta thừa thắng, Bằng-tiên, Long-Châu (1) cũng về ta, các nơi Quảng-Đông, Quảng-Tây giặc-cướp nhân đó nhiễu-loạn, kìa như ông Tích-Lịch-Đại-Vương đã giữ một nơi mà sưng đế, mà các ông còn ngày mong quân-viện, phao những truyện mơ-huyền, khác gì trong dấc chiêm-bao lại nói truyện chiêm-bao, thực nực cười thay!

Ngày xưa quan Sái-đô-Đốc coi hàng ức vạn binh-mã, hợp mới phủ, huyện các nơi, thế lực hữu-giư, cũng còn tâu về thiên-triều xin lập con cháu họ Trần, và kể các quan tổng-binh thế chống-trọi đảm-đang (2) không nổi; rồi các ông lại lập mưu gian đem hết binh-mã các vệ đưa thư xin hòa giải, sau lại phụ ước thay nhời, đến nỗi mấy vạn người ngao-ngán thất-sở; nhưng nghĩ sơ-tâm các ông là bụng ngay giạ thực, chỉ vì Phương-Chính, Mã-Kỳ làm nghi-hoặc đến nỗi thế thôi. Nay các ông như muốn theo nhời ước cũ, xin tức giải binh, để cùng quan Sái Đô-đốc bàn sự giải-hòa, một là hai nước khỏi sự can-qua, hai là giải sự quan Sái Đô-đốc phiền rằng bị lừa các ông, mà cả toàn quân ông cũng khỏi sự tai nguy, nếu các ông giữ mực khăng-khăng chịu chết, khác gì vua Đường-Thái-Tôn nói

---

(1) Long-Châu, Bằng-Tiên: đất Tàu.

(2) Đảm đang: gánh vác.

rằng : « tận chung vô ích » (chung cũng không ích gì) không.

Vả bậc đại-trượng-phu làm việc nên lỗi-lạc chính-đại, muốn thủy-chiến nên đem hết chiến-thuyền bầy ở nơi trường-giang, muốn lục-chiến xin đem hết binh-mã ra ngoài đồng-bằng, quyết chiến một đôi hôm để định sống mái, không nên thập-thò ở góc thành, ăn cướp rơm cỏ lấy làm đắc-sách, thế là bụng giạ đàn-bà, không phải chí-khí trượng-phu

66. — Thư đưa cho Vương-Thông.

Tôi là Lê-Mỗ, Tri-phủ Thanh-hóa, xin nói để ngài biết : đã gọi là bậc tuấn-kiệt (1), là biết thời-thế, hiểu sự biến mà thôi. Này khi tôi ở Khả-lam, đất chẳng qua một thành, quân chẳng qua một đội, thường phải lũ Mã-Kỳ, Chu-Kiệt bức đuổi đến nỗi phải chốn sang nước Lão-qua cùng giấy núi Chí-linh, nương náu đợi thời, ngày hai bữa không song, áo đông hạ không chu, quân không đầy mấy nghìn, khí giới sạch không, nào anh em, nào họ đương, nào thầy bạn, mỗi người một phương, mà lũ Phương-Chính, Mã-Kỳ, Vương-Thành, Phùng-Quý tiến công luôn luôn, chúng tôi hôm sớm long-đong, không được nghỉ-ngơi, nhưng mà đương khi khốn-đốn, gập bước hanh-thông (2), đánh đâu được đấy, có phải là lòng giời không ?

(1) Tuấn-kiệt : hào-kiệt xuất sắc.
(2) Hanh thông : hảnh thản thông đồng.

Nay thời-vận soay-vần, bĩ(1) rồi cũng thái(2), xưa kia hai bữa không song, nay thời kho tàng tích-tụ, lương ba-mươi năm có thừa. — Xưa kia quân không đầy vài trăm, nay thời những quân Thanh-hóa, nào cha cùng con, nào anh cùng em, có hơn ba vạn; những quân tinh-nhuệ hùng-dũng Diễn-châu, Tân-bình, Thuận-hóa cũng có mấy muôn, những quân một cật một giạ có hàng mười muôn, còn như những quân có thể sung vào hàng trận hơn ba-mươi muôn. — Xưa kia anh em, họ-đương, bè bạn, mỗi người một phương, nay thời những kẻ tài-trí lược-thao, liền cánh chen chân. — Xưa kia khí-giới sạch không, nay thời chật sông chiến-hãm, rợp giời giáp binh, cung tên chất đống, thuốc đạn đầy kho, trông trước ngắm sau, cường nhược đủ biết.

Nay xem nước ông bấy lâu rối-loạn, dẫu rằng cốt-nhục như mác như chông, bắc thời giặc Nguyên sâm-chiếm, trong thời quần-thần ly-tâm, da-dĩ liền năm đói kém, công-dịch không ngơi, chính lệnh hà-khắc, giặc cướp như ong; từ năm Hồng-Vũ đến nay, người Trung-quốc, kẻ ly-tán, kẻ tử vong, biết là bao nhiêu, ngắm xem nước ông, giời đoản chính là thời này. Các ông không hiểu cơ-sự, lại nghe Phương-Chính, Mã-Kỳ toan những thế công và thế thủ, nếu hắn quả có mưu-thâm kế-giỏi, sao không đánh ngay chúng tôi khi ở Khả-lam cô-nhược(3), mà lại khoe khôn khoe khéo ở ngày nay làm chi!

---

(1) bĩ: vận bị.

(2) Thái: cơn thịnh.

(3) Cô nhược: yếu đuối không có vây cánh.

Huống lại nhắm mắt nói mò, viện-binh gần tới Trương-Phụ lại sang, sao không nghĩ ngày nay dẫu có quân-viện mười muôn, đã giám bước chân vời cương-giới ta chăng? Đến như sự đem hết quân cả nước hay ba bốn mươi muôn kéo lại, nước các ông ngày nay quả có sự ấy chăng? hay còn lúng-túng trong só nhà chưa xong. Còn như Trương-Phụ, nhân khi họ Hồ bạn-nghịch trong nước coi như quân thù, Trương-Phụ nhân cơ-hội ấy. kiêu-hãnh (1) thành-công, ông không nghĩ nước chúng tôi nay, quân nhiều, lương sẵn, đồng lực đồng tâm, dẫu có trăm Trương-Phụ đã làm gì nổi chăng. Vả nước các ông nguy-nghiệp nhường vậy, mà sai Trương-Phụ đem ba bốn mươi vạn quân đi phương xa, chiều đình các ông có yên tâm chăng?

Thôi! các ông nên giải binh để cùng quan Sái Đô-đốc cùng về là hơn, bằng không cờ ta phất, trống ta đánh, xin đừng hối-hận, Kìa kinh Dịch nói rằng: « cùng thời biến (2), biến mới thông (3) » các ông phải lấy đấy làm gương.

Ta chỉ hãi quân các ông nhớ nước nhớ quê, bụng đau dạ sót, da-dĩ cơm cháo không no, chết chóc dần mòn, ai cùng các ông lập thế thủ và thế công; vả chăng Phương-Chính, Mã-Kỳ là vị tướng bại binh, lại còn khoe mạnh được chăng, thôi! các ông nghĩ xem.

HẾT

---

(1) Kiêu hãnh : ăn may.
(2) Biến : là đổi.
(3) Thông : thông hoạt thành sự.

MỤC LỤC

I. — Về Tả-cảnh.

số bài — số trang

1 Bài ký lầu Nhạc-Dương, *Phạm-Trọng-Yêm.* 5
2 Bài ký yết đền bà Phiếu-Mẫu............ 6
3 Bài ký Túy-Ông-Đình, *Âu-Dương-Tu.....* 8
4 Bài ký Tiểu-Kỳ, *Liễu-Tôn-Nguyên........* 10
5 Bài ký Lăng-Hư-Đài, *Tô-Thức...........* 12
6 Bài ký chơi chùa Hương-Tích, *Ng.-Tư-Đản* 14

II. — Về Tả tình.

7 Thư giả nhời ông Tô-Vũ, *Lý-Lăng........* 23
8 Văn viếng cháu là Thập-Nhị-Lang, *Hàn-Dũ* 28
9 Văn tế ông Mai-Quân, *Quách-Tôn-Hội....* 31
10 Văn viếng ông Chử-Công-Lượng......... 34
11 Bài biểu Trần-tình, *Lý-Mật..............* 36
12 Văn tế Bia-cổ, *Châu-Địch-Quang.........* 38
13 Văn viếng anh là Đốc-học Nam-định, *Nguyễn-Tư-Đản.........................* 40
14 Văn viếng quan Hoàng-giáp Tam-Đăng, *Vũ-Phạm-Khải..........................* 42
15 Văn viếng quan phủ Phú-Bình tử-tiết, *Lê-Hữu-Thanh.........................* 45
16 Bài chướng mừng quan Hoàng-giáp Tam-Đăng hạ thọ, *Vũ-Phạm-Khải...........* 46

III. — Luận thuyết.

17 Bài tựa Tam-quốc-chí, *Thánh-Thán......* 49
18 Bài tựa Tây-xương-ký, » 53

•Quán Ven Đường, Góp Nhặt Sách Xưa (người đi lượm sách Huỳnh Chiếu Đẳng)•

So bài | so trang

19 Lưu-Hầu luận 57
20 Nhời Trần-Trấn thưa lại với vua Tần,
Chiến-quốc Sách 60
21 Luận tha tù, *Âu-Dương-Tu* 62
22 Thư đưa cho quan Tề-tướng, *Hàn-Dũ* 64
23 Thư chách Bành-Sủng, *Chu-Phù* 66
24 Thư mừng cháy nhà, *Liễu-Tôn-Nguyên* 68
25 Học-trò phải lấy sự trị-sinh làm đầu,
Vô-Danh 70
26 Ông Trịnh-Trang-Công đánh Thúc-Đoàn,
Lữ-Đồng-Lai 75
27 Sự yên vui là thuốc độc, *Lữ-Đồng-Lai* ... 78
28 Tề, Lỗ, Trịnh đánh Hứa, » ... 80
29 Ông Tuyên-Công nước Tống chuyền ngôi
cho em, *Lữ-Đồng-Lai* 82
30 Nước Tức đánh Trịnh, *Lữ-Đồng-Lai* 83
31 Vua Tề cứu Hình và Vệ, » 84
32 Nước Tùy đánh Sở, » 88
33 Tống vây Tào, » 90
34 Công-tử Ngữ trốn Tần về Tấn, » 93
35 Vua Hoài-công nước Tấn giết Hồ-Đột,
Lữ-Đồng-Lai 96

IV. — Kinh tế

36 Long-trung đối, *Gia-Cát-Lượng* 99
37 Vũ-An-Quân can vua Tần đừng đánh Triệu,
Chiến-quốc Sách 100
38 Nhời Hàn-Phi tâu vua Tần, *Chiến-quốc Sách* 105
39 Thư đưa cho tướng Yên, *Lỗ-Trọng-Liên* .. 110

Sô bài so trang

40 Tô-Tần bảo Triệu kế hợp-tung,
Chiến-quốc Sách 114
41 Lâu-Hoãn và Ngu-Khanh bàn việc Tần,
Chiến-quốc Sách 118
42 Thư Phạm-Tọa dâng vua Ngụy và Tín-Lăng
Chiến-quốc Sách 123
43 Thư Tô-Đại dâng vua Yên Triệu-Vương,
Chiến-quốc Sách 124
44 Thư vua Yên tạ ông Nhạc-Gian,
Chiến-quốc Sách 127
45 Tuy-Hà bảo Kình-Bố về Hán,
Chiến-quốc Sách 129
46 Khoái-Thông bảo Hàn-Tín kế tam-phân,
Chiến-quốc Sách 134
(Còn 20 bài này của cụ Nguyễn-Trãi làm cả)
47 Bài biểu trần-tình tạ tội cùng vua Tầu.... 136
48 Bài biểu vua Lê tạ ơn vua Tầu........... 139
49 Thư đưa cho tướng Tầu là Vương-Thông. 141
50 Thư đưa cho tướng Tầu là Phương-Chính. 142
51 Thư giả nhời tướng Tầu là Phương-Chính. 143
52 Thư đưa cho Phương-Chinh............. 143
53 Thư giả nhời Phương-Chinh............. 144
54 Thư giả nhời tướng Tầu xin hòa......... 145
55 Thư đưa cho Vương-Thông và Sơn-Thọ-Hầu 145
56 Thư đưa cho tướng Tầu là Đả-Trung và
Lương-Hốt 146
57 Thư đưa cho tướng Tầu là Vương-Thông
và Sơn-Thọ 147
58 Thư đưa cho Vương-Thông............. 148
59 Thư giả nhời Vương-Thông và Sơn-Thọ... 149

So bài so trang

60 Thư đưa cho Vương-Thông.............. 151
61 Thư đưa cho Đả-Trung và Lương-nhữ-Hốt 152
62 Thư đưa cho Vương-Thông.............. 154
63 Thư giụ thành Bắc-Giang................ 156
64 Thư đưa cho Vương-Thông.............. 158
65 Thư đưa cho Vương-Thông.............. 162
66 Thư đưa cho Vương-Thông.............. 164